

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700255880 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 02/02/2009, cấp thay đổi lần thứ 15 ngày 30/06/2021)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 333/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 31 tháng 12 năm 2021)

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI



Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày ... tháng ... năm 2021 tại:

1. Tổ chức phát hành:

Công ty cổ phần Tôn Đông Á

Trụ sở chính : Số 5, Đường số 5, Khu công nghiệp Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

Điện thoại : (0274) 373 2575

Fax: (0274) 379 0420

Website : www.tondonga.com.vn

2. Đại lý phân phối:

↕ Công ty cổ phần Chứng khoán SSI (SSI)

Trụ sở chính : 72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (028) 3824 2897

Fax: (028) 3824 2997

Website : www.ssi.com.vn

↕ Công ty cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC)

Trụ sở chính : Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB, 76 Lê Lai, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (028) 38 293 826

Fax: (028) 38 233 301

Website : www.hsc.com.vn

 **Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam (Mirae Asset)**

Trụ sở chính : Tòa nhà Le Meridien, Tầng 7, 3C Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (028) 3910 2222

Website : www.masvn.com

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên : Ông Nguyễn Văn Đại

Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc kinh doanh

Điện thoại : (0274) 373 2575

Fax: (0274) 379 0420

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700255880 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 02/02/2009, cấp thay đổi lần thứ 15 ngày 30/06/2021)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu Công ty cổ phần Tôn Đông Á
Loại cổ phiếu	: Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	: 10.000 đồng/cổ phiếu
Giá bán	: Không thấp hơn 27.948 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng cổ phiếu chào bán	: Dự kiến 15.350.000 cổ phiếu, bao gồm 12.368.681 cổ phiếu mới phát hành và 2.981.319 cổ phiếu thuộc sở hữu của cổ đông hiện hữu
Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá	: Dự kiến 153.500.000.000 đồng

ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI:

Công ty cổ phần Chứng khoán SSI (SSI)

Trụ sở chính : 72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại : (028) 3824 2897 Fax: (028) 3824 2997

Website : www.ssi.com.vn

Công ty cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC)

Trụ sở chính : Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB, 76 Lê Lai, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (028) 38 293 826 Fax: (028) 38 233 301

Website : www.hsc.com.vn

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam (Mirae Asset)

Trụ sở chính : Tòa nhà Le Meridien, Tầng 7, 3C Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (028) 3910 2222

Website : www.masvn.com

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Trụ sở chính : Lầu 20, Tòa Nhà Bitexco, Số 2 Hải Triều, Q. 1, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : (028) 3824 5252 Fax: (028) 3824 5250

Website : www.ey.com

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Công ty cổ phần Chứng khoán SSI (SSI)

Trụ sở chính : 72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh,
Việt Nam

Điện thoại : (028) 3824 2897 Fax: (028) 3824 2997

Website : www.ssi.com.vn

MỤC LỤC

I.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	8
1.	Tổ chức phát hành	8
2.	Tổ chức tư vấn	8
II.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	9
1.	Rủi ro về kinh tế	9
1.1.	<i>Tăng trưởng kinh tế</i>	9
1.2.	<i>Tỷ lệ lạm phát</i>	10
1.3.	<i>Lãi suất</i>	12
1.4.	<i>Tỷ giá</i>	12
2.	Rủi ro về luật pháp	13
3.	Rủi ro đặc thù	13
3.1.	<i>Rủi ro về giá nguyên vật liệu và thành phẩm</i>	13
3.2.	<i>Rủi ro về nguồn cung và cầu</i>	14
3.3.	<i>Rủi ro cạnh tranh</i>	14
4.	Rủi ro của đợt chào bán	15
4.1.	<i>Rủi ro về việc chào bán</i>	15
4.2.	<i>Rủi ro về sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán và rủi ro liên quan đến việc sử dụng vốn của các công ty tiếp nhận vốn từ đợt chào bán của Công ty</i>	15
5.	Rủi ro pha loãng	15
6.	Rủi ro quản trị công ty	16
7.	Rủi ro khác	17
III.	CÁC KHÁI NIỆM	18
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	19
1.	Giới thiệu chung về tổ chức phát hành	19
2.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	21
2.1.	<i>Quá trình hình thành, phát triển</i>	21
2.2.	<i>Chặng đường phát triển</i>	21
2.3.	<i>Danh hiệu và giải thưởng</i>	22

3.	Cơ cấu tổ chức Công ty	24
4.	Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty	25
4.1.	<i>Đại hội đồng cổ đông</i>	25
4.2.	<i>Hội đồng quản trị</i>	25
4.3.	<i>Ban Kiểm soát</i>	26
4.4.	<i>Ban Tổng Giám đốc</i>	27
4.5.	<i>Các phòng, ban chức năng</i>	27
5.	Thông tin về công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành:	30
5.1.	<i>Công ty mẹ</i>	30
5.2.	<i>Công ty con</i>	30
5.3.	<i>Những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành</i>	31
6.	Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ:	31
7.	Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ Chức Phát Hành	38
8.	Thông tin về chứng khoán đang lưu hành	38
9.	Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	39
10.	Hoạt động kinh doanh	39
10.1.	<i>Đặc điểm hoạt động kinh doanh</i>	39
10.2.	<i>Tài sản thuộc sở hữu Công ty</i>	53
10.3.	<i>Thị trường hoạt động (doanh thu, lợi nhuận theo từng thị trường)</i>	55
10.4.	<i>Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ của Công ty</i>	56
10.5.	<i>Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết trong năm 2019 – năm 2020 và đến thời điểm hiện tại</i>	57
10.6.	<i>Các khách hàng, nhà cung cấp lớn trong năm 2019 – năm 2020 và đến thời điểm hiện tại</i>	59
10.7.	<i>Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành</i>	60
10.8.	<i>Hoạt động marketing</i>	67
10.9.	<i>Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế</i>	72
10.10.	<i>Chính sách nghiên cứu và phát triển</i>	72
10.11.	<i>Chiến lược kinh doanh</i>	73
11.	Chính sách đối với người lao động	74

12.	Chính sách cổ tức	77
13.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành	77
14.	Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán	78
15.	Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích	78
V.	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH	78
1.	Kết quả hoạt động kinh doanh	78
1.1.	<i>Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty</i>	78
1.2.	<i>Ý kiến kiểm toán tại Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019, 2020</i>	80
1.3.	<i>Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty</i>	80
2.	Tình hình hoạt động tài chính	81
2.1.	<i>Các chỉ tiêu cơ bản</i>	81
2.2.	<i>Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu</i>	86
3.	Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành	88
4.	Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo	88
4.1.	<i>Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm tài chính 2021 của Công ty</i>	88
4.2.	<i>Kế hoạch tăng vốn</i>	88
4.3.	<i>Căn cứ để đạt được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nói trên</i>	88
4.4.	<i>Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức</i>	90
VI.	THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG	90
1.	Thông tin về cổ đông sáng lập	90
2.	Thông tin về cổ đông lớn	91
2.1.	<i>Cổ đông lớn là cá nhân</i>	91
2.2.	<i>Cổ đông lớn là tổ chức</i>	95
3.	Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng	97
3.1.	<i>Hội đồng quản trị</i>	97

3.2.	<i>Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng</i>	112
3.3.	<i>Ban Kiểm soát</i>	116
VII.	CỔ PHIẾU CHÀO BÁN	121
1.	Loại cổ phiếu	121
2.	Mệnh giá	121
3.	Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán	121
4.	Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá	121
5.	Giá chào bán dự kiến	121
6.	Phương pháp tính giá	121
7.	Phương thức phân phối	122
8.	Đăng ký mua cổ phiếu	122
9.	Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu	123
10.	Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng	123
11.	Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu	124
12.	Hủy bỏ đợt chào bán	124
13.	Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài	124
14.	Các loại thuế có liên quan	125
14.1.	<i>Đối với Công ty</i>	125
14.2.	<i>Đối với nhà đầu tư</i>	126
15.	Thông tin về các cam kết	127
16.	Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt	128
17.	Kế hoạch tăng cường quản trị công ty	128
VIII.	MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	128
1.	Mục đích chào bán	128
IX.	KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN	128
X.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC CHÀO BÁN	133
1.	Đơn vị tư vấn	133
2.	Đơn vị kiểm toán	133
3.	Đại lý phân phối	133
XI.	PHỤ LỤC	134

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành – **CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Ông: Nguyễn Thanh Trung Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Ông: Hồ Song Ngọc Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bà: Trần Lệ Xuân Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn – **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI**

Bà: Nguyễn Ngọc Anh Chức vụ: Giám đốc Khối – Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư

(Giấy uỷ quyền số 14/2020/UQ-SSI của ông Nguyễn Hồng Nam, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI ký ngày 04 tháng 09 năm 2020)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng do Công ty cổ phần Chứng khoán SSI tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn số 33/2021/NHĐT-SSI-HO ngày 22 tháng 04 năm 2021 với Công ty cổ phần Tôn Đông Á. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Tôn Đông Á cung cấp.

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Rủi ro về kinh tế là rủi ro hệ thống tạo ra từ các yếu tố vĩ mô, bao gồm các yếu tố cơ bản tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp là (i) tốc độ tăng trưởng kinh tế; (ii) tỷ lệ lạm phát; (iii) lãi suất; và (iv) tỷ giá. Các yếu tố vĩ mô luôn đóng vai trò quan trọng, có thể giúp thúc đẩy cũng như tạo ra những thách thức cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Việc đánh giá tác động của các yếu tố vĩ mô này có thể giúp doanh nghiệp thích nghi kịp thời với sự biến đổi của môi trường kinh doanh, đề ra chiến lược phát triển phù hợp trong tương lai.

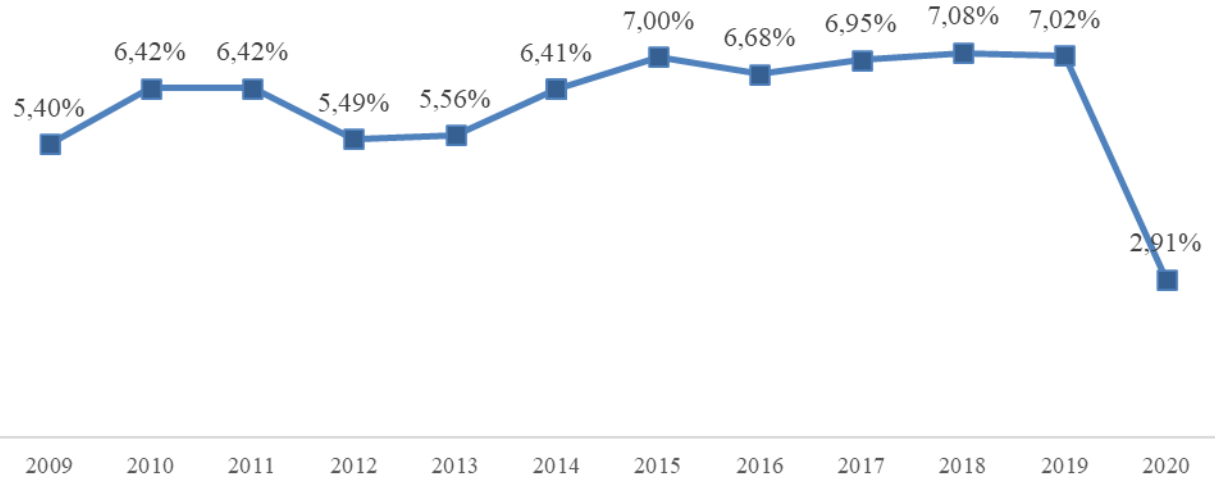
1.1. Tăng trưởng kinh tế

Tiếp nối kết quả đã đạt được của năm 2020, những tháng đầu năm 2021, kinh tế vĩ mô nước ta tiếp tục ổn định và bắt đầu khởi sắc. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý II năm 2021 tăng 5,64% so với năm trước, Việt Nam thuộc nhóm nước có tăng trưởng cao nhất thế giới. Các tài sản tài chính và bất động sản đã tăng giá tương đối cao trong giai đoạn qua (nhờ chính sách lãi suất thấp và cung tiền dồi dào).

Tuy nhiên, sự trở lại của Covid-19 ở một số vùng vào cuối tháng 6/2021 đã đặt ra nhiều thách thức trong công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế và bảo đảm an sinh xã hội nhằm đạt được mục tiêu tăng trưởng năm 2021. Quý III/2021, GDP ước tính giảm 6,17% so với cùng kỳ năm trước, là mức giảm sâu nhất kể từ khi Việt Nam tính và công bố GDP quý đến nay. Do đó, GDP 9 tháng năm 2021 chỉ tăng 1,42% so với cùng kỳ năm trước do dịch Covid-19 ảnh hưởng nghiêm trọng tới mọi lĩnh vực của nền kinh tế, nhiều địa phương kinh tế trọng điểm phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài để phòng chống dịch bệnh. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,74%, đóng góp 23,52%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3,57%, đóng góp 98,53%; khu vực dịch vụ giảm 0,69%, làm giảm 22,05%.

Theo Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, năm 2021, Việt Nam tuy gặp nhiều khó khăn, đặc biệt trong quý II và quý III nhưng vẫn đạt mức phấn đấu cao vào quý IV để tăng trưởng cả năm đạt từ 3-3,5%. Để đạt được mức tăng trưởng kỳ vọng này, Việt Nam sẽ phải đối diện với không ít khó khăn, thách thức.

Tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn 2009 - 2020



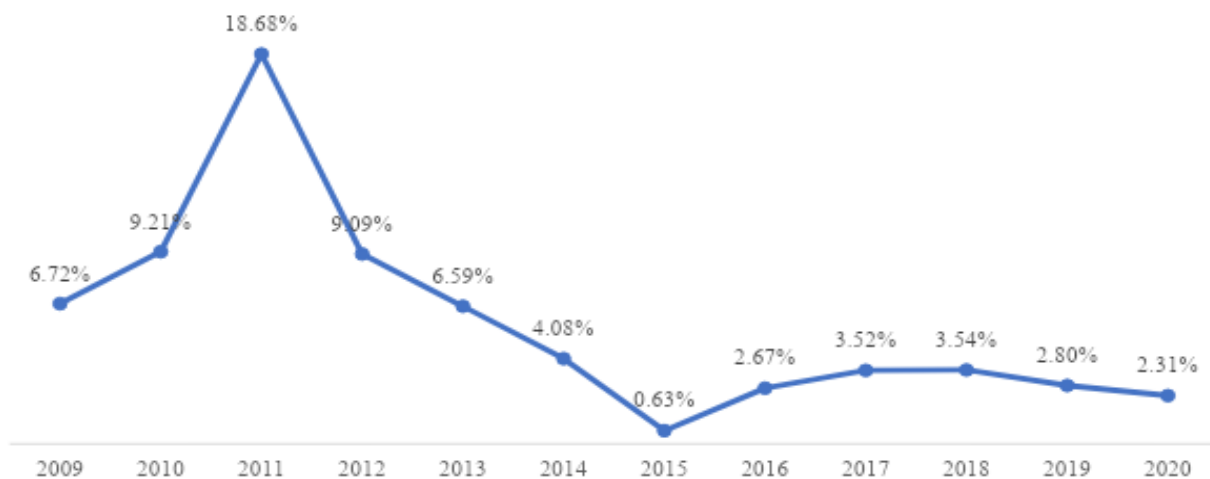
Nguồn: Tổng cục thống kê

Sự phát triển về kinh tế nói chung và đời sống người dân được nâng cao nói riêng sẽ tạo động lực cho các ngành kinh tế nói chung được phát triển, tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho Công ty trong tương lai.

1.2. Tỷ lệ lạm phát

Các rủi ro trong tài chính doanh nghiệp thường gắn liền với hiện tượng lạm phát trong nền kinh tế. Theo những số liệu được công bố, trong những năm gần đây Việt Nam đang xử lý rất tốt tình trạng lạm phát so với các năm trước.

Lạm phát cơ bản của Việt Nam giai đoạn 2009 - 2020



Bình quân năm 2020, chỉ số giá tiêu dùng bình quân (CPI) Việt Nam tăng 3,23% so với năm 2019; trong đó: CPI khu vực thành thị tăng 2,91%, khu vực nông thôn tăng 3,53% so với năm 2019. Lạm phát cơ bản năm 2020 tăng 2,31% so với năm 2019.

Theo Cục Quản lý giá, mặt bằng giá cả thị trường trong năm 2020 chịu ảnh hưởng chủ yếu từ các yếu tố cung cầu thay đổi liên tục và phức tạp trước diễn biến của dịch Covid-19. Mặt bằng giá có xu hướng giảm hoặc ổn định ở mức thấp trong các thời điểm cung cầu chịu tác động tiêu cực của tình hình dịch bệnh và hồi phục trở lại khi dịch bệnh được kiểm soát.

Trong bối cảnh nhiều thách thức, công tác quản lý, điều hành giá đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương triển khai thận trọng, phối hợp chặt chẽ để đảm bảo hài hòa các mục tiêu chung, vừa đảm bảo mặt bằng giá cả thị trường, kiểm soát lạm phát, vừa tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp. Nhờ đó, CPI bình quân năm 2020 đã trong mục tiêu Quốc hội đề ra. Cụ thể, CPI tháng 12/2020 tăng 0,19% so với tháng 12/2019, là mức thấp nhất trong giai đoạn 2016-2020.

So với cùng kỳ năm trước, CPI bình quân quý III/2021 tăng 2,51%. Tính chung 9 tháng năm 2021, CPI tăng 1,82% so với cùng kỳ năm trước, mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016. Lạm phát cơ bản 9 tháng tăng 0,88%. Từ đầu năm đến nay, mặt bằng giá cả thị trường tăng/giảm đan xen, một số mặt hàng có mức tăng cao do chịu tác động từ các yếu tố và giá thế giới. Nguyên nhân gây áp lực lên mặt bằng giá là do một số mặt hàng thiết yếu có biến động tăng giá do ảnh hưởng từ chi phí nguyên liệu đầu vào, chi phí vận chuyển logistics tăng như thức ăn chăn nuôi, phân bón, vật liệu xây dựng; giá mặt hàng xăng dầu, LPG trong nước tăng do tác động từ giá thế giới tăng mạnh khi nhu cầu chung trên thế giới tăng...

Bên cạnh đó, các nguyên nhân làm giảm áp lực lên mặt bằng giá như tổng cầu nền kinh tế vẫn chưa hồi phục trong bối cảnh quý II và quý III chịu tác động rất lớn bởi tình hình dịch bệnh; một số lĩnh vực vẫn chịu tác động mạnh của dịch bệnh như dịch vụ văn hóa, giải trí du lịch giảm mạnh, tiêu dùng cơ bản ở mức thấp; giá các mặt hàng thực phẩm cơ bản ổn định, trong đó có thịt lợn giảm so với cùng kỳ năm trước do nguồn cung trong nước dồi dào; nền tảng kinh tế vĩ mô, tỷ giá ổn định với các chính sách tiền tệ, tài khóa linh hoạt, thận trọng...

Năm 2021, dự kiến lạm phát sẽ tiếp tục được kiểm soát ở mức 4,0% theo Nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 của Quốc hội. Từ nay đến cuối năm, dự kiến CPI bình

quân tăng khoảng 2%. Như vậy, mục tiêu kiểm soát lạm phát do Quốc hội đặt ra trong năm 2021 là không bị áp lực nặng nề và hoàn toàn có thể thực hiện được.

1.3. Lãi suất

Lãi suất là một yếu tố rất nhạy cảm đối với nền kinh tế, ảnh hưởng trực tiếp đến tiết kiệm, và đầu tư, sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung.

Rủi ro về lãi suất đối với một doanh nghiệp xuất hiện khi chi phí trả lãi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận. Mức rủi ro về lãi suất là khác nhau giữa các ngành tùy theo cơ cấu nợ vay của các ngành đó. Mức lãi suất càng cao thì doanh nghiệp càng khó khăn trong việc huy động vốn đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh.

Năm 2020, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã điều chỉnh lãi suất điều hành tạo điều kiện cho nền kinh tế có điều kiện phục hồi nhanh trước ảnh hưởng của dịch Covid-19. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam điều hành lãi suất thông qua hai loại lãi suất chính: lãi suất tái chiết khấu và lãi suất tái cấp vốn. Trên cơ sở các lãi suất điều hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, hệ thống ngân hàng thương mại sẽ quyết định mức lãi suất huy động vốn và lãi suất cho vay. Mặt bằng lãi suất thay đổi sẽ ảnh hưởng đến chi phí tài chính và hiệu quả hoạt động kinh doanh, lợi nhuận của các doanh nghiệp nói chung và Công ty nói riêng.

Để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty có sử dụng nguồn vốn vay từ Ngân hàng. Hiện nay vốn vay chiếm 40% tổng tài sản, và dự kiến sẽ có thể sẽ thay đổi dao động quanh con số này khi Công ty có kế hoạch bổ sung vốn cho các hoạt động kinh doanh. Đây là cơ cấu vốn khá an toàn nên những biến động của lãi suất (nếu có) tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phần nào sẽ được hạn chế.

1.4. Tỷ giá

Tỷ giá hối đoái tác động đáng kể đến nền kinh tế và thị trường chứng khoán thông qua việc tác động tới các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, cán cân thanh toán và sự di chuyển của các nguồn vốn đầu tư. Theo cơ chế quản lý hiện tại, tỷ giá phản ánh quan hệ cung cầu giữa các đơn vị tiền tệ khác nhau và đặt dưới sự quản lý, điều tiết của Nhà nước. Tuy nhiên, nhìn chung công tác quản lý tỷ giá là một vấn đề khó khăn và đôi khi tỷ giá biến động trái chiều với ý muốn chủ quan của các nhà quản lý.

Trong hoạt động kinh doanh của mình, Công ty có nguồn doanh thu và chi phí đáng kể đến từ hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu nguyên vật liệu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với

đồng Việt Nam. Đặc biệt, trong giai đoạn đầu tư sắp tới, dự án đầu tư sẽ yêu cầu nhập khẩu giá trị thiết bị lớn, sự thay đổi tỷ giá hối đoái có thể ảnh hưởng đến giá trị đầu tư đối với các gói máy móc thiết bị, tác động đến hiệu quả đầu tư của dự án. Tuy nhiên, Công ty luôn kiểm soát và tính toán kỹ lưỡng về thời gian thực hiện cũng như thời hạn thanh toán của các kế hoạch đầu tư, kinh doanh do đó hạn chế rủi ro tỷ giá ở mức thấp nhất.

2. Rủi ro về luật pháp

Công ty cổ phần Tôn Đông Á là Công ty cổ phần hoạt động theo Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật chuyên ngành khác có liên quan. Bất cứ sự thay đổi nào về pháp luật và môi trường pháp lý liên quan đều có tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, mọi hoạt động của Công ty được giám sát bởi hệ thống các cơ quan nhà nước bao gồm: Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (SSC), Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE), Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX), Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), Tổng cục thuế và được điều chỉnh bởi hệ thống văn bản quy phạm pháp luật bao gồm: Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, các văn bản pháp luật, các nghị định và các thông tư hướng dẫn liên quan. Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực chứng khoán cũng đang trong quá trình hoàn thiện, do đó bất kỳ sự thay đổi nào về mặt chính sách sẽ có thể ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty. Mặt khác rủi ro này cũng xuất hiện khi các công ty không tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật, thực hiện các hoạt động không được cho phép của pháp luật dẫn đến tổn thất và tổn hại uy tín của Công ty.

Nhận thức rõ vấn đề này, Công ty luôn chú trọng quan tâm tới việc cập nhật pháp luật. Công ty thường xuyên có kế hoạch tập huấn, cập nhật kiến thức cho tập thể cán bộ công nhân viên Công ty về các quy định của pháp luật cũng như ý thức chấp hành pháp luật.

3. Rủi ro đặc thù

3.1. Rủi ro về giá nguyên vật liệu và thành phẩm

Ngành thép và tôn mạ chịu rủi ro lớn về biến động giá nguyên vật liệu đầu vào, cụ thể là giá thép cuộn cán nóng (HRC) do chi phí nguyên vật liệu này chiếm hơn 80% tổng chi phí đầu vào. Trong năm 2021, giá HRC có xu hướng tăng mạnh 40-90% so với 2020. Biến động tăng mạnh của giá nguyên vật liệu đầu vào sẽ gây ảnh hưởng tới biên lợi nhuận của công ty. Tuy nhiên,

với chính sách thu mua nguyên vật liệu đầu vào chỉ khi đã nhận được đơn đặt hàng đầu ra, Tôn Đông Á có thể hạn chế rủi ro về biến động giá HRC đầu vào, do giá thành phẩm bán ra được cố định cùng với thời điểm thu mua nguyên vật liệu để đảm bảo biên lợi nhuận.

3.2. Rủi ro về nguồn cung và cầu

Đại dịch COVID đã làm gián đoạn chuỗi giá trị - trong cả hoạt động sản xuất cũng như vận chuyển - của hầu hết các ngành sản xuất, trong đó có ngành tôn mạ và thép. Đối với thị trường nội địa hiện tại, chỉ có hai doanh nghiệp có năng lực sản xuất sản phẩm HRC là Hòa Phát và Formosa Hà Tĩnh với tổng sản lượng mỗi năm dự kiến khoảng 6-8 triệu tấn/năm, chỉ đạt 60-65% tổng tiêu thụ nội địa. Với tỷ lệ nội địa hóa chưa đủ cao, có rủi ro hiện hữu cho các doanh nghiệp tôn với việc nhập khẩu nguyên vật liệu.

Nhu cầu cho ngành tôn và vật liệu xây dựng nói chung chịu ảnh hưởng lớn từ xu hướng kinh tế thế giới. Đặc biệt, các động lực phát triển đến từ nhu cầu tăng trưởng tự thân từ ngành bất động sản cũng như các chính sách của chính phủ, đặc biệt tại những thị trường mới nổi, trong việc đẩy mạnh đầu tư cơ sở hạ tầng. Các công ty trong ngành thép cần kiểm soát tốt rủi ro trong việc đầu tư và kinh doanh tại thị trường nội địa và các thị trường xuất khẩu.

Đội ngũ thu mua và bán hàng giàu kinh nghiệm, các mối quan hệ lâu dài và bền vững với các nhà cung ứng và khách hàng, kết hợp với việc hợp tác chiến lược với các ông lớn trong ngành thép thế giới như JFE và Posco giúp Công ty xây dựng chuỗi giá trị bền vững đảm bảo cung cầu ổn định để tối ưu hóa hoạt động kinh doanh.

3.3. Rủi ro cạnh tranh

Đặc thù của ngành tôn là lĩnh vực kinh doanh đã có truyền thống rất lâu trên thị trường với sự tham gia của nhiều doanh nghiệp có năng lực sản xuất kinh doanh có tầm cỡ. Các doanh nghiệp này cũng đang có kế hoạch triển khai nhiều dự án sản xuất tôn quy mô lớn. Trong trường hợp tổng quy mô công suất trong ngành phát triển nhanh hơn nhu cầu của thị trường, sức ép cạnh tranh đối với các doanh nghiệp sẽ là một yếu tố quan trọng, có tác động không nhỏ lên hoạt động kinh doanh thép của Công ty.

Trong bối cảnh đó, Công ty đã quyết liệt xây dựng thương hiệu tôn với tầm cỡ và tiêu chuẩn thế giới. Các sản phẩm của Công ty tập trung vào phân khúc cao cấp, khác biệt so với các đối thủ cạnh tranh nội địa. Sau 23 năm hoạt động, thương hiệu Tôn Đông Á luôn được thị trường

công nhận là sản phẩm chất lượng cao và uy tín, luôn nằm trong Top 3 doanh nghiệp có thị phần cao nhất trong ngành, đủ sức cạnh tranh với các đối thủ trong và ngoài nước.

4. Rủi ro của đợt chào bán

4.1. Rủi ro về việc chào bán

Thời gian vừa qua, nền kinh tế thế giới nói chung và của Việt Nam nói riêng đã chịu nhiều sự ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh. Mặc dù có nhiều tiến triển tích cực trong việc khống chế dịch bệnh và dần lấy lại đà tăng trưởng kinh tế nhưng xu hướng tăng trưởng ổn định của thị trường vẫn chưa được khẳng định chắc chắn khi hoạt động của các doanh nghiệp nói chung vẫn còn gặp khó khăn và điều kiện kinh tế vĩ mô vẫn cần cải thiện thêm.

Đợt chào bán cổ phiếu của Công ty sẽ phụ thuộc vào diễn biến tình hình thị trường chứng khoán tại thời điểm chính thức chào bán, các yếu tố vĩ mô, tâm lý của các nhà đầu tư cũng như sự hấp dẫn của cổ phần Công ty. Vì vậy, có thể có rủi ro không bán hết số cổ phần dự định chào bán. Trong trường hợp không bán hết số cổ phần dự định chào bán, Hội đồng quản trị sẽ chủ động tìm đối tượng khác để tiếp tục chào bán hoặc tìm kiếm nguồn vốn từ các nguồn vay khác để đảm bảo việc thực hiện kế hoạch kinh doanh đã đề ra.

4.2. Rủi ro về sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán và rủi ro liên quan đến việc sử dụng vốn của các công ty tiếp nhận vốn từ đợt chào bán của Công ty

Số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được sử dụng để bổ sung vốn chủ sở hữu tham gia đầu tư nhà máy 3 thông qua hình thức góp vốn thành lập công ty và một phần bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Nhìn chung, các kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán này đáp ứng được nhu cầu hoạt động kinh doanh hiện tại của Công ty. Các dự án đầu tư và hoạt động kinh doanh sử dụng tiền thu được của đợt chào bán đều là những tài sản cần thiết, phục vụ nhu cầu hoạt động đang ở mức tối đa công suất của Công ty, do đó, tính hiệu quả được đảm bảo chắc chắn. Đồng thời, sự hỗ trợ từ các yếu tố vĩ mô thuận lợi cùng với triển vọng tăng trưởng của Công ty giúp thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư đối với cổ phiếu của Công ty, đảm bảo sự thành công của đợt phát hành.

5. Rủi ro pha loãng

Pha loãng cổ phiếu là kết quả của việc phát hành thêm cổ phiếu phổ thông của một doanh nghiệp. Việc pha loãng cổ phiếu có thể gây ra ảnh hưởng như sau:

- Phần trăm sở hữu hay quyền biểu quyết của các cổ đông hiện hữu giảm xuống;
- Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS) có thể suy giảm do thu nhập được chia cho số lượng cổ phiếu lớn hơn;
- Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (BVPS) có thể giảm do số lượng cổ phiếu tăng.

Cụ thể, chỉ số thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS) của Công ty sẽ giảm do tổng số lượng cổ phần lưu hành tăng lên so với hiện tại và việc sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành sẽ chưa tạo ra ngay doanh thu, lợi nhuận như kỳ vọng.

$$\text{EPS} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế - Cổ tức cổ phiếu ưu đãi}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

Mức độ pha loãng EPS trong đợt chào bán này được đánh giá như sau:

- Tổng lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2021 theo kế hoạch của Công ty là 651 tỷ đồng. Và số cổ phần lưu hành bình quân trong năm 2021 dự kiến nếu không phát hành thêm cổ phiếu của đợt chào bán này là 99.890.387 cổ phần. Khi đó EPS dự kiến năm 2021 trước đợt chào bán là 6.517 đồng.
- Sau đợt chào bán, số cổ phần lưu hành tối đa dự kiến của công ty là 114.691.510 cổ phần. Giả sử Công ty hoàn thành đợt phát hành vào cuối tháng 09 năm 2021 thì khi đó số cổ phiếu lưu hành bình quân dự kiến năm 2021 sẽ là: 102.982.557 cổ phiếu, khi đó EPS sẽ giảm và có giá trị bằng 6.321 đồng/cổ phần.

Việc phát hành thêm cổ phiếu cũng có thể khiến giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (BVPS) giảm khi số lượng cổ phiếu lưu hành tăng lên. Khi đó, BVPS sẽ được tính với công thức:

$$\text{BVPS} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu - Lợi ích cổ đông không kiểm soát}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

Tại thời điểm 30/06/2021, BVPS của Công ty trước đợt chào bán là 27.948 đồng.

Tại thời điểm kết thúc đợt phát hành, nếu tốc độ tăng của vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phần sau đợt phát hành thì giá trị sổ sách/ cổ phần sẽ giảm.

6. Rủi ro quản trị công ty

Rủi ro quản trị công ty là rủi ro xuất phát từ quản trị công ty yếu kém, ảnh hưởng lớn đến sự phát triển lâu dài và bền vững của một doanh nghiệp, gây thiệt hại cho cổ đông. Trong bất kỳ ngành nghề kinh doanh nào, lựa chọn cơ cấu quản trị, cơ cấu tổ chức quản trị rủi ro phù hợp là nền tảng cần thiết đối với chiến lược quản trị rủi ro của doanh nghiệp. Để có thể đạt hiệu quả cao

nhất, khung quản trị rủi ro của doanh nghiệp cần được thiết kế phù hợp với văn hóa và chiến lược của công ty. Đánh giá đúng vai trò của quản trị công ty và quan tâm đến quản trị công ty từ những vấn đề cơ bản nhất là giải pháp hữu hiệu để phòng ngừa rủi ro.

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chuyên sản xuất thép cán nguội, tôn kẽm, tôn lạnh, tôn màu phục vụ cho ngành xây dựng công nghiệp và dân dụng, hạ tầng giao thông, thiết bị gia dụng, Công ty đã tạo lập được vị thế vững chắc trên thị trường dựa trên nền tảng đội ngũ có nhiều kinh nghiệm. Công ty luôn chú trọng tập trung đào tạo, phát triển đội ngũ quản lý có trình độ cao, tạo dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp. Đối với đợt chào bán cổ phiếu này, Ban Quản trị đã đề ra phương án tăng vốn khả thi và được ĐHĐCĐ thông qua. Điều này cho thấy sự tin tưởng của cổ đông vào sự khả thi của phương án phát triển Công ty và qua đó có thể nhận thấy rủi ro từ hoạt động quản trị của Công ty là không lớn.

7. Rủi ro khác


Ngoài các rủi ro nêu trên, một số rủi ro mang tính bất khả kháng tuy rất hiếm khi xảy ra, nhưng nếu xảy ra cũng sẽ ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Các rủi ro khác có thể kể đến như chiến tranh, dịch bệnh, thiên tai, khủng bố... Công ty đã thực hiện các phương án giúp giảm thiểu các thiệt hại do các rủi ro này gây ra như chủ động mua bảo hiểm, xây dựng các kịch bản ứng phó với khủng hoảng ...

III. CÁC KHÁI NIỆM

Từ, nhóm từ	Diễn giải
Công ty/Tổ chức phát hành	: Công ty cổ phần Tôn Đông Á
SSI/Tổ chức tư vấn	: Công ty cổ phần Chứng khoán SSI
CTCP/CP	: Công ty Cổ phần/Cổ phần
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
MTV	: Một thành viên
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	: Hội đồng quản trị
BKS	: Ban Kiểm soát
SGDCK	: Sở Giao dịch Chứng khoán
CMND	: Chứng minh nhân dân
CCCD	: Căn cước công dân
CBNV	: Cán bộ nhân viên
CNĐKDN	: (Giấy) Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
DN	: Doanh nghiệp
BCTC	: Báo cáo tài chính
SLCP	: Số lượng cổ phần
LNST	: Lợi nhuận sau thuế
LN	: Lợi nhuận
HĐKD	: Hoạt động kinh doanh
TSLĐ	: Tài sản lưu động
TSCĐ	: Tài sản cố định
TMCP	: Thương mại cổ phần

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Giới thiệu chung về tổ chức phát hành

Tên Công ty	: CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á
Tên viết bằng tiếng nước ngoài	: Ton Dong A Corporation
Trụ sở chính	: Số 5, Đường số 5, Khu công nghiệp Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Điện thoại	: (0274) 3732 575
Fax	: (0274) 3790 420
Website	: www.tondonga.com.vn
Logo	:  TON DONG A
Giấy CNĐKDN	: Số doanh nghiệp 3700255880 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 02/02/2009, cấp thay đổi lần thứ 15 ngày 30/06/2021
Vốn điều lệ hiện tại	: 1.023.228.290.000 đồng (Một nghìn không trăm hai mươi ba tỷ hai trăm hai mươi tám triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng)
Vốn thực góp hiện tại	: 1.023.228.290.000 đồng (Một nghìn không trăm hai mươi ba tỷ hai trăm hai mươi tám triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng)
Người đại diện pháp luật	: Ông Nguyễn Thanh Trung – Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ông Hồ Song Ngọc – Tổng Giám đốc
Tài khoản ngân hàng	: 116000095873
Nơi mở	: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Sài Gòn.

Ngành nghề kinh doanh chính:

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp 3700255880 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 02/02/2009, cấp thay đổi lần thứ 15 ngày 30/06/2021; Công ty cổ phần Tôn Đông Á được thực hiện các ngành nghề kinh doanh sau đây:

1	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại Chi tiết: Sản xuất thép mạ kẽm (tôn kẽm), thép lá mạ hợp kim nhôm kẽm (tôn lạnh), thép lá mạ kẽm màu, thép lá đen mạ màu, thép lá mạ hợp kim nhôm kẽm màu (tôn lạnh màu). Các hình thức gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại khác	2592 (Chính)
2	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591

	Chi tiết: Sản xuất thép cán nóng, thép cán nguội, thép ống, dập cán song tôn, cán xà gồ thép.	
3	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Mua bán các sản phẩm sắt thép, kẽm thỏi, các kim loại và hợp kim khác (trừ vàng miếng); Thực hiện quyền nhập khẩu thép cán nóng không hợp kim (mã số HS7208), thép cán nóng hợp kim (mã số HS 7225), thép cán nguội (mã số HS7209), hợp kim Silic và hợp kim nhôm kẽm (mã số HS7601) và kẽm (mã số HS 7901)	4662
4	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn sơn; Thực hiện quyền phân phối bán buôn (không thành lập cơ sở bán buôn) thực hiện quyền phân phối bán lẻ (không thành lập cơ sở bán lẻ) các loại hàng hóa; sơn (mã số HS 3208), dầu cán (mã số HS 3403), dầu mài (mã số HS 3403), dung môi (mã số HS 3814) và axit HCL (mã số HS 2806)	4663
5	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn hóa chất (trừ hóa chất theo bảng 1 Công ước quốc tế); Thực hiện quyền phân phối bán buôn (không thành lập cơ sở bán buôn) thực hiện quyền phân phối bán lẻ (không thành lập cơ sở bán lẻ) các loại hóa chất: dầu cán (mã số HS 3403), dầu mài (mã số HS 3403), dung môi (mã số HS 3814) và axit HCL (mã số HS 2806); Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại/phi kim loại (trừ kinh doanh các loại phế liệu nhập khẩu gây ô nhiễm môi trường)	4669
6	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
7	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ giao nhận, ủy thác hàng hóa xuất nhập khẩu	5229
8	Hoạt động kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Lưu giữ, kho bãi đối với các loại hàng hóa trong kho chứa hàng hóa (trừ than đá, phế liệu, hóa chất)	5210
9	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Mua, bán, cho thuê và điều hành bất động sản đối với quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc đi thuê quyền sử dụng đất, nhà để ở và nhà không phải	6810

	đề ở gồm nhà văn phòng, nhà xưởng, nhà kho.	
10	Tái chế phế liệu (Trừ kinh doanh các loại phế liệu nhập khẩu gây ô nhiễm môi trường; trừ thu gom rác thải, phế liệu trực tiếp từ các hộ gia đình)	3830

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

2.1. Quá trình hình thành, phát triển

Công ty Cổ phần Tôn Đông Á tiền thân là Công ty TNHH Đông Á được thành lập vào 5/11/1998, sau đó được đổi tên thành Công ty TNHH Tôn Đông Á vào tháng 06 năm 2005. Năm 2009 được xem là một bước ngoặt lớn của Tôn Đông Á khi chuyển đổi từ hình thức công ty TNHH sang công ty cổ phần để hội nhập, hợp tác và đồng hành để cùng phát triển với các doanh nghiệp cùng ngành trên thế giới.

2.2. Chặng đường phát triển

Từ khi thành lập năm 2009 đến nay, những tăng trưởng liên tục về vốn và quy mô hoạt động đã đưa Công ty vươn lên trở thành một trong những Công ty có hoạt động kinh doanh, tài chính tốt nhất Việt Nam.

Năm 2009

- Công ty TNHH Tôn Đông Á được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Tôn Đông Á. Nhà máy sản xuất đặt tại số 5, đường số 5, KCN Sóng Thần 1, phường Dĩ An, huyện Dĩ An (nay là thành phố Dĩ An), tỉnh Bình Dương với tổng diện tích nhà xưởng hơn 35.000 m² và có 2 dây chuyền mạ kẽm và một dây chuyền mạ màu được lắp đặt hoàn chỉnh và đưa vào sản xuất theo công nghệ Hàn Quốc.
- Sau khi chuyển đổi thành công ty cổ phần, Công ty đầu tư xây dựng dây chuyền mạ màu thứ hai được nhập khẩu từ nhiều nước tiên tiến như Nhật Bản, Hàn Quốc, Châu Âu,... và chính thức sản xuất các sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng JIS G3312 của Nhật Bản.

Năm 2010

- Dây chuyền mạ kẽm/hợp kim nhôm kẽm công nghệ NOF chính thức đi vào hoạt động. Tôn Đông Á thâm nhập vào thị trường thép lá mạ với các sản phẩm tôn kẽm, tôn lạnh, tôn lạnh màu chất lượng cao phục vụ cho ngành xây dựng dân dụng và công nghiệp.

Năm 2011

- Dây chuyền mạ màu thứ ba ra đời, nâng tổng công suất nhà máy tại Khu Công nghiệp Sóng Thần 1 lên 150.000 tấn/năm.

- 2/4/2011: khai trương Chi nhánh Công ty Cổ phần Tôn Đông Á tại Đà Nẵng, đặt tại Khu Công nghiệp Liên Chiểu

Năm 2012

- Tôn Đông Á đầu tư dự án ERP (phần mềm hoạch định nguồn lực doanh nghiệp) trên 1 triệu USD nhằm mục đích nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý toàn diện trong sản xuất, kinh doanh.

Năm 2013

- Nhà máy sản xuất thép lá mạ thứ hai tại KCN Đồng An 2, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, được khởi công xây dựng. Nhà máy có tổng diện tích 125.800 m² với số vốn đầu tư 160 triệu USD.
- 5/6/2013: khai trương Văn phòng Đại diện Công ty Cổ phần Tôn Đông Á tại TP. Hồ Chí Minh

Năm 2014

- 25/7/2014: thành lập Văn phòng Đại diện Công ty Cổ phần Tôn Đông Á tại TP. Hà Nội

Năm 2015

- Hoàn thiện giai đoạn 1 của nhà máy Thủ Dầu Một có công suất 250.000 tấn/năm với vốn đầu tư 70 triệu USD. Toàn bộ dây chuyền có công nghệ tiên tiến bậc nhất đến từ Châu Âu và Nhật Bản.

Năm 2017

- Hoàn thiện giai đoạn 2 của nhà máy Thủ Dầu Một có công suất tăng thêm 600.000 tấn/năm với vốn đầu tư 90 triệu USD

Năm 2018 – nay

- Tôn Đông Á nâng tổng công suất của hai nhà máy lên 850.000 tấn/năm bao gồm 4 dây chuyền mạ kẽm/nhôm kẽm với công nghệ lò ủ NOF, 4 dây chuyền mạ màu, 1 dây chuyền tẩy rỉ, 2 dây chuyền cán nguội, 2 dây chuyền xả băng và 1 dây chuyền chia cuộn.

2.3. Danh hiệu và giải thưởng

Năm 2021

- Chứng nhận Top 5 Vật Liệu Xây dựng Uy Tín (Nhóm ngành: Tôn Sắt Thép)

Năm 2020

- Chứng nhận hàng Việt Nam Chất lượng cao năm 2020 - 2021
- Thương hiệu Quốc gia 2020 - 2022

Năm 2018

- Huân chương Lao động hạng Nhì – Công ty Cổ phần Tôn Đông Á (2018)
- Huân chương Lao động hạng Nhì – Cá nhân ông Nguyễn Thanh Trung (2018)
- Thương hiệu Quốc gia 2018 – 2020
- Chứng nhận hàng Việt Nam Chất lượng cao năm 2018

Năm 2017

- Giải nhất Chất lượng Quốc tế Châu Á Thái Bình Dương
- Giải vàng chất lượng quốc gia năm 2017
- Chứng nhận hàng Việt Nam Chất lượng cao năm 2017
- Chứng nhận Top 50 Doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc 2017

Năm 2016

- Chứng nhận Top 500 Doanh nghiệp Tư nhân lớn Việt Nam 2016
- Chứng nhận Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao do người tiêu dùng bình chọn năm 2016
- Chứng nhận Top 500 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam năm 2016
- Chứng nhận Top 50 Doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc 2016

Năm 2015

- Huân chương Lao động hạng Ba – Công ty Cổ phần Tôn Đông Á (2015)
- Huân chương Lao động hạng Ba – Cá nhân ông Nguyễn Thanh Trung (2015)
- Giải vàng giải thưởng Chất Lượng Quốc Gia 2015
- Top 50 Doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc nhất Việt Nam 2015
- Chứng nhận Thương Hiệu Mạnh Việt Nam 2015
- Chứng nhận Top 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam
- Giải vàng Sao Vàng Đất Việt 2015
- Top 50 doanh nghiệp Việt Nam xuất sắc nhất
- Top 1000 Doanh nghiệp nộp thuế thu nhập lớn nhất Việt Nam
- Chứng nhận sản phẩm Tôn lạnh – Tôn lạnh màu đạt sản phẩm chất lượng cao Việt Nam
- Chứng nhận Tôn Đông Á đạt Top 20 Thương hiệu phát triển bền vững

Từ lúc thành lập – năm 2014

- Cúp vàng Vietbuild
- Giải vàng Chất Lượng Quốc Gia
- Top 50 Doanh nghiệp thành tựu xuất sắc nộp thuế thu nhập doanh nghiệp giai đoạn 2010 – 2014

- Bằng khen ông Nguyễn Thanh Trung – TGD đã có thành tích trong công tác từ năm 2008 đến năm 2012 góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.
- Giấy khen Tôn Đông Á đã có thành tích hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế xuất nhập khẩu và chấp hành tốt pháp luật Hải quan năm 2014
- Bằng khen ông Nguyễn Thanh Trung – TGD đã có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong phong trào thi đua yêu nước tỉnh Bình Dương giai đoạn 2011 – 2015

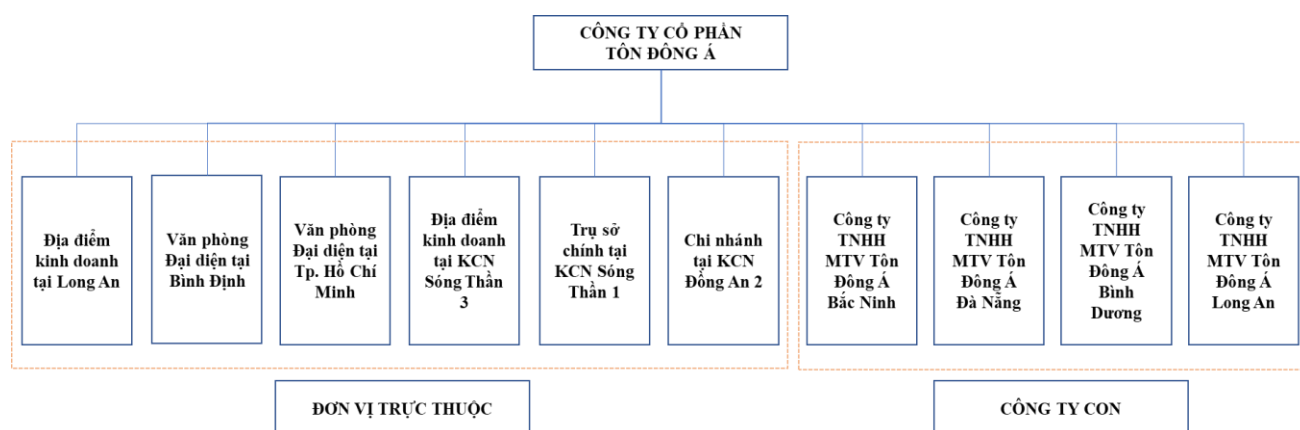
Và nhiều danh hiệu, giải thưởng khác...

3. Cơ cấu tổ chức Công ty

Công ty cổ phần Tôn Đông Á được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán.
- Điều lệ Công ty.

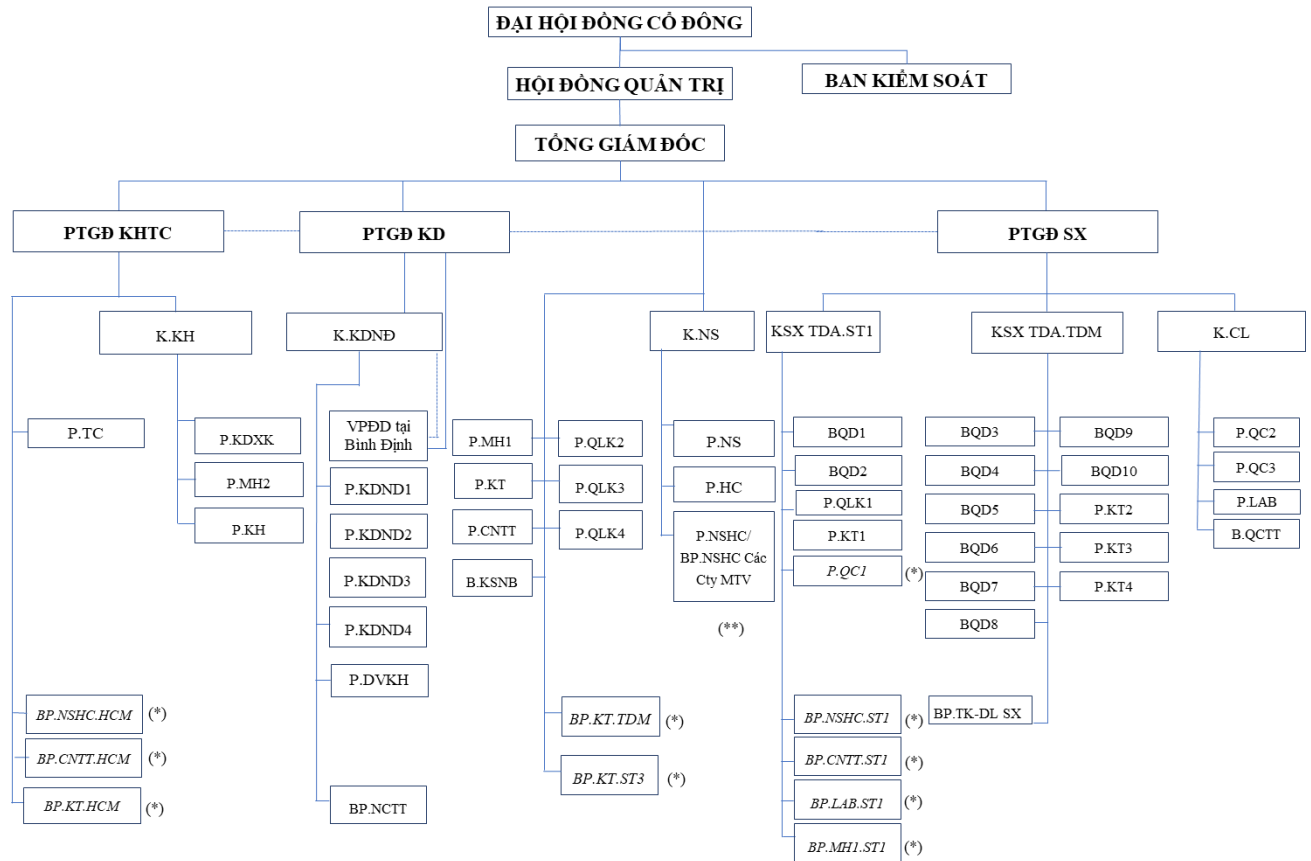
Hình 1: Cơ cấu tổ chức của Công ty tại ngày 01/07/2021



Trụ sở chính của Công ty đặt tại Số 5, Đường số 5, Khu công nghiệp Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.

Công ty có hệ thống bao gồm trụ sở chính, 05 đơn vị trực thuộc và 04 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con được trình bày tại Mục IV.5.2 của Bản cáo bạch này.

4. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty



Ghi chú:

(*) Là các Phòng/ Ban chịu sự quản lý về mặt hành chính tại đơn vị làm việc nhưng chịu sự quản lý trực tiếp về mặt chuyên môn tại Phòng/Ban/ Khối nghiệp vụ.

(**) K.NS phụ trách về mặt chuyên môn nghiệp vụ

4.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền có quyết định cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Hoạt động của Công ty.

Đại hội đồng cổ đông có quyền bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, thông qua các báo cáo của Công ty (bao gồm báo cáo tài chính, báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo của Ban kiểm soát); thông qua kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty; bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty, quyết định mức cổ tức thanh toán hàng năm, lựa chọn công ty kiểm toán; và các quyền khác theo các quy định cụ thể trong Điều lệ Hoạt động của Công ty.

4.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ

đồng. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty.

Hội đồng quản trị có quyền quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh và ngân sách hàng năm của Công ty; xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý quan trọng trong công ty, quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi được quyền chào bán, đề xuất phát hành trái phiếu chuyển đổi, mua lại cổ phiếu quỹ; và các quyền khác theo các quy định cụ thể tại Điều lệ của Công ty.

Hội đồng quản trị hiện tại của Công ty bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Thành viên điều hành/ không điều hành
1. Ông Nguyễn Thanh Trung	Chủ tịch HĐQT	Thành viên không điều hành
2. Bà Lê Thị Phương Loan	Thành viên HĐQT	Thành viên không điều hành
3. Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên HĐQT	Thành viên không điều hành
4. Ông Hồ Song Ngọc	Thành viên HĐQT	Thành viên điều hành
5. Ông Phạm Quốc Thắng	Thành viên HĐQT	Thành viên điều hành
6. Ông Đoàn Vĩnh Phước	Thành viên HĐQT	Thành viên điều hành
7. Ông Đoàn Danh Tuấn	Thành viên độc lập HĐQT	Thành viên không điều hành
8. Ông Ngô Văn Sinh	Thành viên độc lập HĐQT	Thành viên không điều hành

4.3. Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát do ĐHCĐ bầu ra để thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc điều hành, quản lý Công ty. Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm trước pháp luật và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình, bao gồm: kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính; thẩm định báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị; trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh hàng năm và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên; đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề

có liên quan; thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán; xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của Ban Tổng Giám đốc; xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều lệ; và các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Hiện tại, Ban Kiểm soát của Công ty bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
1. Bà Lê Thị Khoa Nguyên	Trưởng ban
2. Ông Nguyễn Năng Tín	Thành viên
3. Bà Lâm Duy Thùy Linh	Thành viên

4.4. Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Ban Tổng Giám đốc Công ty hiện tại bao gồm 01 Tổng Giám đốc và 03 Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty gồm:

Họ và tên	Chức vụ
1. Ông Hồ Song Ngọc	Tổng Giám Đốc
2. Ông Đoàn Vĩnh Phước	Phó Tổng Giám Đốc
3. Ông Phạm Quốc Thắng	Phó Tổng Giám Đốc
4. Ông Nguyễn Văn Đại	Phó Tổng Giám Đốc

4.5. Các phòng, ban chức năng

Các phòng, ban chức năng có nhiệm vụ tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc về quản lý chỉ đạo trong lĩnh vực phụ trách, triển khai, cụ thể hóa công việc theo chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, bao gồm:

a. Khối Kế hoạch

- Khối kế hoạch gồm các phòng ban: Phòng Kinh doanh Xuất khẩu (P.KDXK), Phòng Mua hàng 2 (P.MH2), Phòng Kế hoạch (P.KH).

- Trong đó P.KH thực hiện lập kế hoạch nhu cầu nguyên liệu, kế hoạch sản xuất tại các dây chuyền sản xuất trong Công ty, lên kế hoạch nhập khẩu máy móc thiết bị, vật tư, nguyên liệu theo nhu cầu công ty, nhu cầu sản xuất kinh doanh và thực hiện nghiệp vụ xuất, nhập khẩu.
- P.KDXK thực hiện quản lý hoạt động kinh doanh xuất khẩu của công ty, lập kế hoạch và chính sách kinh doanh xuất khẩu, nghiên cứu thị trường và quảng bá hình ảnh, sản phẩm, thương hiệu công ty đến các đối tác, khách hàng.
- P.MH2 thực hiện các thủ tục, nghiệp vụ nhập khẩu nguyên vật liệu, thủ tục mua hàng nguyên phụ liệu sản xuất.

b. Khối Kinh doanh nội địa:

- Khối Kinh doanh nội địa bao gồm các phòng: Phòng Kinh doanh Nội địa 1 (P.KDND1), Phòng Kinh doanh Nội địa 2 (P.KDND2), Phòng Kinh doanh Nội địa 3 (P.KDND3), Phòng Kinh doanh Nội địa 4 (P.KDND4), Phòng Dịch vụ Khách hàng (P.DVKH), Bộ phận Nghiên cứu thị trường (BP.NCTT).
- Trong đó các phòng kinh doanh nội địa có chức năng xây dựng phát triển hoạt động bán hàng và thiết lập kênh phân phối ổn định, nhằm đảm bảo đầu ra cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Xây dựng và triển khai các chiến lược marketing, phát triển thị trường nội địa, hoàn thành mục tiêu sản lượng của công ty, đồng thời định vị thương hiệu Tôn Đông Á trên thị trường nội địa.
- P.DVKH thiết lập, thực hiện và quản lý các công tác liên quan đến tiếp thị, chăm sóc khách hàng theo tiêu chí trước, trong và sau bán hàng, mang đến sự hài lòng cao nhất cho khách hàng, nâng cao giá trị thương hiệu Tôn Đông Á, nhằm gia tăng sản lượng bán hàng.
- BP.NCTT là bộ phận triển khai các hoạt động truyền thông nhằm quảng bá hình ảnh, thương hiệu Tôn Đông Á, nhằm nâng cao giá trị thương hiệu Tôn Đông Á trên thị trường và nội bộ. Nghiên cứu và phát triển thị trường hỗ trợ phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty.

c. Khối Nhân sự:

- Khối Nhân sự bao gồm các phòng: Phòng Nhân sự (P.NS), Phòng Hành chính (P.HC), Bộ phận Nhân sự hành chính tại các đơn vị (BP.NSHC)
- Khối nhân sự có chức năng xây dựng cơ cấu tổ chức hoạt động của Công ty và phát triển nguồn nhân lực. Xây dựng chính sách lương, thưởng, phúc lợi phù hợp với hiệu quả hoạt động của Công ty. Xây dựng và tổ chức thực hiện công tác hành chính, hệ thống QHSE và

pháp chế.

d. Khối sản xuất TDA.ST1:

- Khối sản xuất TDA.ST1 bao gồm các phòng ban: Ban Quản đốc 1 (BQD1), Ban Quản đốc 2 (BQD2), Phòng Kỹ thuật 1 (P.KT1).
- Các BQD chịu trách nhiệm quản lý toàn bộ hoạt động sản xuất tại các phân xưởng, tổ chức công việc theo đúng quy trình công nghệ, theo kế hoạch sản xuất và theo quy định của công ty về định mức nguyên vật liệu trong sản xuất tại nhà máy Sóng Thần 1
- P.KT1 chịu trách nhiệm bảo trì, sửa chữa toàn bộ máy móc thiết bị trên các dây chuyền sản xuất. Nghiên cứu, đề xuất cải tiến và xử lý các sự cố kỹ thuật liên quan đến máy móc thiết bị trên các dây chuyền sản xuất nhằm đảm bảo các dây chuyền sản xuất luôn sẵn sàng hoạt động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh
- P.QC1 có chức năng xây dựng tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm của công ty, xây dựng định mức nguyên vật liệu, hóa chất trên các dây chuyền sản xuất theo từng loại sản phẩm. Lập kế hoạch kiểm soát chất lượng sản phẩm tại các dây chuyền sản xuất.

e. Khối sản xuất TDA.TDM:

- Khối sản xuất TDA.TDM bao gồm: Ban quản đốc 3 (BQD3), Ban quản đốc 4 (BQD4), Ban quản đốc 5 (BQD5), Ban quản đốc 6 (BQD6), Ban quản đốc 7 (BQD7), Ban quản đốc 8 (BQD8), Ban quản đốc 9 (BQD9), Ban quản đốc 10 (BQD10), Phòng Kỹ thuật 2 (P.KT2), Phòng Kỹ thuật 3 (P.KT3), Phòng Kỹ thuật 4 (P.KT4), Bộ phận thống kê dữ liệu sản xuất (BP.TK-DL SX).
- Các BQD chịu trách nhiệm quản lý toàn bộ hoạt động sản xuất tại các phân xưởng, tổ chức công việc theo đúng quy trình công nghệ, theo kế hoạch sản xuất và theo quy định của công ty về định mức nguyên vật liệu trong sản xuất tại nhà máy Thủ Dầu Một.
- Các phòng kỹ thuật chịu trách nhiệm bảo trì, sửa chữa toàn bộ máy móc thiết bị trên các dây chuyền sản xuất. Nghiên cứu, đề xuất cải tiến và xử lý các sự cố kỹ thuật liên quan đến máy móc thiết bị trên các dây chuyền sản xuất nhằm đảm bảo các dây chuyền sản xuất luôn sẵn sàng hoạt động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh.
- Bên cạnh đó, BP.TK-DL SX thực hiện các công tác kiểm tra, kiểm soát quy trình, quy định liên quan đến dữ liệu trên hệ thống ERP, dữ liệu thống kê sản xuất

f. Khối Chất lượng:

- Khối chất lượng bao gồm các phòng Phòng quản lý chất lượng sản phẩm 1 (P.QC1), Phòng quản lý chất lượng sản phẩm 2 (P.QC2), Phòng quản lý chất lượng sản phẩm 3

(P.QC3), Phòng thí nghiệm và phát triển sản phẩm (P.LAB), Ban Quản lý Chất lượng thị trường (B.QCTT).

- Các phòng QC có chức năng xây dựng tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm của công ty, xây dựng định mức nguyên vật liệu, hóa chất trên các dây chuyền sản xuất theo từng loại sản phẩm. Lập kế hoạch kiểm soát chất lượng sản phẩm tại các dây chuyền sản xuất.
- P.LAB thực hiện thử nghiệm nguyên vật liệu, sản phẩm tại công ty nhằm cung cấp dữ liệu đặc tính của sản phẩm cho Khối sản xuất và QC để quản lý và kiểm soát chất lượng sản phẩm và hỗ trợ Khối Kinh doanh trong việc phản hồi khiếu nại khách hàng liên quan đến thử nghiệm sản phẩm.
- B.QCTT dựa trên thông tin và xu hướng chất lượng sản phẩm các sản phẩm cùng ngành trên thị trường, tiến hành cập nhật, tư vấn, hỗ trợ thông tin về chất lượng sản phẩm đến các phòng ban liên quan, giải quyết khiếu nại khách hàng liên quan đến chất lượng sản phẩm.
- g. Các phòng ban nghiệp vụ khác (Phòng Đầu tư Tài chính, Phòng Mua hàng, Phòng Kế toán, Phòng Công nghệ thông tin, Ban kiểm soát nội bộ, các phòng Quản lý kho): Thực hiện chuyên trách các nhiệm vụ liên quan theo chuyên môn được phân công.

5. Thông tin về công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành:

5.1. Công ty mẹ

Không có.

5.2. Công ty con

STT	Công ty	Ngày thành lập	Số GCN DKDN	Lĩnh vực kinh doanh	Vốn điều lệ đăng ký (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết của Công ty
1	Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Bắc Ninh	05/05/2017	2300982287	Mua bán thép các loại	9,0	100%	100%
2	Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Đà Nẵng	11/06/2014	0401610098	Mua bán thép các loại	25,0	100%	100%
3	Công ty TNHH Một thành viên	28/04/2016	1101819799	Sản xuất ống thép	43,0	100%	100%

STT	Công ty	Ngày thành lập	Số GCN DKDN	Lĩnh vực kinh doanh	Vốn điều lệ đăng ký (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết của Công ty
	Tôn Đông Á Long An			hợp, mua bán thép các loại			
4	Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Bình Dương	29/06/2017	3702576537	Cung cấp dịch vụ vận tải	32,6	100%	100%

5.3. Những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành

Không có.

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ:

Công ty được thành lập dưới hình thức Công ty cổ phần vào năm 2009 với số vốn điều lệ là 120 tỷ đồng. Kể từ khi trở thành công ty cổ phần đến nay, Công ty đã thực hiện 12 đợt tăng vốn điều lệ nhằm mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh, chi tiết như sau:

Đợt tăng vốn	Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Giá trị vốn tăng thêm (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn	Mục đích sử dụng vốn	Đơn vị chấp thuận
Lần đầu	2009	120.000		Góp vốn thêm bằng tiền mặt và chuyển đổi thành công ty cổ phần		- Biên bản họp Hội đồng thành viên về việc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp ngày 27/12/2008 - Quyết định chuyển đổi loại hình doanh nghiệp ngày 27/12/2008 - Biên bản xác nhận về việc góp vốn của HĐTV - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 02/02/2009
1	2009 – 2011	200.700	80.700	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để trả	Bổ sung vốn lưu động, thanh toán công nợ giữa Công ty và Công ty Posco – Việt	- Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2009 số 01/2009/NQ-ĐHĐCĐ-TĐA ngày 15/09/2009 thông qua phương án

Đợt tăng vốn	Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Giá trị vốn tăng thêm (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn	Mục đích sử dụng vốn	Đơn vị chấp thuận
				cổ tức: 6.501.750 cổ phiếu	Nam	phát hành - Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2010 số 01/2010/NQ-ĐHĐCĐ-TĐA ngày 01/06/2010 thông qua việc tiếp tục triển khai phương án phát hành năm 2009 và phát hành cổ phiếu trả cổ tức 2010
	2010 – 2011			Phát hành riêng lẻ: 1.568.250 cổ phiếu		- Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2011 số 01A/2011/NQ-ĐHĐCĐ-TĐA ngày 05/01/2011 thông qua kết quả phát hành - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 2 ngày 16/03/2011
	2012 – 2013			Phát hành cổ phiếu cho nhà đầu tư chiến lược, nhà đầu tư mới: 1.905.341 cổ phiếu		- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 04A/2012/NQ-ĐHĐCĐ-TDA thông qua phương án phát hành cổ phiếu ESOP - Nghị quyết HĐQT số 07/2012/NQ-HĐQT-TDA ngày 20/04/2012 thông qua chi tiết phương án phát hành ESOP
2		229.753	29.053		Xây dựng, lắp đặt hệ thống dây chuyền mạ nhôm kèm CK4 tại nhà máy KCN Đồng An II	- Nghị quyết HĐQT số 08/2012/NQ-HĐQT-TDA ngày 15/05/2012 thông qua phương án phát hành và sử dụng nguồn vốn thu được. - Nghị quyết ĐHĐCĐTN số 04/2012/NQ-ĐHĐCĐTN-TDA ngày 30/06/2012 thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn
	2012 – 2013			Phát hành cổ phiếu ESOP: 1.000.000 cổ phiếu		

Đợt tăng vốn	Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Giá trị vốn tăng thêm (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn	Mục đích sử dụng vốn	Đơn vị chấp thuận
						<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết HĐQT số 03/2012/NQ-HĐQT-TDA ngày 09/03/2012 thông qua chi tiết phương án phát hành cổ phiếu cho JFE - Nghị quyết HĐQT số 16/2012/BBH-HĐQT-TDA ngày 26/03/2012 thông qua chi tiết phương án phát hành cổ phiếu cho LLC và các cổ đông ngoài, điều chỉnh giá bán cho JFE - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 27/06/2013
	2013 – 2015			Phát hành cổ phiếu riêng lẻ: 5.794.547 cổ phiếu		- Nghị quyết ĐHĐCĐTN thông qua kế hoạch phát hành cổ phiếu cho người lao động số 04/2013/NQ-ĐHĐCĐTN-TDA ngày 06/06/2013
	2014 – 2015			Phát hành cổ phiếu ESOP: 589.900 cổ phiếu		- Nghị quyết HĐQT số 04/2013/NQ-HĐQT-TDA ngày 12/12/2013 về việc thông qua chương trình phát hành cổ phần ưu đãi cho người lao động
3		302.253	72.500		Xây dựng, lắp đặt hệ thống dây chuyền mạ nhôm kẽm CK4, CK5, CK6 và dây chuyền cán nguội CN2 tại nhà máy KCN Đồng An II	- Nghị quyết ĐHĐCĐTN số 05/2013/NQ-ĐHĐCĐTN-TDA ngày 06/06/2013 về việc thông qua kế hoạch phát hành 12.094.659 cổ phiếu
	2014 – 2015			Chia cổ tức bằng cổ phiếu: 865.531 cổ phiếu		- Nghị quyết HĐQT thông qua phát hành cổ phiếu cho người lao động số 03/2014/NQ-HĐQT-TDA ngày 10/02/2014
						- Nghị quyết ĐHĐCĐTN

Đợt tăng vốn	Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Giá trị vốn tăng thêm (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn	Mục đích sử dụng vốn	Đơn vị chấp thuận
						<p>thông qua phát hành cổ phiếu cho người lao động, bán CP Quỹ số 05/2014/NQ-ĐHĐCĐTN-TDA ngày 27/06/2014</p> <p>- Nghị quyết ĐHĐCĐTN chia cổ tức 2013, danh sách CĐ đăng ký bằng CP số 01/2014/NQ-ĐHĐCĐTN-TDA ngày 27/06/2014</p> <p>- Nghị quyết HĐQT số 17/2014/NQ-HĐQT-TDA ngày 03/12/2014 thông qua SL, giá PH cho cổ đông Nguyễn Thanh Tuyền.</p> <p>- Nghị quyết HĐQT số 01A/2013/NQ-HĐQT-TDA ngày 01/08/2013 thông qua SL, giá PH cho cổ đông Trần Thị Minh Diệu 46.666 cổ phiếu</p> <p>- Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần 5 ngày 13/08/2015</p>
4	2015	312.552	10.299	Chia cổ tức bằng cổ phiếu: 1.029.838 cổ phiếu	-	<p>- Nghị quyết ĐHĐCĐTN 2015 thông qua chia cổ tức 2014 số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐTN-TDA ngày 10/07/2015</p> <p>- Nghị quyết HĐQT 2015 thông qua chia cổ tức 2014 số 06/2015/NQ-HĐQT-TDA ngày 17/08/2015</p> <p>- Thông báo số 30/2015/TB-HĐQT-TDA ngày 17/08/2015 về chi trả cổ tức năm 2014</p> <p>- Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần 6 ngày</p>

Đợt tăng vốn	Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Giá trị vốn tăng thêm (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn	Mục đích sử dụng vốn	Đơn vị chấp thuận
						29/12/2015
	2016 – 2017			Phát hành cổ phiếu riêng lẻ: 4.196.360 cổ phiếu		- Nghị quyết ĐHĐCĐTN số 05/2015/NQ-ĐHĐCĐTN-TĐA ngày 10/07/2015 - Nghị quyết HĐQT số 11/2015/NQ-HĐQT-TĐA ngày 15/12/2015 - Nghị quyết ĐHĐCĐTN số 05/2016/NQ-ĐHĐCĐTN-TĐA ngày 06/07/2016 - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ-TĐA ngày 7/9/2016 - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2016/NQ-ĐHĐCĐ-TĐA ngày 19/09/2016 - Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần 7 ngày 24/02/2017
5	2016 – 2017	362.423	49.871	Phát hành cổ phiếu ESOP: 790.742 cổ phiếu	Xây dựng, lắp đặt hệ thống dây chuyền mạ nhôm kèm CK5, CK6; dây chuyền cán nguội CN2 và dây chuyền màu CM4 tại nhà máy KCN Đồng An II	- Nghị quyết ĐHĐCĐ 2016 thông qua kế hoạch thưởng cổ phiếu số 02/2016/NQ-ĐHĐCĐTN-TĐA ngày 06/07/2016 - Nghị quyết HĐQT 2017 thông qua chi trả cổ tức bằng cổ phiếu số 02/2017/NQ-HĐQT-TĐA ngày 10/03/2017 - Nghị quyết ĐHĐCĐTN 2017 thông qua thưởng cổ phiếu số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐTN-TĐA ngày 21/07/2017 - Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần 8 ngày 24/03/2017
6	2017	724.845	362.422	Thưởng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 1:1): 36.242.259 cổ phiếu		

Đợt tăng vốn	Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Giá trị vốn tăng thêm (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn	Mục đích sử dụng vốn	Đơn vị chấp thuận
7	2017	740.920	16.075	Phát hành cổ phiếu ESOP: 1.607.500 cổ phiếu	Xây dựng, lắp đặt hệ thống dây chuyền mạ nhôm kèm CK6 và dây chuyền mạ màu CM4 tại nhà máy KCN Đồng An II	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐ 2017 thông qua phát hành cổ phiếu cho người lao động số 06/2017/NQ-ĐHĐCĐ-TĐA ngày 05/06/2017 - Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần 9 ngày 14/08/2017
8	2017 – 2018	816.555	75.635	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ: 7.563.432 cổ phiếu	Xây dựng, lắp đặt hệ thống dây chuyền mạ nhôm kèm CK5, CK6; dây chuyền cán nguội CN2; dây chuyền màu CM4; nhà kho và vật tư, phụ tùng, thiết bị, máy móc tại nhà máy KCN Đồng An II	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐTN 2017 thông qua phương án phát hành 15 triệu cổ phiếu số 05/2017/NQ-ĐHĐCĐTN-TĐA ngày 21/07/2017 - Nghị quyết HĐQT thông qua bán cho Hanwa số 12/2017/NQ-HĐQT-TĐA ngày 24/07/2017 - Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần 10 ngày 04/01/2018
9	2017 – 2018	859.055	42.500	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ: 4.250.000 cổ phiếu	Xây dựng, lắp đặt hệ thống dây chuyền mạ nhôm kèm CK5, CK6; dây chuyền cán nguội CN2; dây chuyền màu CM4; nhà kho và vật tư, phụ tùng, thiết bị, máy móc tại nhà máy KCN Đồng An II	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐTN 2017 thông qua phương án phát hành 15 triệu cổ phiếu số 05/2017/NQ-ĐHĐCĐTN-TĐA ngày 21/07/2017 - Nghị quyết HĐQT thông qua phát hành cho Poongjeon số 18/2017/NQ-HĐQT-TĐA ngày 14/11/2017 - Nghị quyết HĐQT thông qua phát hành cho VF số 19/2017/NQ-HĐQT-TĐA ngày 14/11/2017 - Nghị quyết HĐQT thông qua phát hành cho bà Lương Hoàng Vân Khánh số 19A/2017/NQ-

Đợt tăng vốn	Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Giá trị vốn tăng thêm (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn	Mục đích sử dụng vốn	Đơn vị chấp thuận
10	2018	886.471	27.416	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ: 2.741.612 cổ phiếu	Xây dựng, lắp đặt hệ thống dây chuyền mạ nhôm kèm CK5, CK6; dây chuyền cán nguội CN2; dây chuyền màu CM4; nhà kho và vật tư, phụ tùng, thiết bị, máy móc tại nhà máy KCN Đồng An II	<p>HĐQT-TDA ngày 14/11/2017</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần 11 ngày 17/05/2018 - Nghị quyết ĐHĐCĐTN 2017 thông qua phương án phát hành 15 triệu cổ phiếu số 05/2017/NQ-ĐHĐCĐTN-TĐA ngày 21/07/2017 - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 11/2017/NQ-ĐHĐCĐ-TĐA thông qua phương án phát hành cổ phiếu ngày 28/12/2017 - Nghị quyết HĐQT thông qua bán cổ phiếu cho Mirae số 01/2018/NQ-HĐQT-TĐA ngày 30/01/2018 - Nghị quyết HĐQT thông qua bán cổ phiếu cho Poongjeon số 04/2018/NQ-HĐQT-TĐA ngày 28/03/2018 - Nghị quyết ĐHĐCĐTN thông qua phương án phát hành cổ phiếu số 05/2018/NQ-ĐHĐCĐTN-TĐA ngày 15/06/2018 - Nghị quyết ĐHĐCĐ TN thông qua báo cáo về việc phát hành cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ năm 2018, phương án phát hành cổ phiếu, trái phiếu năm 2019 và kế hoạch niêm yết số 05/2019/NQ-ĐHĐCĐTN-TĐA ngày 26/07/2019

Đợt tăng vốn	Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Giá trị vốn tăng thêm (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn	Mục đích sử dụng vốn	Đơn vị chấp thuận
						- Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần 12 ngày 31/08/2018
11	2019 – 2020	975.098	88.627	Chia cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 10%): 8.862.764 cổ phiếu	-	- Nghị quyết ĐHĐCĐTN thông qua chia cổ tức số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐTN-TDA ngày 26/07/2019 - Nghị quyết HĐQT thông qua chi trả cổ tức số 19/2019/NQ-HĐQT-TDA ngày 11/12/2019 - Giấy phép kinh doanh thay đổi lần 14 ngày 18/06/2020
12	2021	1.023.228	48.130	Phát hành cổ phiếu ESOP	Bổ sung nguồn vốn lưu động hoặc đầu tư nhà máy 3	- Nghị quyết ĐHĐCĐTN thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho cán bộ nhân viên số 07/2021/NQ-ĐHĐCĐTN-TDA ngày 22/05/2021 - Nghị quyết HĐQT thông qua chương trình phát hành ưu đãi cho CB-CNV số 07/2021/NQ-HĐQT-TDA ngày 31/05/2021 - Giấy phép kinh doanh thay đổi lần 15 ngày 30/06/2021

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ Chức Phát Hành

Công ty không có các khoản góp vốn và thoái vốn lớn trong giai đoạn năm 2019 – 2020 và đến thời điểm hiện tại.

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông
I	Cổ phiếu phổ thông	102.322.829	100	103
	Cổ đông trong nước	77.896.825	76,13%	96
1	- Tổ chức	47.164	0,05%	1
	- Cá nhân	77.849.661	76,08%	95
	Cổ đông nước ngoài	24.426.004	23,87%	7
2	- Tổ chức (*)	24.151.004	23,60%	6
	- Cá nhân	275.000	0,27%	1
II	Cổ phiếu ưu đãi	0	0	0
III	Cổ phiếu quỹ	0	0	0
Tổng cộng		102.322.829	100	103

(*): Bao gồm các tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

(Nguồn: Theo Danh sách chốt cổ đông lập ngày 28/11/2021)

Theo đó, số lượng cổ đông không phải là cổ đông lớn: 98 cổ đông và tổng số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông không phải là cổ đông lớn: 33.176.143 cổ phiếu (tương ứng tỷ lệ 32,45%).

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty theo quy định pháp luật: 50%.
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ công ty: 50%.
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài của công ty tại thời điểm ngày 30/06/2021: 23,87%

10. Hoạt động kinh doanh

10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

Tôn Đông Á là doanh nghiệp hoạt động trong ngành thép, chuyên sản xuất các sản phẩm thuộc lĩnh vực trung nguồn. Với nguyên liệu đầu vào chính là thép cuộn cán nóng (HRC), Công ty tập trung sản xuất các sản phẩm thép có giá trị cao như như tôn kẽm, tôn kẽm màu, tôn lạnh và tôn lạnh màu. Trong chuỗi giá trị của mình, Tôn Đông Á cũng sản xuất và buôn bán các sản phẩm như thép cuộn

cán nguội và thép tẩy gỉ phủ dầu. Sản phẩm của Tôn Đông Á có chất lượng cao, được chứng nhận bởi Quatest 3 cho các tiêu chuẩn quốc tế như JIS (tiêu chuẩn Nhật Bản), AS (tiêu chuẩn Úc), ASTM (Tiêu chuẩn Mỹ), và BS-EN (Tiêu chuẩn Anh). Đồng thời, các sản phẩm tôn của Công ty có tính ứng dụng cao, được sử dụng rộng rãi trong các công trình xây dựng thuộc mọi phân khúc cũng như trong việc sản xuất và lắp đặt các thiết bị gia dụng.

Quy trình sản xuất

Tính đến thời điểm hiện tại, Tôn Đông Á sở hữu và vận hành hai nhà máy bao gồm Nhà máy Thủ Dầu Một (TDM) và Nhà máy Sóng Thần 1 (ST1) với tổng công suất sản phẩm tôn 850.000 tấn/năm.

Dây chuyên	Công suất (tấn/năm)	Nhà máy
Tẩy rỉ	600.000	Thủ Dầu Một
Cán nguội 1	200.000	Thủ Dầu Một
Cán nguội 2	400.000	Thủ Dầu Một
Mạ lạnh/mạ kẽm CK4	200.000	Thủ Dầu Một
Mạ lạnh CK5	200.000	Thủ Dầu Một
Mạ lạnh/mạ kẽm CK6	350.000	Thủ Dầu Một
Mạ màu CM4	120.000	Thủ Dầu Một
Mạ màu CM1	40.000	Sóng Thần 1
Mạ màu CM2	40.000	Sóng Thần 1
Mạ màu CM3	40.000	Sóng Thần 1
Mạ lạnh CK3	100.000	Sóng Thần 1
Tổng công suất	850.000 tấn/năm	

Hai nhà máy sở hữu trang thiết bị hiện đại từ các thương hiệu nổi tiếng trên khắp thế giới như Tenova (Ý), Danieli (Ý), Nippon Steel (Nhật), Teledyne (Mỹ), AT&M (Trung Quốc), Dong Bu (Hàn Quốc), GU YU (Đài Loan) và BO YA (Đài Loan). Đội ngũ kỹ sư giàu kinh nghiệm của Tôn Đông Á, kết hợp với hỗ trợ của nhóm tư vấn đến từ các doanh nghiệp thép lớn thế giới, đã xây dựng nên dây chuyền sản xuất hoàn thiện chuỗi giá trị của lĩnh vực thép trung nguồn bao gồm:

Hình 2: Dây chuyền tẩy rỉ của Tôn Đông Á



- **Dây chuyền tẩy rỉ (công suất 600.000 tấn/năm):** dùng để tẩy các lớp rỉ sét bám trên bề mặt cuộn thép cán nóng và xén biên cho đúng với khổ rộng như mong muốn. Dây chuyền được trang bị các thiết bị có thương hiệu nổi tiếng thế giới như Siemens, ABB, Parker, EMG, Rossi Motoriduttori,... Đặc biệt hơn, công nghệ tẩy rỉ tiên tiến của Tenova giúp làm giảm tiêu hao axit và đồng thời giảm các chất thải, vì thế tối ưu hóa chi phí sản xuất.

Hình 3: Dây chuyền cán nguội của Tôn Đông Á



- **Dây chuyền cán nguội (tổng công suất 600.000 tấn/năm cho 2 dây chuyền):** dùng để sản xuất thép cán nguội từ thép cán nóng đã qua tẩy rỉ và phủ dầu. Dây chuyền cán nguội đảo chiều 2 giá cán 4 trục của nhà cung cấp Danieli Co.Ltd sử dụng hệ thống điều khiển HiPAC công nghệ mới. Cùng với quá trình sản xuất được tự động hóa hoàn toàn kiểm soát độ dày và độ phẳng trên mỗi lần cán đảm bảo chất lượng cao. Tốc độ cán 1.200 mét/phút.

Hình 4: Dây chuyền chia cuộn của Tôn Đông Á



- **Dây chuyền chia cuộn (công suất 100.000 tấn/năm):** dùng để phân tách các cuộn tôn thành các cuộn có khối lượng nhỏ hơn, đồng thời phân loại và sửa lỗi sản phẩm. Thiết bị dao xén biên và thiết bị nắn phẳng của BOYA đảm bảo chất lượng đồng đều.
- **Dây chuyền mạ lạnh/mạ kẽm (tổng công suất 850.000 tấn/năm cho 4 dây chuyền):** dùng để sản xuất các loại thép mạ kẽm (tôn kẽm), thép mạ nhôm kẽm (tôn lạnh). Dây chuyền được tích hợp nhiều công nghệ sản xuất tiên tiến và hiện đại.

Hình 5: Quy trình sản xuất tôn kẽm/tôn lạnh



Hình 6: Hệ thống lò ủ NOF của Tôn Đông Á



- Lò ủ NOF: thiết bị hiện đại đảm bảo chất xử lý bề mặt tuyệt đối sạch và cơ tính theo yêu cầu của nguyên liệu đầu vào trước khi đưa vào chảo mạ. Ngoài ra, lò còn được trang bị cửa chắn bụi kẽm, hệ thống làm ẩm ni-tơ để chống bụi lò. Lò ủ NOF được điều khiển hoàn toàn tự động đảm bảo quá trình nhiệt luyện đạt tối ưu nhằm đạt chất lượng mạ cao nhất.



Hình 7: Hệ thống chảo mạ của Tôn Đông Á

- Chảo mạ: hệ thống gồm hai chảo mạ chính và một chảo mạ phụ để nấu hợp kim nhôm kẽm/kẽm, hệ thống hai chảo đảm bảo cho tính linh hoạt trong việc chuyển đổi hai sản phẩm mạ lạnh và mạ kẽm.

Hình 8: Hệ thống dao gió Danieli Kohler của Tôn Đông Á



- Dao gió Danieli Kohler: thiết bị đến từ Ý có tác dụng tối ưu khí động lực học luồng gió, có cơ cấu baffle bên hai biên, đảm bảo việc chắn hai biên tôn hoàn hảo nhất, giúp cho lớp mạ có bông vân đồng đều, đạt chất lượng cao và thành phần quán phẳng 100%.

Hình 9: Thiết bị đo khối lượng online



- Thiết bị đo khối lượng online của USA: thiết bị đo độ dày hợp kim nhôm kẽm/kẽm được lắp ngay sau tháp làm nguội. Thiết bị có độ chính xác cao, cho phép đo ổn định tại mọi cấp tốc độ mà không cần tiếp xúc với băng tôn. Thiết bị đo cả trên hai mặt băng tôn, đảm bảo độ dày chính xác của lớp mạ, mặt khác tiết kiệm chi phí tiêu hao.

Hình 10: Thiết bị cán của Tôn Đông Á



- Thiết bị cán: xử lý hiệu quả bề mặt thép mạ, làm cho lớp mạ có độ phẳng và độ nhám theo yêu cầu để đảm bảo chất lượng tôn mạ màu tại dây chuyền mạ màu.

Hình 11: Thiết bị nắn phẳng của Tôn Đông Á



- Thiết bị nắn phẳng: thiết bị đến từ Danieli Italy với phiên bản mới nhất giúp xử lý hoàn hảo các lỗi biến dạng như giãn biên, giãn bụng, camber.

Hình 12: Dây chuyền mạ màu của Tôn Đông Á



- **Dây chuyền mạ màu (tổng công suất 240.000 tấn/năm cho 4 dây chuyền):** dùng để sản xuất các loại tôn phủ sơn. Sử dụng công nghệ sơn trực tiếp tiên tiến nhất hiện nay với 3-4 máy sơn và 2 lò sấy được thiết kế để lắp đặt thêm máy in hoa văn cao cấp và máy phủ laminator dùng trong nội thất. Đồng thời, hệ thống điều khiển tiên tiến giúp kiểm soát chính xác độ vồng bang tôn trong lò sấy, tạo lực căng tối ưu ở vị trí máy sơn nhằm nâng cao chất lượng sơn phủ của sản phẩm.

Hình 13: Dây chuyền xả băng của Tôn Đông Á



- **Dây chuyền xả băng (công suất 100.000 tấn/năm):** dùng để phân chia các cuộn tôn thành các băng tôn với các khổ khác nhau theo yêu cầu của khách hàng.

Hệ thống cung ứng nguyên vật liệu và phân phối hàng hóa

Tôn Đông Á đã xây dựng mối quan hệ tốt với các nhà sản xuất thép lớn cả trong và ngoài nước, đảm bảo nguồn cung ổn định hàng năm cho hoạt động sản xuất cũng như giá nhập hàng ưu đãi so với giá bán thị trường. Đồng thời, các doanh nghiệp quốc tế lớn và cũng là cổ đông của Tôn Đông Á như JFE, Posco, Hanwha, và Poong Jeon đã xây dựng mối quan hệ hợp tác chiến lược, hỗ trợ đưa sản phẩm của Tôn Đông Á đến các thị trường nước ngoài.

Hệ thống bán hàng nội địa của Tôn Đông Á trải dài từ Bắc tới Nam với văn phòng đại diện ở các thành phố chính thuộc khu vực như Hà Nội, Đà Nẵng, Long An, Thành phố Hồ Chí Minh. Sản phẩm của Tôn Đông Á được phân phối qua nhiều kênh phân phối đa dạng kênh bán lẻ, bán buôn và bán cho các dự án. Mạng lưới nội địa của Công ty bao gồm hơn 600 đại lý và cửa hàng bán lẻ, và hơn 25 khách hàng doanh nghiệp, luôn tạo dựng mối quan hệ tốt nhờ chất lượng sản phẩm cũng như chính sách hỗ trợ và đào tạo khách hàng về kiến thức sản phẩm.

Kênh bán xuất khẩu có sự hiện diện của thương hiệu Tôn Đông Á ở rất nhiều nước thuộc Châu Á, Châu Mỹ, Châu Âu và Úc. Sản lượng xuất khẩu của Tôn Đông Á sang khu vực Châu Âu và Hoa Kỳ luôn được duy trì ở mức 55-60% nhờ vào chất lượng sản phẩm vượt trội so với các đối thủ nội địa khác.

10.1.2. Sản phẩm dịch vụ chính

Sản phẩm chính của Tôn Đông Á bao gồm thép mạ kẽm (tôn kẽm/kẽm màu) và thép mạ nhôm kẽm (tôn lạnh/lạnh màu). Tôn Đông Á là doanh nghiệp sản xuất tôn đầu tiên tại Việt Nam có bộ nhận diện thương hiệu, khẳng định chất lượng sản phẩm cũng như uy tín của Công ty trong ngành.

Hình 14: Bộ nhận diện thương hiệu dòng tôn lạnh/lạnh màu của Tôn Đông Á



a. Tôn kẽm/kẽm màu

Tôn kẽm được sản xuất từ thép cán nguội qua dây chuyền mạ kẽm với các công đoạn tẩy rửa sạch bề mặt, được ủ trong lò NOF để làm thay đổi cơ tính thép, sau đó được mạ một lớp kẽm theo nguyên lý mạ nhúng nóng với công nghệ dao gió và cuối cùng được phủ một lớp bảo vệ bề mặt chống oxy hóa như crom. Sản phẩm tuân theo tiêu chuẩn JS G3302, ASTM A653, AS1397, và BS-EN

10346.

Mảng tôn kẽm của Tôn Đông Á cho ra những sản phẩm có độ bóng và bông vân nhỏ, thành phần lớp phủ đạt tới 99% kẽm và được phân loại thành tôn kẽm Z80 – Z350 tùy vào khối lượng mạ mà khách hàng yêu cầu từ 80 gram/m²/2 mặt đến 350 gram/m²/2 mặt.

Tôn kẽm màu được sản xuất từ tôn kẽm, trải qua quá trình tẩy rửa sau đó sẽ được phủ một lớp phụ gia giúp làm tăng độ bám dính, sau đó phủ một lớp sơn lót trước khi sơn chính thức và sấy khô.

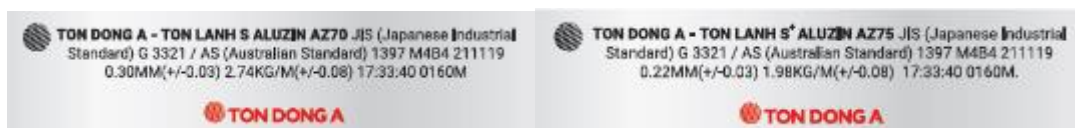
b. Tôn lạnh

Tôn lạnh hay thép mạ nhôm kẽm của Tôn Đông Á là thép cán nguội được mạ hợp kim nhôm kẽm với thành phần 55% Al, 43.5% Zn và 1.5% Si. Loại tôn này có giá trị cao hơn nhờ vào khả năng chống ăn mòn cao, phản xạ nhiệt tốt và thường có tuổi thọ cao hơn 4 lần so với tôn kẽm. Cùng với đó, sản phẩm tôn lạnh có tính ứng dụng cao hơn, không chỉ được dùng trong ngành công nghiệp xây dựng và dân dụng (như tấm lợp, vách ngăn, ván trần, cửa cuốn,...) mà còn được dùng trong điện công nghiệp (như nhà, vỏ bọc của các thiết bị điện...) và trang trí nội thất.

Tôn lạnh được sản xuất từ thép cán nguội đã được tẩy rỉ và phủ dầu, được cho qua dây chuyền mạ lạnh với các công đoạn tẩy rửa sạch bề mặt, tẩy rỉ lần nữa rồi ủ trong lò NOF để làm thay đổi cơ tính lá thép. Sau đó được mạ một lớp nhôm kẽm theo nguyên lý mạ nhúng nóng với công nghệ dao gió và cuối cùng được phủ một lớp bảo vệ bề mặt chống oxy hóa (như antifinger, dầu, crom,...).

Tôn Đông Á là doanh nghiệp nội địa đầu tiên trong ngành tôn chính thức xây dựng và công bố bộ nhận diện thương hiệu, bắt đầu với dòng sản phẩm tôn lạnh và tôn lạnh màu. Sản phẩm được phân tách rõ ràng theo từng phân khúc phổ thông – tiêu chuẩn – cao cấp với tiêu chuẩn chất lượng chi tiết ứng với từng mẫu mã sản phẩm, vì vậy đáp ứng được nhu cầu của nhiều đối tượng khách hàng khác nhau.

- **Nhãn hàng phổ thông S ALUZIN (AZ70) và S+ ALUZIN (AZ75):** đáp ứng tiêu chuẩn JIS G 3321, AS 1397, ASTM A792, BS-EN 103046. Sản phẩm có độ dày lớp mạ hợp kim nhôm kẽm là 70 gram (dòng S) và 75 gram (dòng S+).



- **Nhãn hàng tiêu chuẩn WINALUZIN (AZ100):** sản phẩm WINALUZIN có độ dày lớp mạ hợp kim nhôm kẽm dày hơn là 100 gram.



- **Nhãn hàng cao cấu KINGALUZIN (AZ150):** sản phẩm KINGALUZIN có độ dày lớp mạ hợp kim nhôm kẽm là 150 gram.



c. Tôn lạnh màu

Thép mạ hợp kim nhôm kẽm phủ sơn hay tôn lạnh màu thương hiệu Tôn Đông Á là sản phẩm chất lượng cao với sự kết hợp giữa lớp mạ hợp kim nhôm kẽm và lớp sơn phủ cao cấp cho ra sản phẩm hoàn thiện có tính thẩm mỹ cao, độ bám dính tốt, rất bền màu và chống trầy xước; chống nóng hiệu quả, đa dạng về màu sắc. Sản phẩm được bao gồm 4 lớp sơn: (1) lớp mạ hợp kim Ai-Zin-Si (2) lớp xử lý hóa chất (3) lớp sơn lót và (4) lớp sơn hoàn thiện. Với việc đề cao tính thẩm mỹ trong dòng sản phẩm này, bảng màu của dòng sản phẩm bao gồm đa dạng màu sắc để khách hàng có thể lựa chọn.

Hình 15: Bảng màu cho sản phẩm tôn màu của Tôn Đông Á



Giống như dòng tôn lạnh, Tôn Đông Á phân phối tôn lạnh màu trên thị trường qua ba phân khúc phổ thông – tiêu chuẩn – cao cấp.

- **Nhãn hàng phổ thông S COLOR (S AZ30) và S+ COLOR (S+ AZ50):** dòng sản phẩm tuân theo tiêu chuẩn JIS G3322, AS/NZS 2728 và TDA/MOD. Độ dày lớp mạ hợp kim nhôm kẽm là 30 và 50 gram, và độ dày lớp sơn là 18 micron/ 4 lớp sơn.



- **Nhãn hàng tiêu chuẩn WINCOLOR (AZ50):** dòng sản phẩm tuân theo tiêu chuẩn JIS G3321, AS 1397, ASTM A792, BS-EN 10346. Độ dày lớp mạ hợp kim nhôm kẽm là 50 gram, và độ dày lớp sơn là 20 micron/ 4 lớp sơn.



- **Nhãn hàng cao cấp KINGCOLOR (AZ100):** dòng sản phẩm tuân theo tiêu chuẩn JIS G3321, AS 1397, ASTM A792, BS-EN 10346. Độ dày lớp mạ hợp kim nhôm kẽm là 150 gram, và độ dày lớp sơn là 25 micron/ 4 lớp sơn sử dụng hệ sơn PE.



- **Nhãn hàng KINGMAX:** dòng sản phẩm tôn màu (bao gồm cả tôn kẽm và tôn lạnh) chất lượng cao tập trung vào phạm vi ứng dụng có yêu cầu cao về độ bền màu lâu dài và khả năng chống ăn mòn vượt trội. Độ mạ lên tới 200 gram cho hợp kim nhôm kẽm và 275 gram cho kẽm. Nhãn hàng được phân loại nhóm sản phẩm theo nhóm sơn được sử dụng như PE, SMP/SPE, PE-CBB và PVDF.

- KINGMAX PVDF: sử dụng hệ sơn PVDF phù hợp làm vách, tấm lợp cho các nhà máy sản xuất có phát sinh hơi hoá chất hoặc động ẩm cao như nhà máy sản xuất hóa chất, nhà máy nhuộm, resort, hồ bơi,...
- KINGMAX CLEAN: sử dụng hệ sơn PE-CBB phù hợp để làm vách, tấm lợp cho các công trình đòi hỏi khả năng tự làm sạch mái lợp (dưới cơ chế ưa nước), và có độ bền màu cao hơn so với PE và SPE thông thường.
- KINGMAX SMP: sử dụng hệ sơn SMP/SPE phù hợp cho các công trình đòi hỏi độ bền cao hoặc có sự thay đổi nhiệt độ lớn.
- KINGMAX LEED: sử dụng hệ sơn SPE với mặt chính có chỉ số SRI (Solar reflectance index) lớn hơn hoặc bằng 82, phù hợp cho các công trình xanh hoặc các công trình có yêu cầu chỉ số phản xạ ánh sáng mặt trời.
- KINGMAX PANEL: sử dụng hệ sơn PE với đặc điểm mặt lưng sử dụng hệ sơn

PE/Epoxy được điều chỉnh để tạo độ bám dính. Dòng sản phẩm phù hợp với các công trình nhà lạnh, kho đông, nhà mát, các ứng dụng cách âm/cách nhiệt,...

- KINGMAX METALLIC: sử dụng hệ sơn PE phù hợp cho các công trình đòi hỏi hiệu ứng ánh kim.

a. Ống thép hộp

Thép hộp mạ kẽm Tôn Đông Á là thép cán nguội được sử dụng công nghệ mạ kẽm với thành phần 99% Zn, sau đó sẽ được cán thành thép hộp mạ kẽm. Thép hộp mạ kẽm có bề mặt sáng bóng, bền hơn từ 4-5 lần ống thép đen. Sản phẩm thép hộp của Tôn Đông Á được sử dụng cho ngành xây dựng công nghiệp và dân dụng, hạ tầng giao thông, thiết bị gia dụng.

10.1.3. Cơ cấu doanh thu và lợi nhuận các hoạt động kinh doanh chính của Công ty giai đoạn năm 2019 – năm 2020 và 09 Tháng Năm 2021

a. Cơ cấu doanh thu thuần năm 2019, năm 2020 và 09 Tháng Năm 2021

Cơ cấu doanh thu thuần

Đơn vị tính: triệu đồng

Hoạt động kinh doanh	Năm 2019		Năm 2020		% tăng giảm	09 Tháng Năm 2021	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ		Giá trị	Tỷ lệ
Doanh thu thuần từ bán thành phẩm	11.800.163	93,9%	11.755.483	95,1%	(0,4%)	14.750.548	86,08%
Doanh thu thuần từ bán hàng hóa	585.820	4,7%	428.503	3,5%	(26,9%)	2.177.562	12,71%
Doanh thu thuần từ bán phế liệu	181.801	1,4%	159.155	1,3%	(12,5%)	193.811	1,13%
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ	3.568	0,0%	17.814	0,1%	399,3%	13.084	0,08%
Tổng cộng	12.571.352	100%	12.360.955	100%	(1,70%)	17.135.005	100%

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019, năm 2020 và BCTC hợp nhất quý III năm 2021 của Công ty cổ phần Tôn Đông Á)

Phần lớn doanh thu của Tôn Đông Á đến từ doanh thu bán thành phẩm, chính là các sản phẩm tiêu chuẩn chất lượng cao như thép tẩy rỉ, thép cán nguội, tôn mạ và tôn màu. Doanh thu từ bán thành phẩm chiếm đến 94-95% tổng doanh thu thuần. Đến 09 tháng năm 2021, tỷ trọng doanh thu thuần từ bán thành phẩm có sự sụt giảm nhẹ và chuyển dịch sang hoạt động bán hàng hóa.

b. Cơ cấu lợi nhuận gộp năm 2019, năm 2020 và 09 tháng năm 2021

Đơn vị tính: triệu đồng

Lĩnh vực kinh doanh	Năm 2019		Năm 2020		% tăng giảm	09 Tháng Năm 2021	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ		Giá trị	Tỷ lệ
Lợi nhuận gộp từ bán thành phẩm	557.666	71,80%	713.786	78,40%	28,00%	1.662.886	85,57%
Lợi nhuận gộp từ bán hàng hóa	36.057	4,60%	32.655	3,60%	(9,40%)	266.229	13,70%
Lợi nhuận gộp từ bán phế liệu	181.801	23,40%	159.155	17,50%	(12,50%)	1.284	0,07%
Lợi nhuận gộp từ cung cấp dịch vụ	1.072	0,10%	5.344	0,60%	398,50%	12.869	0,66%
Tổng cộng	776.594	100%	910.940	100%	17,30%	1.943.268	100%

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019, năm 2020 và BCTC hợp nhất quý III năm 2021 của Công ty cổ phần Tôn Đông Á)

Tương tự như vậy, hoạt động bán thành phẩm đóng góp phần lớn vào tỷ trọng của lợi nhuận gộp. Nhờ vào biến động giá thép tăng mạnh trong nửa cuối năm 2020, lợi nhuận gộp của các sản phẩm được cải thiện đáng kể. Vậy nên mặc dù doanh thu có giảm nhẹ do sản lượng sụt giảm, lợi nhuận gộp từ các sản phẩm tôn cải thiện đáng kể, tăng 28% trong năm 2020 so với năm 2019.

09 tháng đầu năm 2021, lợi nhuận gộp bán thành phẩm vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất và tương đối ổn định qua các giai đoạn, chiếm khoảng 85,6%. Tuy nhiên, có sự dịch chuyển tương đối đáng kể về lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng hóa và bán phế liệu, chiếm tỷ trọng lần lượt là 13,7% và 0,07%.

c. Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh năm 2019, năm 2020 và 09 tháng năm 2021

Đơn vị tính: triệu đồng

Chi phí	Năm 2019		Năm 2020		% tăng giảm	09 Tháng Năm 2021	
	Giá trị	Tỷ lệ CP/DTT	Giá trị	Tỷ lệ CP/DTT		Giá trị	Tỷ lệ CP/DTT
Doanh thu thuần	12.571.352	100,0%	12.360.955	100,0%	(1,7%)	17.135.005	100,0%
Tổng chi phí	12.206.047	97,1%	11.839.633	95,8%	(3,0%)	15.954.583	93,11%
<i>Giá vốn hàng bán và dịch vụ:</i>	<i>11.794.759</i>	<i>93,8%</i>	<i>11.450.014</i>	<i>92,6%</i>	<i>(2,9%)</i>	<i>15.191.736</i>	<i>88,66%</i>
Giá vốn của thành phẩm	11.242.498	89,4%	11.041.696	89,3%	(1,8%)	13.087.662	76,38%
Giá vốn của hàng hóa	549.764	4,4%	395.848	3,2%	(28,0%)	1.911.332	11,15%

Chi phí	Năm 2019		Năm 2020		% tăng giảm	09 Tháng Năm 2021	
	Giá trị	Tỷ lệ CP/DTT	Giá trị	Tỷ lệ CP/DTT		Giá trị	Tỷ lệ CP/DTT
Giá vốn của dịch vụ cung cấp	2.497	0,0%	12.470	0,1%	399%	215	0,00%
Giá vốn phế liệu	-	-	-	-	-	192.527	1,12%
Chi phí bán hàng	283.459	2,3%	292.261	2,4%	3,1%	687.692	4,01%
Chi phí vận chuyển và giao hàng	168.748	1,3%	164.582	1,3%	(2,5%)	532.938	3,11%
Chi phí nhân viên	34.929	0,3%	46.934	0,4%	34%	36.662	0,21%
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	30.276	0,2%	35.346	0,3%	17%	58.458	0,34%
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.463	0,0%	6.918	0,1%	27%	44.860	0,26%
Chi phí khấu hao và hao mòn	4.285	0,0%	2.742	0,0%	(36,0%)	6.067	0,04%
Khác	39.758	0,3%	35.740	0,3%	(10,1%)	8.706	0,05%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	127.829	1,0%	97.358	0,8%	(23,8%)	75.155	0,44%
Chi phí nhân viên	37.595	0,3%	47.519	0,4%	26%	34.267	0,20%
Chi phí dịch vụ mua ngoài	72.297	0,6%	27.510	0,2%	(61,9%)	28.370	0,17%
Chi phí khấu hao và hao mòn	14.966	0,1%	20.540	0,2%	37%	8.096	0,05%
Khác	2.971	0,0%	1.789	0,0%	(39,8%)	4.421	0,03%

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019, năm 2020 và BCTC hợp nhất quý III năm 2021 của Công ty cổ phần Tôn Đông Á)

Chi phí hoạt động kinh doanh giảm 3,0% so với năm 2019 với đóng góp chủ yếu đến từ biên lợi nhuận gộp của sản phẩm được cải thiện, giúp cho giá vốn hàng bán giảm 2,9%. Cùng với đó, việc kiểm soát tốt chi phí quản lý doanh nghiệp đã giúp Tôn Đông Á cải thiện tỷ suất lợi nhuận khi tổng chi phí hoạt động giảm mạnh hơn mức giảm của doanh thu.

10.2. Tài sản thuộc sở hữu Công ty

10.2.1. Tình hình tài sản cố định hữu hình tại thời điểm 30/09/2021

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	4.494.393	1.792.006	2.702.387
1	Nhà cửa và vật kiến trúc	770.542	165.592	604.949

STT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
2	Máy móc và thiết bị	3.494.326	1.517.712	1.976.613
3	Phương tiện vận tải	212.216	95.099	117.117
4	Thiết bị văn phòng	17.309	13.602	3.707
II	Tài sản cố định vô hình	16.593	12.457	4.136
1	Phần mềm máy tính	16.593	12.457	4.136
III	Tài sản cố định thuê tài chính	67.320	8.555	58.765
1	Máy móc và thiết bị	3.620	723	2.897
2	Phương tiện vận tải	63.699	7.831	55.868
	Tổng cộng	4.578.306	1.813.018	2.765.288

(Nguồn: BCTC hợp nhất quý III năm 2021 của Công ty cổ phần Tôn Đông Á)

10.2.2. Tình hình tài sản lớn thuộc sở hữu của Công ty tại thời điểm 30/09/2021

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1	MMTB dây chuyền cán nguội 1	339.822	108.993
2	MMTB dây chuyền cán nguội 2	443.813	310.513
3	MMTB dây chuyền mạ nhôm kẽm CK4	381.297	126.298
4	MMTB dây chuyền mạ kẽm CK5	470.931	309.892
5	MMTB dây chuyền mạ nhôm kẽm CK6	626.119	494.805
6	MMTB dây chuyền mạ màu CM4	417.245	341.142
7	Nhà xưởng dây chuyền cán nguội	106.034	75.353
8	Nhà xưởng dây chuyền mạ kẽm CK4	81.943	59.351
9	Nhà xưởng dây chuyền kẽm CK5	117.449	100.151
10	Nhà xưởng dây chuyền nhôm kẽm CK6	101.071	91.359
11	Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	144.474	69.930
	Tổng cộng	3.230.198	2.087.787

10.3. Thị trường hoạt động (doanh thu, lợi nhuận theo từng thị trường)
Đơn vị: Triệu đồng

Các tiêu chí theo thị trường		2019	2020	09T/2021
Doanh thu thuần	Nội địa	8.606.603	8.948.594	8.319.878
	Xuất khẩu	3.964.750	3.412.360	8.815.127
	Châu Á	2.363.503	1.213.584	585.780
	Châu Âu	161.392	648.440	3.404.005
	Châu Mỹ	1.342.112	1.488.602	4.819.449
	Châu Phi	4.064	24.401	4.673
	Châu Úc	93.679	37.333	1.220
	Tổng cộng	12.571.353	12.360.954	17.135.005
Giá vốn	Nội địa	7.842.309	8.150.687	7.502.098
	Xuất khẩu	3.952.450	3.299.329	7.689.638
	Châu Á	2.441.485	1.252.004	539.551
	Châu Âu	167.747	629.593	2.893.272
	Châu Mỹ	1.250.052	1.355.784	4.251.862
	Châu Phi	4.050	25.761	4.316
	Châu Úc	89.116	36.187	637
	Tổng cộng	11.794.759	11.450.016	15.191.736
Lợi nhuận gộp	Nội địa	764.294	797.908	817.779
	Xuất khẩu	12.300	113.034	1.125.489
	Châu Á	(77.982)	(38.420)	46.229
	Châu Âu	(6.355)	18.847	510.733
	Châu Mỹ	92.060	132.819	567.587
	Châu Phi	14	(1.359)	357
	Châu Úc	4.563	1.147	583
	Tổng cộng	776.594	910.942	1.943.268
Biên lợi nhuận gộp	Nội địa	8,88%	8,92%	9,83%
	Xuất khẩu	0,31%	3,31%	12,77%
	Châu Á	(3,3%)	(3,2%)	7,89%
	Châu Âu	(3,9%)	2,9%	15,00%
	Châu Mỹ	6,9%	8,9%	11,78%
	Châu Phi			

Các tiêu chí theo thị trường	2019	2020	09T/2021
Châu Phi	0,3%	(5,6%)	7,64%
Châu Úc	4,9%	3,1%	47,79%
Tổng cộng	6,18%	7,37%	11,34%

Nguồn: Công ty cổ phần Tôn Đông Á

10.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ của Công ty

Đề trở thành một trong những doanh nghiệp dẫn đầu của Việt Nam về ngành tôn và thép lá mạ, với tên tuổi và chất lượng đã được khẳng định trên thị trường trong nước và thế giới, Tôn Đông Á đã tập trung chiến lược vào việc đầu tư xây dựng máy móc, dây chuyền, hệ thống quản trị và nguồn nhân lực. Đặc biệt, là việc đầu tư vào dây chuyền sản xuất chất lượng cao tại 02 nhà máy Thủ Dầu Một và Sóng Thần 1.

Dây chuyền sản xuất của Tôn Đông Á tại nhà máy Thủ Dầu Một và Sóng Thần 1 có hiệu quả công suất cao, tỷ lệ sản lượng thực tế so với công suất tối đa thực tế đối với dòng tôn mạ đạt ngưỡng 70-74%, trong khi đó tỷ lệ này với dòng tôn màu đã vượt ngưỡng 100% trong năm 2020. Chi tiết sản lượng sản xuất và hiệu suất của các dây chuyền thuộc nhà máy như sau:

Hình 16: Công suất và sản lượng các dây chuyền nhà máy của Tôn Đông Á 2017-2020

Dây chuyền	Tổng công suất thiết kế (tấn/năm)	Sản lượng (tấn)			
		2017	2018	2019	2020
Dây chuyền tẩy rỉ	600.000	354.309	522.892	563.429	528.773
<i>Tỷ suất %</i>		59,1%	87,1%	93,9%	88,1%
Dây chuyền cán nguội	600.000	275.592	487.336	548.505	527.929
<i>Tỷ suất %</i>		45,9%	81,2%	91,4%	88,0%
Dây chuyền mạ nhôm/nhôm kẽm	850.000	497.499	616.923	650.955	627.622
<i>Tỷ suất %</i>		58,5%	72,6%	76,6%	73,8%
Dây chuyền mạ màu	240.000	148.978	143.884	218.978	245.292
<i>Tỷ suất %</i>		62,1%	60,0%	90,9%	102,2%
Dây chuyền xả băng	160.000	87.189	95.551	149.616	86.930

Dây chuyền	Tổng công suất thiết kế (tấn/năm)	Sản lượng (tấn)			
		2017	2018	2019	2020
Tỷ suất %		43,6%	47,8%	74,8%	43,5%

Với những nỗ lực và thành quả hoạt động trong hơn 12 năm vừa qua, Tôn Đông Á đã xây dựng được niềm tin và uy tín với các đối tác lớn, tạo dựng cho mình một vị thế vững chắc trước những cạnh tranh khốc liệt trên thị trường.

10.5. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết trong năm 2019 – năm 2020 và đến thời điểm hiện tại

Tên	Trị giá/năm (triệu đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Đối tác	Mối quan hệ (*)
NĂM 2019	9.779.979					
Công ty TNHH Sắt Thép Ngọc Biển	1.044.131	01/01/2019	Từ 01/01 đến 31/12/2019	Tôn kẽm, tôn lạnh, tôn màu, thép hộp	Khách hàng	Không có
Công Ty TNHH Thép Quốc Chương	446.243	01/01/2019	Từ 01/01 đến 31/12/2019	Tôn kẽm, tôn lạnh, tôn màu, thép hộp	Khách hàng	Không có
United Steel Global Trading Corporation	301.130	04/01/2019	Từ 01/01 đến 31/12/2019	Tôn kẽm, tôn lạnh, tôn màu,	Khách hàng	Không có
Steelforce Sea Pte.Ltd.,	438.448	02/01/2019	Từ 01/01 đến 31/12/2019	Tôn kẽm, tôn lạnh, tôn màu,	Khách hàng	Không có
Baosteel Singapore Pte Ltd	1.284.387	01/01/2019	Từ 01/01 đến 31/12/2019	Thép cán nóng	Nhà cung cấp	Không có
Công ty TNHH Posco Việt Nam	1.206.597	01/01/2019	Từ 01/01 đến 31/12/2019	Thép cán nguội	Nhà cung cấp	Không có
Công Ty TNHH Gang Thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh	775.122	01/01/2019	Từ 01/01 đến 31/12/2019	Thép cán nóng	Nhà cung cấp	Không có
SK Networks Co., Ltd	495.575	01/01/2019	Từ 01/01 đến 31/12/2019	Nhôm kẽm	Nhà cung cấp	Không có
NĂM 2020	10.730.946					
Công ty TNHH Sắt Thép Ngọc Biển	1.015.213	01/01/2020	Từ 01/01 đến 31/12/2020	Tôn kẽm, tôn lạnh, tôn màu, thép hộp	Khách hàng	Không có
Công Ty TNHH TM DV XNK	651.386	01/01/2020	Từ 01/01 đến 31/12/2020	Tôn kẽm, tôn lạnh, tôn màu,	Khách hàng	Không có

Tên	Trị giá/năm	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Đối tác	Mối quan hệ (*)
Minh Minh				thép hộp		
Universal Steel Products, INC	294.890	01/01/2020	Từ 01/01 đến 31/12/2020	Tôn kẽm, tôn lạnh, tôn màu,	Khách hàng	Không có
Mareso Pte Ltd	205.419	01/01/2020	Từ 01/01 đến 31/12/2020	Tôn kẽm, tôn lạnh, tôn màu,	Khách hàng	Không có
JFE Shoji Corporation	2.006.519	01/01/2020	Từ 01/01 đến 31/12/2020	Thép cán nóng	Nhà cung cấp	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Posco Việt Nam	939.947	01/01/2020	Từ 01/01 đến 31/12/2020	Thép cán nguội	Nhà cung cấp	Không có
Metal One Corporation	643.697	01/01/2020	Từ 01/01 đến 31/12/2020	Thép cán nóng	Nhà cung cấp	Không có
Công ty TNHH Becker Industrial Coatings Việt Nam	316.615	01/01/2020	Từ 01/01 đến 31/12/2020	Sơn	Nhà cung cấp	Không có
SK Networks Co., Ltd	277.729	01/01/2020	Từ 01/01 đến 31/12/2020	Nhôm kẽm	Nhà cung cấp	Không có
09 THÁNG/2021	8.371.680					
Công ty TNHH Sắt Thép Ngọc Biên	403.783	01/01/2021	Từ 01/01 đến 30/09/2021	Tôn kẽm, tôn lạnh, tôn màu, thép hộp	Khách hàng	Không có
Công Ty TNHH TM DV XNK Minh Minh	432.303	01/01/2021	Từ 01/01 đến 30/09/2021	Tôn kẽm, tôn lạnh, tôn màu, thép hộp	Khách hàng	Không có
Công Ty TNHH Thép Quốc Chương	269.791	01/01/2021	Từ 01/01 đến 30/09/2021	Tôn kẽm, tôn lạnh, tôn màu, thép hộp	Khách hàng	Không có
Pisec Group Austria GMBH	705.196	01/01/2021	Từ 01/01 đến 30/09/2021	Tôn kẽm, tôn lạnh, tôn màu,	Khách hàng	Không có
Jfe Shoji America, Llc	724.691	01/01/2021	Từ 01/01 đến 30/09/2021	Tôn kẽm, tôn lạnh, tôn màu,	Khách hàng	Không có
Công Ty TNHH JFE Shoji Việt Nam	3.105.779	01/01/2021	Từ 01/01 đến 30/09/2021	Thép cán nóng	Nhà cung cấp	Cổ đông lớn
Arcelormittal Singapore Private Limited	1.036.570	01/01/2021	Từ 01/01 đến 30/09/2021	Thép cán nóng	Nhà cung cấp	Không có
Công ty TNHH Posco Việt Nam	1.459.289	01/01/2021	Từ 01/01 đến 30/09/2021	Thép cán nguội	Nhà cung cấp	Không có
SK Networks Co., Ltd	303.224	01/01/2021	Từ 01/01 đến 30/09/2021	Nhôm kẽm	Nhà cung cấp	Không có
Tổng	28.951.552					

(Nguồn: Công ty cổ phần Tôn Đông Á)

(*): *Mối quan hệ với Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và cổ đông lớn của Công ty.*

10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn trong năm 2019 – năm 2020 và đến thời điểm hiện tại

Khách hàng/Nhà cung cấp lớn	Trị giá giao dịch /năm (triệu đồng)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm	Mối quan hệ (*)
NĂM 2019		9.779.979		
Khách hàng				
Công ty TNHH Sắt Thép Ngọc Biển	1.044.131	Từ 01/01 đến 31/12/2019	Tôn kẽm, tôn lạnh, tôn màu, thép hộp	Không có
Công Ty TNHH Thép Quốc Chương	446.243	Từ 01/01 đến 31/12/2019	Tôn kẽm, tôn lạnh, tôn màu, thép hộp	Không có
United Steel Global Trading Corporation	301.130	Từ 01/01 đến 31/12/2019	Tôn kẽm, tôn lạnh, tôn màu,	Không có
Steelforce Sea Pte.Ltd.,	438.448	Từ 01/01 đến 31/12/2019	Tôn kẽm, tôn lạnh, tôn màu,	Không có
Nhà cung cấp				
Baosteel Singapore Pte Ltd	1.284.387	Từ 01/01 đến 31/12/2019	Thép cán nóng	Không có
Công ty TNHH Posco Việt Nam	1.206.597	Từ 01/01 đến 31/12/2019	Thép cán nguội	Không có
Công Ty TNHH Gang Thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh	775.122	Từ 01/01 đến 31/12/2019	Thép cán nóng	Không có
SK Networks Co., Ltd	495.575	Từ 01/01 đến 31/12/2019	Nhôm kẽm	Không có
NĂM 2020		10.730.946		
Khách hàng				
Công ty TNHH Sắt Thép Ngọc Biển	1.015.213	Từ 01/01 đến 31/12/2020	Tôn kẽm, tôn lạnh, tôn màu, thép hộp	Không có
Công Ty TNHH TM DV XNK Minh Minh	651.386	Từ 01/01 đến 31/12/2020	Tôn kẽm, tôn lạnh, tôn màu, thép hộp	Không có
Universal Steel Products, INC	294.890	Từ 01/01 đến 31/12/2020	Tôn kẽm, tôn lạnh, tôn màu,	Không có
Mareso Pte Ltd	205.419	Từ 01/01 đến 31/12/2020	Tôn kẽm, tôn lạnh, tôn màu,	Không có
Nhà cung cấp				
JFE Shoji Corporation	2.006.519	Từ 01/01 đến 31/12/2020	Thép cán nóng	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Posco Việt Nam	939.947	Từ 01/01 đến 31/12/2020	Thép cán nguội	Không có
Metal One Corporation	643.697	Từ 01/01 đến 31/12/2020	Thép cán nóng	Không có
Công ty TNHH Becker Industrial	316.615	Từ 01/01 đến 31/12/2020	Sơn	Không có

Khách hàng/Nhà cung cấp lớn	Trị giá giao dịch /năm (triệu đồng)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm	Mối quan hệ (*)
Coatings Việt Nam				
SK Networks Co., Ltd	277.729	Từ 01/01 đến 31/12/2020	Nhôm kẽm	Không có
09T/2021	8.440.627			
Khách hàng				
Công ty TNHH Sắt Thép Ngọc Biển	403.783	Từ 01/01 đến 30/09/2021	Tôn kẽm, tôn lạnh, tôn màu, thép hộp	Không có
Công Ty TNHH TM DV XNK Minh Minh	432.303	Từ 01/01 đến 30/09/2021	Tôn kẽm, tôn lạnh, tôn màu, thép hộp	Không có
Công Ty TNHH Thép Quốc Chương	269.791	Từ 01/01 đến 30/09/2021	Tôn kẽm, tôn lạnh, tôn màu, thép hộp	Không có
Pisec Group Austria GMBH	705.196	Từ 01/01 đến 30/09/2021	Tôn kẽm, tôn lạnh, tôn màu,	Không có
Jfe Shoji America, Llc	724.691	Từ 01/01 đến 30/09/2021	Tôn kẽm, tôn lạnh, tôn màu,	Không có
Nhà cung cấp				
Công Ty TNHH JFE Shoji Việt Nam	3.105.779	Từ 01/01 đến 30/09/2021	Thép cán nóng	Cổ đông lớn
Arcelormittal Singapore Private Limited	1.036.570	Từ 01/01 đến 30/09/2021	Thép cán nóng	Không có
Công ty TNHH Posco Việt Nam	1.459.289	Từ 01/01 đến 30/09/2021	Thép cán nóng	Không có
SK Networks Co., Ltd	303.224	Từ 01/01 đến 30/09/2021	Thép cán nguội	Không có
Tổng	28.951.552			

(Nguồn: Công ty cổ phần Tôn Đông Á)

(*): Mối quan hệ với Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và cổ đông lớn của Công ty.

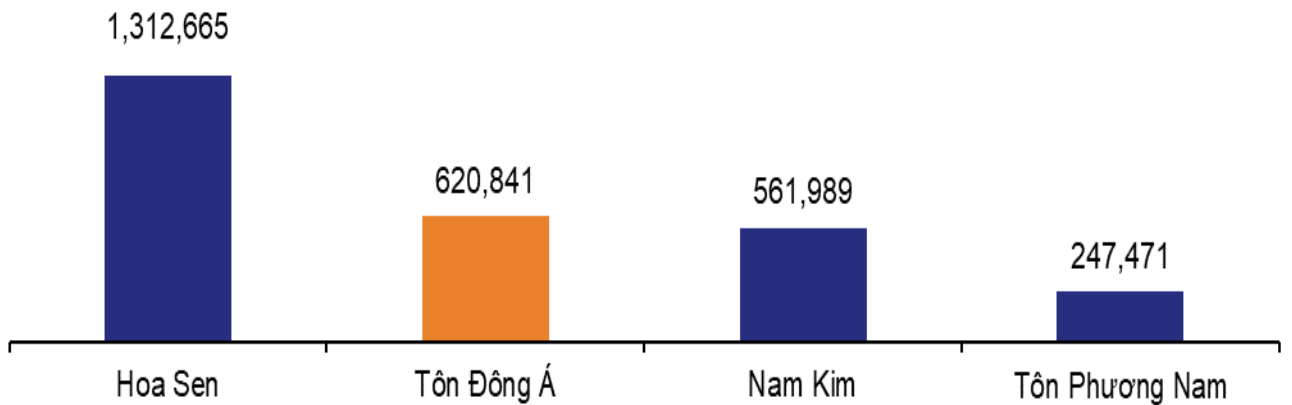
10.7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

10.7.1. Vị thế của Công ty trong ngành (phân tích theo ngành hoạt động, các bên tham gia và mức độ cạnh tranh, vị thế và thị phần, trường hợp không có thông tin cần nêu rõ)

Tại thị trường tôn Việt Nam, Tôn Đông Á là doanh nghiệp đứng thứ 3 về năng lực sản xuất 850.000 tấn/năm. Tuy nhiên, nếu so sánh về sản lượng thực tế, Tôn Đông Á chỉ xếp thứ hai sau Tập đoàn Hoa Sen. Điều này đã thể hiện được khả năng cạnh tranh cao của Tôn Đông Á, với việc các sản phẩm với chất lượng cao luôn được ưu tiên hơn so với sản phẩm của các doanh nghiệp cùng ngành. Về thị phần sản lượng, Tôn Đông Á giữ vững vị trí số hai tại thị trường nội địa và thứ ba tại thị trường

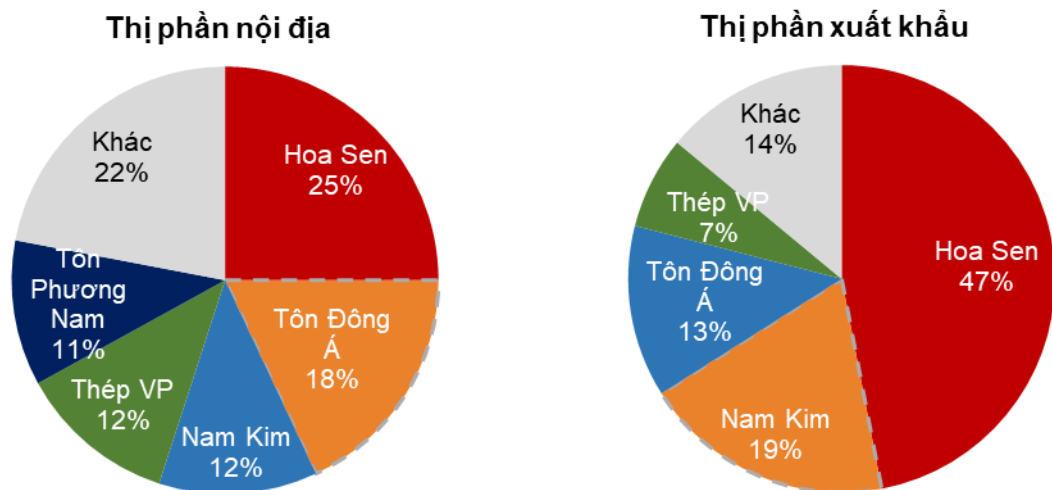
xuất khẩu.

Hình 16: Sản lượng bán hàng thực tế của các doanh nghiệp ngành tôn trong năm 2020 (tấn)



(Nguồn: Hiệp Hội Thép 2020)

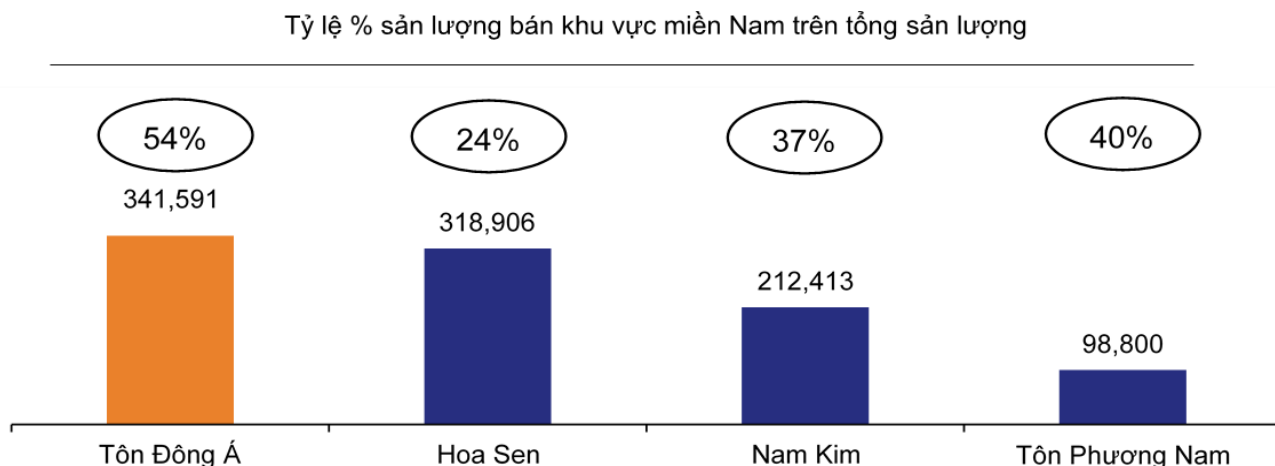
Hình 17: So sánh thị phần tôn của các doanh nghiệp Việt Nam



(Nguồn: Hiệp Hội Thép 2020)

Tại thị trường nội địa, Tôn Đông Á giữ vững vị thế dẫn đầu trong khu vực miền Nam, với sản lượng bán tại thị trường này chiếm tới 81% tổng sản lượng bán nội địa và 54% tổng sản lượng bán của Công ty trong năm 2020.

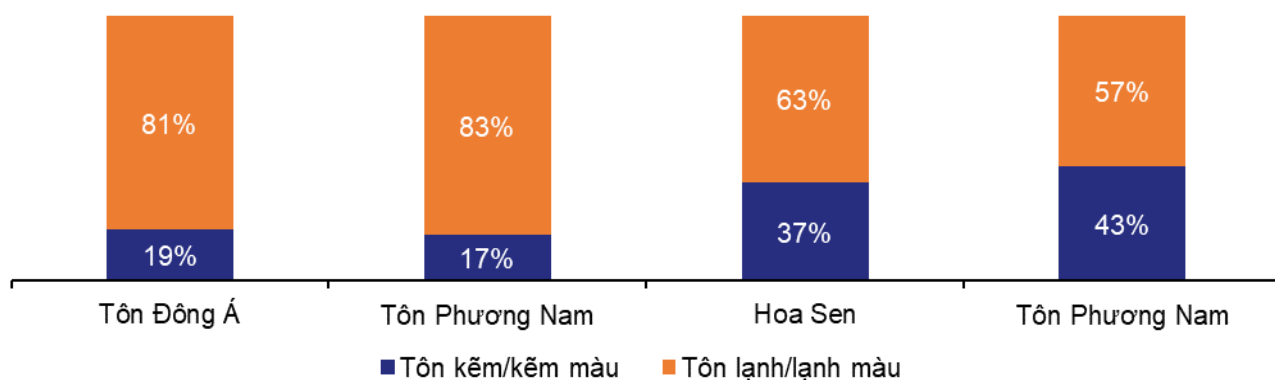
Hình 18: Sản lượng thực tế tại khu vực miền Nam của các doanh nghiệp tôn lớn năm 2020 (tấn)



(Nguồn: Hiệp Hội Thép 2020)

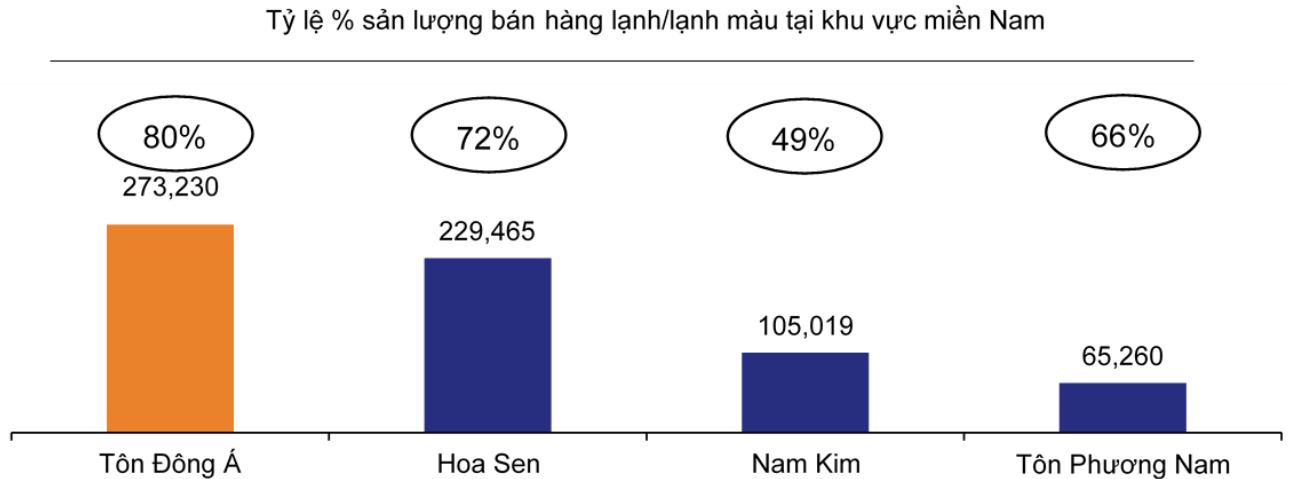
Chiến lược phát triển của Tôn Đông Á khác so với các đối thủ cạnh tranh về sản phẩm. Trong khi các doanh nghiệp khác tập trung vào mảng tôn kẽm và kẽm màu, Tôn Đông Á đã chiếm lấy vị thế số một trong mảng tôn lạnh và lạnh màu, dòng sản phẩm cao cấp hơn về chất lượng và những đặc tính đặc biệt cần thiết cho những công trình dự án đòi hỏi kỹ thuật cao. Nhờ vào sự vượt trội về tiêu chuẩn và thiết bị sản xuất, Tôn Đông Á dễ dàng dẫn đầu trong dòng sản phẩm này.

Hình 19: Tỷ lệ bán hàng tôn kẽm/kẽm màu và tôn lạnh/lạnh màu của các doanh nghiệp lớn trong ngành Việt Nam



(Nguồn: Hiệp Hội Thép 2020)

Hình 20: Sản lượng bán tôn lạnh/lạnh màu tại khu vực miền Nam năm 2020 của các doanh nghiệp lớn



(Nguồn: Hiệp Hội Thép 2020)

Chiến lược phát triển sản phẩm này cũng được áp dụng với thị trường xuất khẩu với việc Tôn Đông Á đẩy mạnh sản phẩm tôn lạnh và tôn lạnh màu, chiếm tỷ trọng 81% tổng sản lượng xuất khẩu của Công ty. Với việc thị trường nội địa vẫn còn nhiều dư địa để phát triển cho Tôn Đông Á nhờ nhu cầu cho sản phẩm chất lượng cao ở Việt Nam đang tăng lên và tỷ suất lợi nhuận bán nội địa cao hơn, Tôn Đông Á kiểm soát sản lượng xuất khẩu ở mức 33-35% của tổng sản lượng.

Về sản phẩm, Tôn Đông Á thể hiện sự vượt trội, trước hết nhờ vào tỷ trọng hàng lạnh cao – mặt hàng có giá trị cao hơn về mặt sản xuất. Cùng với đó, Tôn Đông Á là thương hiệu tôn nội địa đầu tiên xây dựng được bộ nhận diện thương hiệu hoàn chỉnh, nâng cao tầm vóc của sản phẩm trên toàn thế giới. Về mặt kỹ thuật, Công ty là doanh nghiệp nội địa tiên phong sản xuất được mặt hàng tôn lạnh AZ200 (độ mạ đạt tới 200 gram), trong khi đó, các doanh nghiệp khác mới chỉ dừng lại ở dòng sản phẩm AZ150. Tương tự với nhóm sản phẩm tôn lạnh màu, Tôn Đông Á đã sản xuất & cung cấp cho các công trình công nghiệp, các dự án lớn đòi hỏi khắc khe về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm & số năm bảo hành lên đến 30 – 40 năm. Chính vì thế, Tôn Đông Á có thể dễ dàng độc chiếm vị trí số một trong phân khúc tầm cao của thị trường mà hiện tại đang phụ thuộc nhiều vào nguồn cung từ nước ngoài.

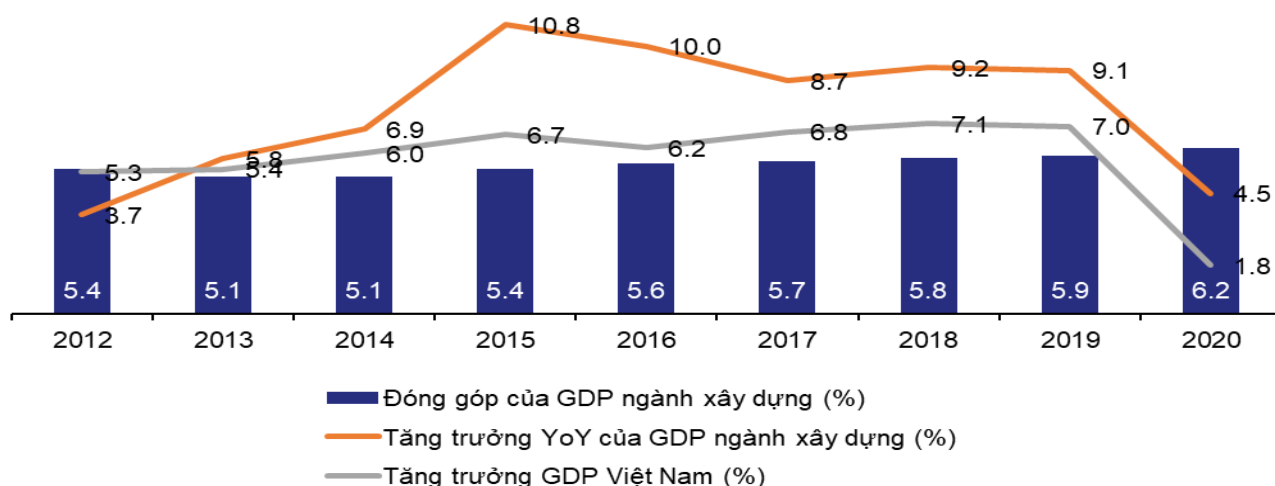
Về mạng lưới phân phối, Tôn Đông Á chủ yếu bán B2B (Business-to-Business). Với mạng lưới phân phối rộng khắp cả nước với khoảng gần 1500 đại lý bán hàng cấp 1 và cấp 2. Trong đó, có 1.052 đại lý có gắn bảng hiệu của Tôn Đông Á.

Stt	Đối tượng khách hàng	Khu vực	Tổng số lượng khách hàng	Đã gắn bảng hiệu Tôn Đông Á	Tỷ lệ gắn bảng hiệu Tôn Đông Á
1	Khách hàng thương mại	TDA.HCM	5	4	80%
2	Khách hàng đại lý cấp 1	TDA.HCM	150	678	68%
3	Khách hàng đại lý cấp 2	TDA.HCM	843	-	0%
4	Khách hàng kênh dự án	TDA.HCM	25	-	0%
5	Khách hàng kênh chuyên ngành công nghiệp	TDA.HCM	40	-	0%
6	Khách hàng đại lý cấp 1 & cấp 2	TDA.Bình Định	100	62	62%
7	Khách hàng thương mại & đại lý cấp 1 & cấp 2	TDA.Đà Nẵng	150	139	93%
8	Khách hàng thương mại & đại lý cấp 1 & cấp 2 & kênh dự án & kênh chuyên ngành công nghiệp	TDA.Bắc Ninh	180	169	94%
TỔNG			1.493	1.052	70%

10.7.2. Triển vọng phát triển của ngành

Ngành xây dựng, nguồn tiêu thụ chính của các sản phẩm tôn và thép, duy trì được đà tăng trưởng bất chấp ảnh hưởng của đại dịch COVID với mức đóng góp ổn định vào nền kinh tế Việt Nam thông qua những dự án phát triển đô thị, hạ tầng và nhà ở. Số liệu tăng trưởng GDP của ngành xây dựng cho thấy mức tăng trưởng vượt trội hơn mức tăng trưởng GDP của cả nước kể từ năm 2013 đến nay.

Hình 21: Tổng quan đóng góp và tăng trưởng GDP của ngành xây dựng ở Việt Nam



(Nguồn: GSO)

Tiêu thụ trong nước bị ảnh hưởng tiêu cực bởi tình hình dịch bệnh trong bốn tháng đầu năm 2020. Sản lượng thép xây dựng và thép dẹt thành phẩm trong nước (bao gồm cả tôn mạ và thép ống) giảm lần lượt 12% và 5% do hoạt động xây dựng chững lại. Tuy nhiên, kể từ khi dịch bệnh được kiểm soát thành công bắt đầu từ tháng 5, sản lượng tiêu thụ của 2 loại sản phẩm này từ tháng 5 đến cuối năm đã phục hồi tích cực với mức tăng trưởng lần lượt là 1% và 7% so với cùng kỳ. Mức tăng trưởng đáng khích lệ đến từ nhu cầu ổn định từ kênh dân dụng, đẩy nhanh đầu tư công, với tổng giá trị trong 11 tháng đầu năm 2020 tăng 34% so với cùng kỳ, và giá thép có xu hướng tăng, thúc đẩy các nhà phân phối tích trữ hàng tồn kho.

Trong khi đó, xuất khẩu cũng đạt được mức tăng trưởng mạnh mẽ kể từ quý 2 năm ngoái. Nhu cầu tiêu thụ trên thế giới tăng lên nhanh chóng cùng với kích thích đầu tư công thế giới. Trong bối cảnh chuỗi cung ứng của các doanh nghiệp nước ngoài bị gián đoạn, thị trường xuất khẩu tôn và thép Việt Nam được đẩy mạnh. Sản lượng sản xuất năm 2020 của các thị trường thép lớn như EU, Mỹ, Ấn Độ, Nhật Bản, và Hàn Quốc lần lượt giảm 12%, 17%, 11%, 16%, 6% so với năm 2019. Xuất khẩu thép và tôn của Việt Nam, vì thế, được lợi nhiều từ sự sụt giảm về nguồn cung thế giới.

Hình 23: Sản lượng sản xuất thép thô của một số quốc gia/khu vực sản xuất lớn 2020

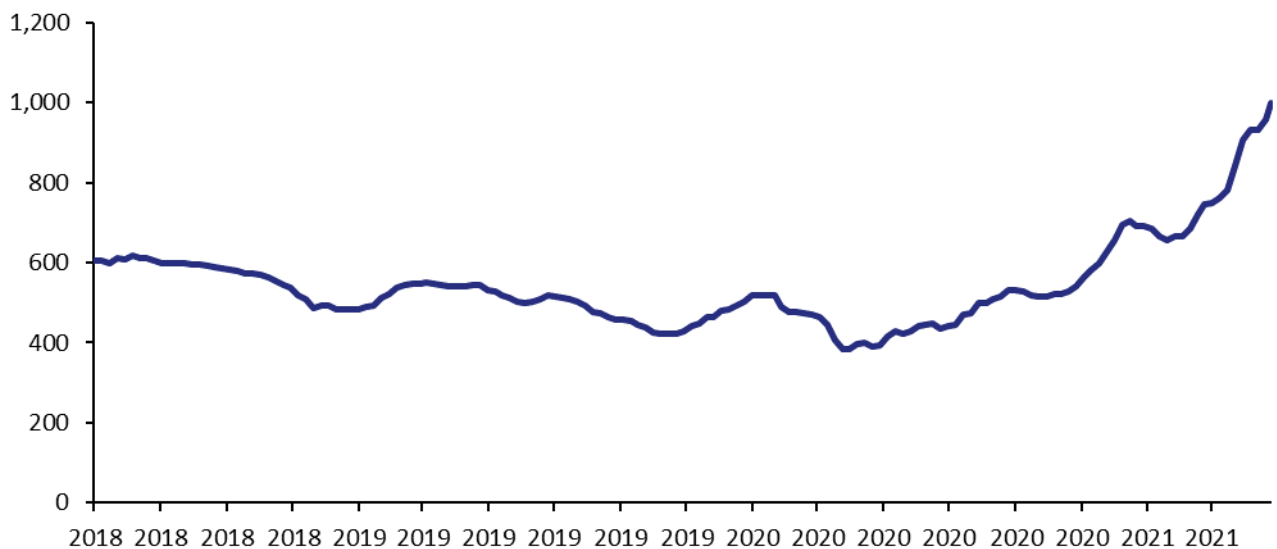
Nước/ Khu vực	Sản lượng 2019 (Nghìn tấn)	Sản lượng 2020 (Nghìn tấn)	% thay đổi
Khu vực EU	157.298	138.786	(11,8%)
Nga	71.575	73.400	2,6%
Mỹ	87.761	72.690	(17,2%)
Brazil	32.569	30.971	(4,9%)
Trung Quốc	1.001.306	1.052.999	5,2%
Ấn Độ	111.350	99.570	(10,6%)
Nhật Bản	99.284	83.194	(16,2%)
Hàn Quốc	71.412	67.121	(6,0%)
Việt Nam	17.469	19.500	11,6%

(Nguồn: Hiệp hội Thép Thế giới)

Với việc nhu cầu phục hồi nhưng nguồn cung thế giới bị gián đoạn, giá thép và tôn tăng mạnh từ nửa cuối năm ngoái, đặc biệt khi nhà sản xuất thép lớn nhất là Trung Quốc đã thực hiện các biện

pháp cắt giảm sản lượng thép ít nhất đến cuối năm 2021 do các lo ngại về vấn đề ô nhiễm môi trường khi ngành thép đóng góp đến 15% tổng lượng phát thải khí nhà kính ở nước này. Giá thép tăng tiếp tục thúc đẩy tỷ suất lợi nhuận của các công ty tôn cải thiện. Tuy nhiên, rủi ro giá thép điều chỉnh trong thời gian tới là hiện hữu, dẫn đến việc tỷ suất lợi nhuận của các công ty trong ngành trở lại mức bình thường.

Hình 22: Giá bán HRC (USD/tấn)



(Nguồn: Hiệp hội Thép Việt Nam)

Mặc dù vậy, triển vọng dài hạn của ngành tôn Việt Nam vẫn rất lạc quan nhờ vào tăng trưởng ổn định của nhu cầu trong nước. Các động lực thúc đẩy đến từ đầu tư cơ sở hạ tầng và dòng vốn FDI, điều này cũng thúc đẩy hoạt động xây dựng dân dụng dọc theo các công trình cơ sở hạ tầng và dự án FDI. Đặc biệt, Chính phủ luôn thể hiện sự hỗ trợ lớn đối với ngành. Vào tháng 10/2019, Bộ Công Thương thông báo sẽ áp thuế chống bán phá giá trong vòng 5 năm đối với các sản phẩm tôn mạ màu nhập khẩu từ Hàn Quốc và Trung Quốc. Vào tháng 3/2020, Bộ Công Thương gia hạn thêm 3 năm thuế chống bán phá giá cho các sản phẩm phôi thép xây dựng và thép dài thành phẩm nhập khẩu từ tất cả các nước. Những chính sách này giúp bảo vệ các nhà sản xuất tôn và thép nội địa, không phải lo ngại việc cạnh tranh với các sản phẩm giá rẻ kém chất lượng.

10.7.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới

Tôn Đông Á với mảng kinh doanh cốt lõi là các sản phẩm thép mạ có giá trị cao, tiếp tục được hưởng lợi từ triển vọng lạc quan về phát triển kinh tế ở cả Việt Nam và trên thế giới, cũng như dự phóng phục hồi dịch COVID và sau đó tăng trưởng ổn định của ngành trong thời gian tới. Với kỳ

vọng tăng trưởng xây dựng cơ sở hạ tầng, bất động sản dân dụng và công nghiệp tại Việt Nam trong thời gian tới, nhu cầu ngành tôn và thép dự kiến sẽ phục hồi trở lại mức bình thường là 8% so với mức thấp trong năm 2020. Tôn Đông Á sẽ được hưởng lợi trực tiếp từ yếu tố vĩ mô này.

Ngành thép và tôn cũng là một ngành nhận được nhiều sự quan tâm và hỗ trợ từ Nhà nước. Nhờ các chính sách bảo vệ nhà sản xuất và người tiêu dùng nội địa khỏi các sản phẩm nhập khẩu không đạt chuẩn và kém chất lượng, Tôn Đông Á sẽ dễ dàng xây dựng thương hiệu chất lượng cao hàng đầu Việt Nam.

Cùng với đó, với tầm nhìn phát triển các dòng sản phẩm có giá trị gia tăng cao hơn trong ngành tôn như tôn lạnh và tôn lạnh màu với ứng dụng đặc biệt hơn. Tôn Đông Á có nhiều lợi thế về dây chuyền công nghệ và kinh nghiệm nghiên cứu phát triển sản phẩm hơn so với các đối thủ nội địa khác. Nhờ vậy, phân khúc tầm cao mà Tôn Đông Á đang hướng tới sẽ có ít cạnh tranh về sản phẩm từ các đối thủ nội địa và có lợi thế cạnh tranh về giá đối với các nhà cung cấp nước ngoài. Đối với thị trường xuất khẩu, sản phẩm hiện tại và tương lai của Tôn Đông Á sẽ tiếp tục được đón nhận bởi các thị trường khó tính nhất như Mỹ và Châu Âu.

10.8. Hoạt động marketing

Tôn Đông Á rất chú trọng hoạt động marketing đa phương tiện nhằm quảng bá thương hiệu Tôn Đông Á cũng như các sản phẩm của Công ty qua một số kênh truyền thông như: quảng cáo truyền hình, truyền thanh, quảng cáo ngoài trời, báo chí, tài trợ xã hội, tổ chức sự kiện offline và xây dựng hệ thống truyền thông nội bộ.

Hoạt động thể thao: Giải đua xe đạp toàn quốc tranh cúp Truyền hình Tp.HCM HTV – TÔN ĐÔNG Á 2016 – 2017 – 2018 – 2021 (2022 & 2023)



Truyền hình truyền thanh

Bộ sản phẩm tôn lạnh và tôn lạnh màu mang thương hiệu KING/WIN/S được quảng cáo rộng rãi thông qua kênh TVC với bộ logo đồng nhất và đầu tư về mặt hình ảnh.



Bên cạnh đó, Công ty cũng đẩy mạnh việc kết nối lãnh đạo, thương hiệu Tôn Đông Á với người tiêu dùng nội địa thông qua việc phát sóng các buổi phỏng vấn và đăng tải các hoạt động thiện nguyện, tài trợ dự án của doanh nghiệp.

Quảng cáo ngoài trời

Tôn Đông Á đã và đang thực hiện 9 pano quảng cáo trên toàn quốc, trong đó 4 pano đang được sử dụng và 5 pano dự kiến hoàn thành vào tháng 2/2021. Đội ngũ marketing của Tôn Đông Á liên tục cập nhật thiết kế đồng bộ để thương hiệu có thể dễ dàng được nhận diện hơn.



Báo chí

Tôn Đông Á thực hiện quảng cáo cả trên báo giấy và báo điện tử, đồng bộ về thiết kế trên khắp các phương tiện truyền thông.



Hoạt động xã hội

Tôn Đông Á tích cực tham gia vào các hoạt động xã hội. Một số hoạt động thiện nguyện tiêu biểu như: Chiến dịch Mùa hè Xanh của Đại học Bách Khoa, Đồng hành của quỹ Nam Phương xây cầu tại Cà Mau, Chăm lo Mẹ Việt Nam Anh Hùng, Trao quà hỗ trợ cho các gia đình gặp khó khăn, trao 1 tỷ đồng tôn lợp nhà giúp đồng bào Huế và Quảng Trị khắc phục bão số 5,... Công ty tập trung vào 3 nhóm hoạt động chính, bao gồm hoạt động giáo dục, hoạt động có tính bền vững tại địa phương, và hoạt động ủng hộ đồng bào thiên tai.

Hình 24: Chi phí tài trợ xã hội (tỷ VNĐ)

3.2



3.2



1.8



Bộ nhận diện thương hiệu

Tôn Đông Á là doanh nghiệp duy nhất trong ngành tôn có một bộ nhận diện thương hiệu đồng bộ không chỉ trong việc gây dựng sản phẩm mà còn tạo dựng dấu ấn thương hiệu đối với các ấn phẩm khác.



KINGALUZIN (KING LẠNH) **KINGCOLOR (KING MÀU)** **WINALUZIN (WIN LẠNH)** **WINCOLOR (WIN MÀU)** **S⁺ ALUZIN (S⁺ LẠNH)** **S⁺ COLOR (S⁺ MÀU)** **S ALUZIN (S LẠNH)** **S COLOR (S MÀU)**





Đào tạo khách hàng




Tôn Đông Á thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo khách hàng về kiến thức sản phẩm, cập nhật những xu hướng mới. Những chương trình này không chỉ nâng cao uy tín về thương hiệu và dịch vụ của Công ty mà còn giúp các khách hàng có cái nhìn tổng quát và hiểu biết hơn về môi trường kinh doanh.

Hình 25: Số lượng chương trình đào tạo khách hàng và lượng người tham gia

Phòng kinh doanh	Số lượng chương trình	Năm 2019			Năm 2020		
		Số lượng khách mời	Trung bình số người/ chương trình	Số lượng chương trình	Số lượng khách mời	Trung bình số người/ chương trình	
Kinh doanh nội địa 1	20	1.181	59	4	614	153	
Kinh doanh nội địa 2	13	1.214	93	10	1.008	101	
Kinh doanh nội địa 3	1	23	23	-	-	-	
TDA Bắc Ninh	3	352	117	5	681	136	
TDA Đà Nẵng	4	406	102	2	250	125	
Tổng	41	3.176	77	21	2.553	121	



10.9. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

STT	Nội dung, hình thức nhãn hiệu	Số đăng ký nhãn hiệu
	- Màu sắc nhãn hiệu: Cam, xanh dương	Chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 294801
	- Màu sắc nhãn hiệu: Xanh dương, đỏ, trắng	Chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 122446
	- Màu sắc nhãn hiệu: Cam, xanh dương - Nội dung khác: Nhãn hiệu được bảo hộ tổng thể. Không bảo hộ riêng “TON”, “R”	Chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 295306

10.10. Chính sách nghiên cứu và phát triển

Tôn Đông Á đặt chiến lược trở thành một trong những doanh nghiệp dẫn đầu của Việt Nam về ngành thép lá mạ. Công ty phấn đấu trở thành niềm tự hào tôn Việt với các sản phẩm chất lượng cao. Tôn Đông Á chú trọng đầu tư các thiết bị có công nghệ hiện đại và thân thiện với môi trường theo tinh thần của slogan “cùng xây cuộc sống xanh”.

Công ty định hướng đẩy mạnh đầu tư phát triển nguyên liệu đầu nguồn, mở rộng các sản phẩm thép lá mạ ứng dụng trong lĩnh vực xây dựng, thiết bị gia dụng, công nghiệp, giao thông vận tải.

Bên cạnh đó, xây dựng văn hóa doanh nghiệp mang tính nhân văn, minh bạch, gìn giữ uy tín, kích thích sự sáng tạo, thúc đẩy học hỏi và tăng trưởng, tích cực tham gia các hoạt động phát triển vì cộng đồng.

Với phương châm “An toàn, chất lượng, hiệu quả, thân thiện môi trường”, Tôn Đông Á quyết tâm trở thành một doanh nghiệp năng động, hoạt động có năng suất cao, lấy chất lượng sản phẩm và hiệu quả tổ chức quản lý làm yếu tố cạnh tranh, sản xuất các sản phẩm đạt các tiêu chuẩn quốc tế, bảo vệ môi trường, tối đa hóa giá trị gia tăng cho khách hàng, hướng đến phát triển bền vững.

Tôn Đông Á đang tổ chức mở rộng cơ sở sản xuất và tăng cường kinh doanh ra các tỉnh thành trong cả nước, đẩy mạnh xuất khẩu đến các châu lục. Trong thời gian qua, Tôn Đông Á đã xây dựng hai nhà máy sản xuất thép lá mạ hiện đại ở hai Khu Công nghiệp Sóng Thần 1 và Đồng An 2 (Thủ Dầu Một). Các sản phẩm đã được chấp nhận bởi các khách hàng trong và ngoài nước khó tính nhất. Đến hiện tại, Tôn Đông Á đang lập kế hoạch tiếp tục đầu tư giai đoạn 2021-2025 với việc xây dựng một nhà máy thứ ba với nhiều dây chuyền sản xuất công suất lớn (từ 300.000 đến 500.000 tấn/năm).

Với thuận lợi của Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) sẽ được triển khai trong thời gian tới, Tôn Đông Á sẽ đẩy mạnh xuất khẩu ra các nước, đặc biệt là Mỹ, Úc và Nhật Bản.

10.11. Chiến lược kinh doanh

Mục tiêu của Tôn Đông Á là phát triển theo cả sản lượng và chất lượng của sản phẩm. Trong thời gian tới, Tôn Đông Á sẽ tập trung cải thiện hoạt động kinh doanh và sản xuất nhằm tối ưu hóa kinh doanh. Đồng thời, đầu tư cho hoạt động nghiên cứu và phát triển, tiếp tục tập trung sản xuất các sản phẩm có biên lợi nhuận cao để đẩy mạnh tối đa tỷ suất lợi nhuận.

Giữ vững giá trị cốt lõi trong chất lượng sản phẩm và dịch vụ

Với châm ngôn chất lượng sản phẩm là nền tảng cho sự phát triển bền vững, Tôn Đông Á định hướng xây dựng và duy trì vị thế và thương hiệu của Công ty qua việc đảm bảo tiêu chuẩn về chất lượng sản phẩm luôn tuân theo những chuẩn mực khắt khe trên toàn thế giới. Đồng thời, đảm bảo chất lượng dịch vụ hỗ trợ khách hàng tận tâm và công bằng, xây dựng mối quan hệ lâu dài trong tương lai.

Duy trì và phát triển thị trường nội địa

Sản phẩm của Tôn Đông Á luôn là tiêu chuẩn về chất lượng khi các khách hàng lựa chọn giữa các thương hiệu tôn nội địa khác. Mục tiêu của Tôn Đông Á là tiếp tục phát triển mảng kinh doanh nội địa, giữ vững vị trí thứ hai về thị phần và dẫn đầu ở thị trường miền Nam. Để làm được điều đó, Công ty tập trung cải thiện và đa dạng hóa chuỗi giá trị của mình, trong đó bao gồm chuỗi cung ứng cũng như hệ thống phân phối và bán hàng. Mục tiêu là để đảm bảo nguồn cung nguyên vật liệu trong sản xuất cũng như sản lượng đầu ra tăng trưởng ổn định.

Gây dựng thương hiệu và sản phẩm thuộc phân khúc tiêu chuẩn và cao cấp

Định hướng của Tôn Đông Á là tập trung vào các dòng sản phẩm có độ mạ kẽm hoặc hợp kim nhôm kẽm từ 100 gram trở lên, thuộc phân khúc từ tiêu chuẩn lên cao cấp trong các dòng sản phẩm của Tôn Đông Á. Lấy bộ nhận diện thương hiệu các dòng sản phẩm KINGMAX/KING/WIN/S làm bàn đạp để tiếp thị các sản phẩm tôn lạnh và lạnh màu chất lượng cao và đa dạng, phù hợp với nhu cầu của nhiều đối tượng khách hàng.

Song song với đó, Tôn Đông Á tiếp tục đẩy mạnh phát triển và nghiên cứu sản phẩm và các thị trường sản phẩm tiềm năng trong tương lai, giúp đa dạng hóa và giảm thiểu rủi ro phụ thuộc vào các mặt hàng truyền thống. Với nền tảng công nghệ và kiến thức sẵn có, cũng như có sự hỗ trợ từ các cổ đông chiến lược là các nhà sản xuất thép lớn trên thế giới, Tôn Đông Á có đủ tiềm lực để thâm nhập vào những thị trường sản phẩm mà trước đây phụ thuộc chủ yếu từ nguồn nhập khẩu.

11. Chính sách đối với người lao động

11.1. Số lượng người lao động trong Công ty

Yếu tố	Năm 2019	Năm 2020	Hiện nay
Phân theo trình độ chuyên môn			
Đại học và trên đại học	276	319	336
Cao đẳng, trung học chuyên nghiệp	498	532	533
Lao động phổ thông	589	601	601
Phân theo thời hạn hợp đồng			
Không xác định thời hạn	609	629	641
Có thời hạn	754	824	832

11.2. Chế độ làm việc

Tôn Đông Á tổ chức làm việc và nghỉ ngơi theo quy định của luật lao động. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất hay kinh doanh Công ty tổ chức làm thêm giờ với các chính sách theo quy định của pháp luật, tổ chức bồi dưỡng, nghỉ ngơi phù hợp để tái tạo sức lao động cho CB-CNV.

Nghỉ phép, lễ, tết

Theo quy định của Luật lao động ...

Điều kiện làm việc

Làm việc trong môi trường chuyên nghiệp, năng động, đem đến nhiều cơ hội học tập, phát triển và được hưởng đãi ngộ tương xứng với năng lực...

Chính sách tuyển dụng

Trong định hướng phát triển nhân sự, Công Ty Cổ phần Tôn Đông Á tập trung xây dựng chính sách thu hút nhân tài, xem nguồn nhân lực là các kỹ năng, kinh nghiệm, năng lực, tính sáng tạo của con người có tầm quan trọng hướng đến sự phát triển của toàn Công Ty. Nguồn lực con người được Công ty xem như là một nguồn vốn bên cạnh các loại vốn vật chất khác.

11.3. Chính sách đào tạo

Tôn Đông Á luôn tạo điều kiện để cho toàn thể Cán bộ công nhân viên có cơ hội học hỏi, trau dồi kiến thức, rèn luyện kỹ năng, phát triển tư duy, tầm nhìn để có đủ năng lực, bản lĩnh đáp ứng các chiến lược hoạt động, kinh doanh và sự phát triển bền vững của Công ty.

Đào tạo hội nhập: ngay ngày đầu tiên khi nhận việc, Cán bộ công nhân viên mới đã được tham gia khóa đào tạo hội nhập để hiểu rõ về lịch sử hình thành và phát triển của Công ty, văn hóa doanh nghiệp, cấu tạo sản phẩm và các quy định chung giúp cho Cán bộ công nhân viên mới nhanh chóng hòa nhập với môi trường làm việc.

Đào tạo theo yêu cầu pháp luật, khách hàng: Công ty tổ chức các khóa đào tạo và diễn tập định kỳ theo các yêu cầu pháp luật và yêu cầu khách hàng để Cán bộ công nhân viên nâng cao nhận thức về an toàn vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy và chất lượng sản phẩm.

Đào tạo theo Khung năng lực: Cán bộ công nhân viên được tham gia các khóa đào tạo nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực chuyên môn dựa theo Khung năng lực thiết kế cho từng vị trí để tăng năng suất, hiệu quả công việc và có lộ trình phát triển, thăng tiến trong tương lai.

11.4. Chính sách lương thưởng và phúc lợi

Nhằm có chính sách công bằng đối với từng vị trí công việc, Công ty trả lương theo thời gian, sản phẩm... Công ty đánh giá kết quả làm việc của tập thể hàng tháng và phân bổ lương hiệu quả làm việc của mỗi cá nhân theo năng lực thực hiện công việc. Tùy vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, hàng năm Công ty trả lương tháng 13 và hiệu quả làm việc của từng cá nhân qua kết quả đánh giá ABC.

Công ty đã triển khai thực hiện nâng lương định kỳ, đột xuất cho các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, thường xuyên quan tâm đến các chế độ bồi dưỡng độc hại, tiền ăn giữa ca... Quan tâm thực hiện chế độ chính sách cho người lao động về việc làm, thu nhập, các loại bảo hiểm bắt buộc, nghỉ dưỡng sức, chế độ ốm đau, thai sản, tham quan nghỉ mát hàng năm, được nghỉ và hưởng nguyên lương khi bản thân kết hôn, người thân trong gia đình kết hôn, hoặc khi gia đình có hữu sự vv...

Chính sách thưởng

Khen thưởng thành tích đột xuất: Khen thưởng cá nhân tập thể có sáng kiến cải tiến kỹ thuật, tham gia xây dựng nếp sống tại doanh nghiệp, thực hiện văn hóa công ty, khen thưởng những cá nhân có những đóng góp tích cực bảo vệ lợi ích chung của Công ty.

Khen thưởng thành tích khi kết thúc dự án: Khen thưởng các cá nhân/ tập thể tham gia tích cực và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, góp phần tạo ra thành công của mỗi dự án.

Khen thưởng thành tích định kỳ: Khen thưởng cá nhân xuất sắc, phòng ban điển hình hàng năm, khen thưởng ngày sinh nhật của Công ty và các ngày lễ lớn trong năm.

Hình thức khen thưởng: Cấp bằng khen; tặng thưởng tiền mặt; đề bạt, nâng lương trước hạn...

Bảo hiểm và phúc lợi

Hàng năm, Công ty thực hiện việc thanh toán và chi trả kịp thời các khoản tiền lương, tiền thưởng cho người lao động tại các đơn vị. Công ty thực hiện tốt công tác trích nộp BHXH, BHYT, BHTN hàng tháng đầy đủ, các loại thuế và thuế thu nhập cá nhân đúng quy định. Chính sách tiền lương, thang bảng lương theo quy định của nhà nước cho người lao động, giải quyết kịp thời chu đáo, đầy đủ chính sách tiền lương, chính sách BHXH, BHYT, BHTN...cho CB-CNV nghỉ chế độ hưu trí, chấm dứt Hợp đồng lao động

Ngoài ra, để chăm sóc sức khỏe cho người lao động, hàng năm Công ty còn mua gói bảo hiểm 24/24 cho CB – CNV và gói chăm sóc sức khỏe cho cán bộ quản lý của Công ty. Xây dựng quy chế thăm hỏi người lao động, Quy chế khen thưởng – kỷ luật vv... và thực hiện một cách đồng bộ, công khai, minh bạch, tạo niềm tin trong Cán bộ công nhân lao động Công ty. Việc thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động không chỉ là bù đắp, tái tạo sức lao động trong quá trình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo vị trí, tính chất công việc, mà còn góp phần khuyến khích, động viên người lao động yên tâm công tác hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao

Công ty luôn xem người lao động là vốn quý của mình, luôn quan tâm, chăm sóc và sắp xếp cho người lao động có một môi trường làm việc tốt nhất trong điều kiện có thể, đảm bảo thu nhập tương xứng với sức lao động bỏ ra, ngoài ra còn hỗ trợ các chế độ khác như tiền cơm trưa, tiền thưởng, nghỉ mát, liên hoan, và hàng năm đều có chương trình cấp học bổng cho con em cán bộ công nhân viên nghèo nhưng có thành tích tốt trong học tập. Hàng năm đều duy trì việc khám sức khỏe định kỳ để chăm sóc sức khỏe ban đầu cho toàn thể CB - CNV. Tổ chức đo kiểm tra điều kiện môi trường làm việc hàng năm để luôn bảo đảm các điều kiện lao động cho tất cả các khu vực làm việc

Hàng năm, Công ty tổ chức chuyến du lịch cho toàn thể CB-CNV của Công ty để mọi người có cơ hội thư giãn, nghỉ ngơi và tái tạo sức lao động

11.5. Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động:

Nhằm mục tiêu nâng cao vai trò, trách nhiệm, quyền lợi và khuyến khích nhân viên tăng hiệu quả làm việc, tạo cơ hội chia sẻ giá trị gia tăng, lợi nhuận và cơ hội sở hữu cổ phần của công ty. Đồng thời gia tăng hình ảnh và giá trị của công ty và mọi nhân viên, từ cấp Quản lý cơ sở đến cấp Quản lý cấp cao, các nhân viên chủ chốt... trong việc nỗ lực đóng góp gia tăng lợi nhuận cho các hoạt động Sản xuất- Kinh doanh;

Chương trình ESOP áp dụng với các đối tượng khác nhau, với mức cam kết hoàn thành mục tiêu khác nhau và sự nỗ lực tối đa của những CB-CNV tham gia chương trình ESOP này nhằm xây dựng công ty ngày càng vững mạnh, phát triển.

ESOP là chương trình tạo điều kiện cho tất cả nhân viên được sở hữu cổ phần công ty với giá ưu đãi khi công ty tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

12. Chính sách cổ tức

Cổ tức được trích từ lợi nhuận của Công ty, cổ tức được chi trả cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; và ngay sau khi trả hết cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn phải trả. Cổ tức được chia cho các cổ đông theo phần vốn góp. Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của HĐQT, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Tỉ lệ chi trả cổ tức trong năm 2019 – 2020

Năm	Năm 2019	Năm 2020
Tỉ lệ trả cổ tức	10%	10%
Trong đó:		
- Tiền mặt	10%	10%
- Cổ phiếu	-	-

(Nguồn: Công ty cổ phần Tôn Đông Á)

13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành

- (i) Ngày 28/04/2014, Công ty đã phát hành 559.067 trái phiếu chuyển đổi với mệnh giá là 100.000 đồng/trái phiếu, cụ thể như sau:

Stt	Trái chủ	Thời điểm phát hành	Mục đích vay	LS vay danh nghĩa (%/năm)	LS vay chiết khấu (%/năm)	Đáo hạn	Dư nợ 30/09/2021 (triệu đồng)	Phương thức bảo đảm
1	Công ty TNHH Posco Việt Nam	2014	Đầu tư lắp đặt 2 dây chuyền sản xuất mới	5	6,3	2022	55.686	Không bảo đảm
	Tổng cộng						55.686	

- (ii) Đối với quy định về các giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này theo quy định tại Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán áp dụng đối với công ty đại chúng, Công ty cổ phần Tôn Đông Á cam kết sẽ không để phát sinh các giao dịch đối với các đối tượng này theo quy định, đồng thời cam kết các giao dịch đã phát sinh trước thời điểm đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng sẽ được hoàn tất đến hết ngày 31/12/2021.
- (iii) Công ty cam kết sẽ bầu thay thế thành viên Ban Kiểm soát đáp ứng điều kiện theo quy định pháp luật tại Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

14. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Không có.

15. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Công ty cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

Kết quả hoạt động kinh doanh Công ty mẹ năm 2019, năm 2020 và 09 tháng năm 2021

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	%Tăng/giảm 2019-2020	09 tháng năm 2021
Tổng tài sản	8.128.946	8.211.883	1,0%	13.608.504
Doanh thu thuần	12.572.765	12.241.821	(2,6%)	17.032.428
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	75.995	331.347	336,0%	1.112.262
Lợi nhuận khác	4.498	1.325	(70,5%)	20.678
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	80.493	332.672	313,3%	1.132.940

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	%Tăng/giảm 2019-2020	09 tháng năm 2021
Lợi nhuận sau thuế	69.283	271.622	292,0%	914.128
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	N/A	N/A	N/A	N/A
Tỉ lệ trả cổ tức	N/A	N/A	N/A	N/A

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2019, năm 2020 và BCTC riêng quý III năm 2021 của Công ty cổ phần Tôn Đông Á)

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2019, năm 2020 và 09 tháng năm 2021

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	%Tăng/giảm 2019-2020	09 tháng năm 2021
Tổng tài sản	8.235.659	8.333.555	1,2%	13.777.227
Doanh thu thuần	12.571.352	12.360.955	(1,7%)	17.135.005
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	82.378	344.951	318,7%	1.160.494
Lợi nhuận khác	6.260	2.636	(57,9%)	22.639
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	88.638	347.588	292,1%	1.183.133
Lợi nhuận sau thuế	76.749	286.060	272,7%	954.229
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	115%	36%	(70,5%)	-
Tỉ lệ trả cổ tức	10%	10%	-	-

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019, năm 2020 và BCTC hợp nhất quý III năm 2021 của Công ty cổ phần Tôn Đông Á)

Nhìn chung, tổng tài sản của Công ty giai đoạn từ 2019 – 2020 đến nay tương đối ổn định. Doanh thu thuần năm 2020 có sự sụt giảm nhẹ so với năm 2019. Tuy nhiên, tổng chi phí hoạt động của Công ty cũng sụt giảm 3% so với doanh thu thuần, đặc biệt là chi phí giá vốn hàng bán, chi phí lãi vay và chi phí quản lý doanh nghiệp. Kết quả là lợi nhuận sau thuế của Công ty trong năm 2020 tăng 2,72 lần so với năm 2019.

1.2. Ý kiến kiểm toán tại Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019, 2020

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập - Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam đối với Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019

“Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

(Căn cứ BCTC riêng năm 2019 đã kiểm toán số 60947064/21096293 ngày 24 tháng 03 năm 2020 và BCTC hợp nhất năm 2019 đã kiểm toán số 60947064/21096293-HN ngày 28 tháng 04 năm 2020 của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam)

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập - Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam đối với Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020

“Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

(Căn cứ BCTC riêng năm 2020 đã kiểm toán số 60947064/22010458 ngày 31 tháng 03 năm 2020 và BCTC hợp nhất năm 2019 đã kiểm toán số 60947064/22010458-HN ngày 15 tháng 04 năm 2020 của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam)

1.3. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Những nhân tố chính tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh trong năm 2019 và năm 2020

- Ảnh hưởng của dịch COVID đến nền kinh tế toàn cầu, đặc biệt gây gián đoạn đến hoạt động sản xuất do chính sách cách ly xã hội của nhiều nước trên thế giới. Chính sự gián đoạn này đã làm sụt giảm tiêu thụ vật liệu xây dựng, trong đó có tôn và thép, ở cả thị trường nội địa và xuất khẩu. Nhờ vào tình hình kiểm soát dịch tốt của Chính phủ, tiêu thụ trong nước có sự phục hồi kể từ tháng 4 năm 2020. Các doanh nghiệp nội địa như Tôn Đông Á có thể bắt đầu sản xuất để đáp ứng nhu cầu.
- Do diễn biến phức tạp hơn của dịch tại các nước khác đặc biệt trong khu vực Châu Mỹ và Châu Âu, nửa cuối năm 2020 khi các doanh nghiệp tôn thép nước ngoài chưa hồi phục được hoạt động sản xuất, các doanh nghiệp Việt Nam đã có thể vận hành lại và hưởng lợi từ nhu cầu xuất khẩu thép để cung cấp cho nhu cầu đang tăng cao trên toàn thế giới. Hệ quả của việc thiếu cung

đã thúc đẩy giá bán tăng cao, làm gia tăng tỷ suất lợi nhuận của các doanh nghiệp trong ngành, trong đó có Tôn Đông Á.

- Chính sách kiểm soát nguồn cung cầu sản phẩm thép của Trung Quốc với do ảnh hưởng tiêu cực của việc dư thừa nguồn cung và những lo ngại về vấn đề ô nhiễm môi trường. Kể từ năm 2017, Trung Quốc đã dần giải thể nhiều dây chuyền sản xuất lỗi thời và kém hiệu quả, cũng như giới hạn sản lượng của nhiều nhà máy khác. Trong khi đó, các chính sách thúc đẩy đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng tại chính quốc gia này và những thị trường mới nổi khác đã hỗ trợ đầu ra cho sản phẩm tôn thép cũng như bình ổn giá.
- Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung Quốc trong thời gian qua vẫn chưa được giải quyết hoàn toàn. Với việc hàng hóa Trung Quốc xuất sang Mỹ bị hạn chế dẫn tới dư thừa và tràn sang thị trường Việt Nam. Việc các sản phẩm tôn được nhập vào Việt Nam ồ ạt hơn, tạo sự cạnh tranh mạnh mẽ và gây khó khăn cho việc tiêu thụ sản phẩm của ngành thép trong nước.

Những biến động lớn có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính

- Sự tái bùng phát của dịch COVID với các biến thể khó lường và nguy hiểm hơn, trong bối cảnh nguồn cung vaccine chưa đủ không chỉ ở Việt Nam mà còn nhiều nước trên thế giới. Dịch COVID vẫn còn là nỗi lo tiềm ẩn, có thể tiếp tục gây gián đoạn hoạt động kinh doanh sản xuất, ảnh hưởng nghiêm trọng đến cả cung và cầu.
- Các chính sách về thuế và hạn ngạch thương mại của các nước mà Tôn Đông Á đang xuất khẩu cũng như các chính sách của Chính phủ liên quan đến việc nhập khẩu nguyên vật liệu có thể gây ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng cũng như đầu ra cho sản phẩm của Công ty.
- Các chính sách chống ô nhiễm môi trường cũng là một yếu tố có thể gây biến động đến hoạt động kinh doanh sản xuất. Với nỗi lo ngại về các ảnh hưởng tiêu cực lên môi trường của ngành thép và tôn, là một trong những ngành công nghiệp có lượng chất thải và nước thải lớn, các chính sách hạn chế sản lượng có thể ảnh hưởng trực tiếp đến các doanh nghiệp trong ngành.
- Biến động giá tôn và giá thép sau một thời gian ngắn tăng mạnh vì chênh lệch cung cầu. Rủi ro về việc điều chỉnh mạnh của giá thép có thể gây ảnh hưởng đến lợi nhuận của Tôn Đông Á khi mà giá nguyên liệu đầu ra giảm sâu hơn giá nguyên liệu đầu vào.

2. Tình hình hoạt động tài chính

2.1. Các chỉ tiêu cơ bản

2.1.1. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn

Đơn vị: triệu đồng

Nguồn vốn	Năm 2019	Năm 2020	09 tháng năm 2021
Vốn góp của chủ sở hữu	886.471	975.098	1.023.228
Thặng dư vốn cổ phần	464.371	464.371	464.371
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	1.932	1.932	1.932
Vốn khác của chủ sở hữu	88.628	-	-
Quỹ đầu tư phát triển	3.431	3.431	3.431
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	694.098	977.930	1.703.377

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019, năm 2020 và BCTC hợp nhất quý III năm 2021 của Công ty cổ phần Tôn Đông Á)

Kể từ ngày 02/02/2009 Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700255880 với số vốn điều lệ đăng ký là 120 tỷ đồng cho đến nay, Công ty đã thực hiện 12 đợt tăng vốn lên 1.023.228.290.000 đồng. Công ty cam kết sử dụng vốn đúng mục đích đã được ĐHĐCĐ thông qua trong từng đợt phát hành.

2.1.2. Trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại;

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao tài sản cố định phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT – BTC của Bộ Tài chính và được ước tính như sau:

Thời gian khấu hao TSCĐ

Danh mục	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 25 năm
Máy móc thiết bị	5 – 15 năm
Phương tiện vận tải	5 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 8 năm
Phần mềm máy tính	3 – 8 năm

(Nguồn: Công ty cổ phần Tôn Đông Á)

2.1.3. Mức thu nhập bình quân

Thu nhập bình quân của người lao động trong Công ty theo các năm như sau:

Năm	2019	2020
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	12.881.279	14.654.737

Mức thu nhập bình quân của Tôn Đông Á nhìn chung tương đối cao so với các doanh nghiệp cùng địa bàn nói chung và đặc biệt so với các doanh nghiệp cùng ngành nói riêng. Theo số liệu của Cục Thống kê TP.HCM, thu nhập bình quân đầu người tại TP.HCM năm 2019 và 2020 lần lượt là 6.417 USD/người/năm và 6.328 USD/người/năm

2.1.4. Tình hình công nợ

Năm	31/12/2019	31/12/2020	% Tăng/giảm	30/09/2021
Nợ phải thu	1.022.016	1.588.765	55.5%	3.460.707
Nợ phải trả	6.096.729	5.910.793	(3.0%)	10.580.888

2.1.5. Các khoản phải thu

Chi tiết các khoản phải thu

Đơn vị tính: triệu đồng

CHỈ TIÊU	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
Các khoản phải thu ngắn hạn	1.017.982	1.583.842	3.453.918
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	941.896	1.449.402	2.909.775
Trả trước cho người bán ngắn hạn	17.379	37.663	154.949
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	71.505	336.000
Phải thu ngắn hạn khác	58.708	25.272	53.194
Các khoản phải thu dài hạn	4.034	4.923	6.789
Trả trước cho người bán dài hạn	6	6	6
Phải thu dài hạn khác	4.027	4.916	6.782
TỔNG CỘNG	1.022.016	1.588.765	3.460.707

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019, năm 2020 và BCTC hợp nhất quý III năm 2021 của Công ty cổ phần Tôn Đông Á)

2.1.6. Các khoản phải trả

- Chi tiết số dư các khoản phải trả

Đơn vị tính: triệu đồng

CHỈ TIÊU	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
Nợ phải trả ngắn hạn	4.999.629	5.156.605	9.954.340
Phải trả người bán ngắn hạn	1.054.339	1.476.177	2.110.117
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	93.335	109.006	244.074
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11.384	61.664	345.583
Phải trả người lao động	14.973	35.854	26.584
Chi phí phải trả ngắn hạn	11.293	7.435	-
Phải trả ngắn hạn khác	892.435	800.812	1.873.190
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	2.905.455	2.657.851	5.336.721
- Vay ngắn hạn từ các ngân hàng	2.481.051	2.326.881	5.056.976
- Vay dài hạn đến hạn trả	411.941	318.668	222.889
- Nợ dài hạn thuê tài chính đến hạn trả	12.463	12.303	1.171
- Trái phiếu chuyển đổi	-	-	55.686
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	16.414	7.807	18.071
Nợ dài hạn	1.097.100	754.188	626.548
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	1.016.917	693.166	622.398
- Vay dài hạn ngân hàng	1.000.307	678.778	560.284
- Nợ dài hạn thuê tài chính	12.477	14.388	21.314
- Vay các bên liên quan	4.133	-	40.800
Nợ dài hạn khác	80.813	61.022	4.150

CHỈ TIÊU	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
TỔNG CỘNG	6.096.729	5.910.793	10.580.888

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019, năm 2020 và BCTC hợp nhất quý III năm 2021 của Công ty cổ phần Tôn Đông Á)

- Tình hình thanh toán các khoản nợ**

Các khoản vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đều được Công ty thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong thời gian qua.

Trong quá trình thanh toán, Công ty luôn thanh toán đúng hạn các khoản nợ, đảm bảo uy tín của Công ty. Việc thanh toán các khoản nợ được thực hiện đúng hạn và đầy đủ. Hiện nay Công ty không có nợ quá hạn.

2.1.7. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc việc kê khai và nộp đầy đủ các khoản phải nộp theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.275	40.211	224.103
Thuế giá trị gia tăng	261	20.328	119.565
Thuế thu nhập cá nhân	364	951	1.914
Thuế nhập khẩu	75	174	-
Các loại thuế khác	(10.274)	(21)	(21,4)
Tổng cộng	701	61.643	345.561

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019, năm 2020 và BCTC hợp nhất quý III năm 2021 của Công ty cổ phần Tôn Đông Á)

2.1.8. Trích lập các quỹ theo luật định

Theo Điều lệ của Công ty, hàng năm, lợi nhuận của Công ty sau khi đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được dùng để trích lập các quỹ và chi trả cổ tức cho các cổ đông theo quyết định của HĐQT

và Đại hội đồng cổ đông. Mức trích lập các quỹ và mức chi trả cổ tức do HĐQT đề xuất phải được Đại hội đồng cổ đông chấp nhận. Tình hình số dư các quỹ 2 năm gần đây như sau:

Chi tiết các quỹ

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	16.414	7.807	18.071
Quỹ đầu tư phát triển	3.431	3.431	3.431
Tổng cộng	19.845	11.238	21.502

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019, năm 2020 và BCTC hợp nhất quý III năm 2021 của Công ty cổ phần Tôn Đông Á)

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu tài chính

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Riêng lẻ		Hợp nhất	
		Năm	Năm	Năm	Năm
		2019	2020	2019	2020
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán					
- Hệ số thanh toán ngắn hạn [TSLĐ/Nợ ngắn hạn]	lần	0,95	1,00	0,94	0,98
- Hệ số thanh toán nhanh [(TSLĐ-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]	lần	0,40	0,56	0,36	0,53
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn					
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	lần	0,74	0,71	0,74	0,71
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	2,78	2,39	2,85	2,44
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt					

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Riêng lẻ		Hợp nhất	
		Năm	Năm	Năm	Năm
		2019	2020	2019	2020
động					
- Vòng quay tổng tài sản					
[Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân]	lần	1,41	1,50	1,39	1,49
- Vòng quay vốn lưu động					
[Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân]	lần	2,34	2,50	2,36	2,54
- Vòng quay hàng tồn kho					
[Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân]	lần	3,90	4,59	3,77	4,39
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời					
- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS)					
[Hệ số LNST/Doanh thu thuần]	%	0,6%	2,2%	0,6%	2,3%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)					
[LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân]	%	3,3%	11,9%	3,6%	12,5%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA)					
[LNST/Tổng tài sản bình quân]	%	0,8%	3,3%	0,8%	3,5%
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	đồng	782	2,786	866	2,934

(Nguồn: BCTC riêng lẻ và hợp nhất kiểm toán năm 2019 và năm 2020 của Công ty cổ phần Tôn Đông Á)

Bất chấp ảnh hưởng của đại dịch COVID, hiệu quả kinh doanh của Tôn Đông Á được cải thiện đáng kể trong năm 2020 so với năm 2019. Các hệ số về thanh khoản và cơ cấu vốn được cải thiện ở mức an toàn hơn nhờ vào việc giảm mức nợ cũng như tăng trưởng mạnh về lợi nhuận trong năm 2020. Hiệu quả hoạt động được cải thiện cả về lĩnh vực bán hàng cũng như quản lý hàng tồn kho. Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu tăng mạnh từ 3,6% lên 12,5% trong năm 2020.

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành

Chi tiết tại Mục V.1.2 của Bản cáo bạch này.

4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo

4.1. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm tài chính 2021 của Công ty

Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm tài chính 2021

Chỉ tiêu	Thực hiện 2020 (triệu đồng)	Năm 2021	
		Kế hoạch (triệu đồng)	% tăng giảm so với năm 2020
Doanh thu thuần	12.360.955	16.098.000	30,23%
Lợi nhuận trước thuế	347.588	766.000	120,38%
Lợi nhuận sau thuế	286.060	651.000	127,57%
Vốn điều lệ	975.099	1.218.144	24,93%
Vốn chủ sở hữu	2.422.762	3.042.704	25,59%
Tỷ lệ LNST/Doanh thu thuần (%)	2,3%	4,04%	75,65%
Tỷ lệ LNST/Vốn chủ sở hữu (%)	11,8%	23,92%	102,71%
Cổ tức (%)	10%	10%	-

(Nguồn: Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐTN-TDA ngày 22/05/2021)

4.2. Kế hoạch tăng vốn

Sau khi thực hiện chào bán chứng khoán lần đầu ra công chúng, Công ty chưa có kế hoạch tăng vốn khác trong năm 2021.

4.3. Căn cứ để đạt được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nói trên

Doanh thu và lợi nhuận của Công ty cổ phần Tôn Đông Á đặt mục tiêu tăng trưởng vượt bậc trong năm 2021 là hệ quả tất yếu của các yếu tố vĩ mô và vi mô, giúp thúc đẩy kết quả hoạt động sản xuất và bán hàng các sản phẩm tôn mạ.

Sau một năm đầy biến động từ ảnh hưởng nghiêm trọng của đại dịch Covid-19 đến kinh tế toàn cầu, các quốc gia và tổ chức đã thể hiện sự nỗ lực không ngừng để hồi phục nền kinh tế. GDP toàn cầu được dự báo hồi phục 4,3% trong năm 2021, trong đó các nền kinh tế đã phát triển sẽ tăng 4,3% và các thị trường mới nổi tăng trưởng 6,3% so với năm 2020. Tại Việt Nam, việc kiểm soát tốt tình hình dịch giúp cho hầu hết các khu vực kinh tế dần hồi phục từ Quý 3/2020. Cả nước kết thúc năm 2020 ghi nhận mức tăng trưởng dương 2,9%, một thành công đáng ghi nhận và là bước đệm cho mức tăng trưởng dự báo năm 2021 lên tới 6,5%-7,0%, trong nhóm dẫn đầu khu vực ASEAN. Với kỳ vọng lạc quan vào tình hình phát triển kinh tế trong và ngoài nước, với đóng góp đáng kể từ phát triển cơ sở hạ tầng và xây dựng, nhu cầu cho các sản phẩm tôn mạ của Tôn Đông Á ở cả thị trường nội địa và xuất khẩu sẽ có xu hướng tăng mạnh.

Ở thị trường xuất khẩu, Mỹ tiếp tục là khách hàng chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu xuất khẩu của Tôn Đông Á. Tình hình bảo hộ mậu dịch tại Mỹ được đẩy mạnh trong giai đoạn 2019-2020, cộng với việc tình hình giá HRC giảm mạnh trong thời gian này, đã gây khó khăn hơn cho các doanh nghiệp xuất khẩu tôn Việt Nam nói chung. Tuy nhiên, thị trường Mỹ sẽ được hưởng lợi từ các gói kích thích tài khóa gần như bằng năm 2020, thúc đẩy tăng trưởng cho các lĩnh vực sử dụng cuối cùng theo chu kỳ như xây dựng và ô tô. Ngay trong Quý 1/2021, doanh thu xuất khẩu sang thị trường Mỹ của Tôn Đông Á đã đạt 67% so tổng doanh thu xuất khẩu sang Mỹ trong năm 2021 và chiếm tỷ trọng 55% trong cơ cấu xuất khẩu quý này. Cùng với đó, Tôn Đông Á đang dần mở rộng mạng lưới xuất khẩu sang thị trường Châu Âu. Châu Âu đã chính thức áp dụng các hình thức Quota và Chống Bán Phá Giá đối với hàng hóa xuất khẩu từ Trung Quốc, tạo điều kiện cho hàng hóa xuất bán từ Việt Nam có thêm phần lợi thế. Tỷ trọng doanh thu xuất khẩu của Tôn Đông Á sang thị trường Châu Âu chiếm 27% trong tổng doanh thu xuất khẩu Quý 1/2021, tăng đáng kể so với mức 19% trong năm 2020. Tổng doanh thu và lợi nhuận gộp ở mảng xuất khẩu trong riêng Quý 1/2021 đã đạt lần lượt 54% và 94% so với cả năm 2020, minh chứng cho mức hồi phục nhanh chóng và dự báo sẽ tăng trưởng vượt bậc cho cả năm 2021.

Ở thị trường nội địa, sản phẩm tôn mạ ở thị trường nội địa ghi nhận mức tăng trưởng bán hàng lên đến 47%, bỏ xa dự báo ban đầu là 3-5%. Tôn Đông Á đã có sự tăng trưởng vượt bậc, liên tục gia tăng thị phần từ 14% năm 2018 lên 18% vào năm 2020. Sản phẩm chủ lực tôn lạnh và tôn lạnh màu với nhãn hàng KING/WIN/S sẽ tiếp tục làm chủ thị trường và gia tăng tối đa thị phần nội địa. Dòng sản phẩm này sẽ chiếm khoảng 76% tổng sản lượng bán nội địa trong năm nay. Tôn Đông Á tiếp tục tập trung phát triển các thế mạnh của mình như chất lượng sản phẩm vượt bậc và hệ thống phân phối phủ rộng. Ngoài việc giữ vững vị thế dẫn đầu ở mảng tôn lạnh/lạnh màu, Tôn Đông Á cũng đang khai thác thêm thị phần ở các mảng tôn kẽm, khung xương trần, panel, nguyên liệu mạ màu,... Với năng lực sản xuất vẫn còn hạn chế so với nhu cầu từ khách hàng đối với các sản phẩm của Tôn Đông Á, Công ty luôn cân đối sản lượng đối với từng hạng mục sản phẩm nhằm tối ưu hóa doanh thu và lợi nhuận.

Với kế hoạch kinh doanh cụ thể và kết quả kinh doanh sản xuất cũng như xu thế thị trường liên tục được công ty theo dõi sát sao, Tôn Đông Á đánh giá kế hoạch về lợi nhuận, dòng tiền, và cổ tức chia cho các cổ đông trong năm 2021 là thực tế và hoàn toàn khả thi.

4.4. Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Công ty cổ phần Chứng khoán SSI đã thực hiện tổng hợp các thông tin về kết quả kinh doanh Công ty cổ phần Tôn Đông Á đã đạt được trong 02 năm gần nhất và năng lực sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm tới để trên cơ sở đó, đánh giá kế hoạch kinh doanh Công ty đề ra và được thông qua tại ĐHCĐ thường niên năm 2021.

Chúng tôi nhận thấy rằng Công ty cổ phần Tôn Đông Á là doanh nghiệp có uy tín lớn trong ngành, và đã hoạt động có hiệu quả trong các năm vừa qua với hệ thống cơ sở vật chất hiện đại và được đầu tư chuyên nghiệp. Do đó, Công ty đã có những nguồn khách hàng đáng tin cậy, mang lại tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận khả quan liên tục qua các năm.

Với kế hoạch tiếp tục tăng trưởng quy mô của Công ty thông qua hoạt động đầu tư lớn vào các nhà máy sản xuất và đầu tư mới tài sản cố định, Tôn Đông Á sẽ cần đạt được lợi nhuận cao hơn nữa để giữ vững được mức hiệu suất lợi nhuận trên vốn trong dài hạn. Với năng lực vận hành và kinh doanh như hiện tại, kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nêu trên là có cơ sở.

Chúng tôi xin lưu ý rằng ý kiến đánh giá của chúng tôi được đưa ra dưới góc độ của một tổ chức tư vấn và dựa trên các thông tin được doanh nghiệp cung cấp và tổng hợp các thông tin kinh tế vĩ mô và trong ngành thép và tôn mạ. Do đó, những đánh giá của chúng tôi chỉ mang tính tham khảo và không hàm ý đảm bảo giá trị của cổ phiếu được chào bán hoặc đảm bảo tính khả thi đối với kế hoạch kinh doanh của Tôn Đông Á.

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 120 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020: Trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được bãi bỏ sau thời hạn 03 năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Công ty cổ phần Tôn Đông Á được thành lập kể từ ngày 02/02/2009, tính đến thời điểm hiện tại, các hạn chế chuyển nhượng đối với cổ phần của cổ đông sáng lập đều đã hết hiệu lực.

2. Thông tin về cổ đông lớn

2.1. Cổ đông lớn là cá nhân

Stt	Tên cổ đông	Năm sinh	Quốc tịch
1	Nguyễn Thanh Trung	1959	Việt Nam
2	Lê Thị Phương Loan	1951	Việt Nam
3	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	1965	Việt Nam

2.2.1 Ông Nguyễn Thanh Trung

- Số lượng cổ phiếu nắm giữ của cổ đông lớn và người có liên quan: 44.471.178 cổ phần, chiếm tỷ lệ 43,46% vốn điều lệ. Cụ thể:

Stt	Họ và tên	Mối quan hệ	Tại ngày trở thành cổ đông lớn		Hiện nay		Dự kiến sau khi chào bán	
			Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Thanh Trung		6.600.000	55,0%	37.392.640	36,54%	Chưa xác định	
2	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Vợ	1.700.000	14,2%	5.414.256	5,29%	Chưa xác định	
3	Nguyễn Thanh Vĩnh Nhật	Con	0	0	1.289.961	1,26%	Chưa xác định	
4	Nguyễn Thanh Quỳnh An	Con	0	0	154.321	0,15%	Chưa xác định	
5	Nguyễn Thị Thanh Nhạn	Chị	0	0	220.000	0,22%	Chưa xác định	

- Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã được ký kết và chưa thực hiện:

Stt	Đối tượng	Mối quan hệ	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch	Điều khoản quan trọng	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
1	Nguyễn Thanh Trung	Chủ tịch HĐQT	Hợp đồng thuê văn phòng	750 triệu/tháng	Từ 01/01/2021 đến 31/12/2021	HĐQT thông qua
2	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên HĐQT	Hợp đồng cho vay	12 tỷ	Từ 02/2021 đến 02/2023	HĐQT thông qua
3	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên HĐQT	Hợp đồng cho vay	2,5 tỷ	Từ 06/2021 đến T06/2022	HĐQT thông qua
4	Nguyễn Thanh Vĩnh Nhật	GĐ khối KDXK	Hợp đồng vay	323 tỷ	Từ 06/2021 đến 12/2021	HĐQT thông qua
5	Nguyễn Thanh Trung	Chủ tịch HĐQT	Hợp đồng cổ vấn	250 triệu/tháng	Từ 07/2021 đến 07/2026	Ban Tổng giám đốc

- Lợi ích liên quan với Công ty: Thu nhập cho thuê văn phòng, cho vay và thù lao Thành viên Hội đồng quản trị, cổ vấn cho Công ty theo quy định của Công ty.
- Cổ đông có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.

2.2.2 Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh

- Số lượng cổ phiếu nắm giữ của cổ đông lớn và người có liên quan: 44.453.074 cổ phần, chiếm tỷ lệ 43,44% vốn điều lệ. Cụ thể:

Stt	Họ và tên	Mối quan hệ	Tại ngày trở thành cổ đông lớn		Hiện nay		Dự kiến sau khi chào bán	
			Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh		1.700.000	14,2%	5.414.256	5,29%	Chưa xác định	

Stt	Họ và tên	Mối quan hệ	Tại ngày trở thành cổ đông lớn		Hiện nay		Dự kiến sau khi chào bán	
			Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
2	Nguyễn Thanh Trung	Chồng	6.600.000	55,0%	37.392.640	36,54%	Chưa xác định	
3	Nguyễn Thanh Vĩnh	Con	0	0	1.289.961	1,26%	Chưa xác định	
4	Nguyễn Thanh Quỳnh	Con	0	0	154.321	0,15%	Chưa xác định	
5	An Trần Thị Minh Diệu	Chị	0	0	201.896	0,20%	Chưa xác định	

- Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã được ký kết và chưa thực hiện:

Stt	Đối tượng	Mối quan hệ	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch	Điều khoản quan trọng	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
1	Nguyễn Thanh Trung	Chủ tịch HĐQT	Hợp đồng thuê văn phòng	750 triệu/tháng	Từ 01/01/2021 đến 31/12/2021	HĐQT thông qua
2	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên HĐQT	Hợp đồng cho vay	12 tỷ	Từ 02/2021 đến 02/2023	HĐQT thông qua
3	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên HĐQT	Hợp đồng cho vay	2,5 tỷ	Từ 06/2021 đến T06/2022	HĐQT thông qua
4	Nguyễn Thanh Vĩnh Nhật	GĐ khối KDXK	Hợp đồng vay	323 tỷ	Từ 06/2021 đến 12/2021	HĐQT thông qua

Stt	Đối tượng	Mối quan hệ	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch	Điều khoản quan trọng	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
5	Nguyễn Thanh Trung	Chủ tịch HĐQT	Hợp đồng cổ vấn	250 triệu/tháng	Từ 07/2021 đến 07/2026	Ban Tổng giám đốc

- Lợi ích liên quan với Công ty: Thu nhập cho thuê văn phòng, cho vay, và thù lao Thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Công ty
- Cổ đông có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

2.2.3 Bà Lê Thị Phương Loan

- Số lượng cổ phiếu nắm giữ của cổ đông lớn và người có liên quan: 14.777.116 cổ phần, chiếm tỷ lệ 14,44% vốn điều lệ. Cụ thể:

Stt	Họ và tên	Mối quan hệ	Tại ngày trở thành cổ đông lớn		Tại ngày 30/06/2021		Dự kiến sau khi chào bán	
			Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Lê Thị Phương Loan		2.400.000	20,0%	12.303.790	12,02%	Chưa xác định	
2	Vũ Minh Tân	Chồng	700.000	5,8%	2.473.326	2,42%	Chưa xác định	

- Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã được ký kết và chưa thực hiện:

Stt	Đối tượng	Mối quan hệ	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch	Điều khoản quan trọng	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
1	Lê Thị Phương Loan	Thành viên HĐQT	Hợp đồng cho vay	4,5 tỷ	Từ 02/2021 -> 02/2023	HĐQT thông qua
				7,6 tỷ	Từ 05/2021 -> T05/2023	
				11,5 tỷ	Từ 06/2021 -> T06/2023	

- Lợi ích liên quan với Công ty: Thu nhập cho vay và thù lao Thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Công ty.
- Cổ đông có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

2.2. Cổ đông lớn là tổ chức

Stt	Tên cổ đông	Số ĐKDN	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Công ty TNHH Thương mại JFE Shoji Việt Nam	0312266823	Sài Gòn Riverside Office Center, Phòng số 505-506, 2A-4A Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp.HCM	8.536.000	8,3%
<i>Người đại diện theo pháp luật:</i> Yukio Okamoto					
2	Hanwa Co.,Ltd	1200-01-077530	3-9,Fushimi-machi, 4-chome, chuo-ku, Osaka	5.500.000	5,4%
<i>Người đại diện theo pháp luật:</i> Mr. Kishimoto Hideki					
Tổng cộng				14.036.000	13,70%

(Nguồn: Công ty cổ phần Tôn Đông Á)

2.2.1 Công ty TNHH Thương mại JFE Shoji Việt Nam

- Năm thành lập: 20/04/2013
- Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 0312266823
- Địa chỉ: 2A-4A Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp.HCM
- Người đại diện theo pháp luật: Yukio Okamoto
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ của cổ đông lớn và người có liên quan: 11.671.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 11,41% vốn điều lệ. Cụ thể:

Stt	Họ và tên	Mối quan hệ	Tại ngày trở thành cổ đông lớn		Hiện nay		Dự kiến sau khi chào bán	
			Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)

1	Công ty TNHH Thương mại JFE Shoji Việt Nam	Cổ đông lớn	3.880.000	10,7%	8.536.000	8,34%	Chưa xác định
2	JFE Shoji Corporation	Công ty mẹ của cổ đông lớn	1.425.000	3,9%	3.135.000	3,06%	Chưa xác định

- Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã được ký kết và chưa thực hiện: Từ ngày 01/01 đến ngày 30/09/2021, Công ty có ký hợp đồng với Công ty TNHH JFE Shoji Việt Nam về việc cung cấp thép cán nóng. Chi tiết như sau:

Stt	Đối tượng	Mối quan hệ	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch (triệu đồng)	Điều khoản quan trọng	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
1	Công ty TNHH JFE Shoji Việt Nam	Cổ đông lớn	Nhà cung cấp	3.105.779 (Từ 01/01/2021 đến 30/09/2021)	Hợp đồng cung cấp Thép cán mỏng	HĐQT thông qua
2	JFE Shoji Corporation	Công ty mẹ của cổ đông lớn	Khách hàng	724.691 (Từ 01/01/2021 đến 30/09/2021)	Hợp đồng mua bán Tôn kẽm, Tôn lạnh, Tôn m	HĐQT thông qua

- Lợi ích liên quan với Công ty: Không có
- Cổ đông có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

2.2.2 Công ty Hanwa Co.,Ltd

- Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 1200-01-077530
- Địa chỉ: 3-9, Fushimi-machi, 4-chome, chuo-ku, Osaka
- Người đại diện theo pháp luật: Mr. Kishimoto Hideki

Số lượng cổ phiếu nắm giữ của Công ty và người có liên quan: 5.500.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 5,38% vốn điều lệ. Cụ thể:

Stt	Họ và tên	Mối quan hệ	Tại ngày trở thành cổ đông lớn		Hiện nay		Dự kiến sau khi chào bán	
			Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Hanwa Co.,Ltd		5.000.000	6,1%	5.500.000	5,38%	Chưa xác định	

- Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã được ký kết và chưa thực hiện: Không.
- Lợi ích liên quan với Công ty: Không có
- Cổ đông có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.

3. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

3.1. Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thành viên điều hành/không điều hành
1	Ông Nguyễn Thanh Trung	Chủ tịch HĐQT	Thành viên không điều hành
2	Bà Lê Thị Phương Loan	Thành viên HĐQT	Thành viên không điều hành
3	Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên HĐQT	Thành viên không điều hành
4	Ông Hồ Song Ngọc	Thành viên HĐQT	Thành viên điều hành
5	Ông Phạm Quốc Thắng	Thành viên HĐQT	Thành viên điều hành
6	Ông Đoàn Vĩnh Phước	Thành viên HĐQT	Thành viên điều hành
7	Ông Đoàn Danh Tuấn	Thành viên độc lập HĐQT	Thành viên không điều hành
8	Ông Ngô Văn Sinh	Thành viên độc lập HĐQT	Thành viên không điều hành

Hiện tại, Công ty cổ phần Tôn Đông Á có 5 thành viên Hội đồng quản trị không điều hành và 2 thành viên độc lập Hội đồng quản trị trên tổng số 8 thành viên Hội đồng quản trị. Như vậy, Công ty Cổ phần Tôn Đông Á đã đáp ứng đầy đủ cơ cấu áp dụng đối với công ty niêm yết theo quy định tại Điều 276 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán áp dụng đối với công ty đại chúng. Đồng thời, các Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty cũng đã đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và các quy định hiện hành.

3.1.1. Thông tin cá nhân

❖ Ông Nguyễn Thanh Trung – Chủ tịch HĐQT

Họ tên: Nguyễn Thanh Trung

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 01/05/1959

Số CMND: 020137619

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Thừa Thiên Huế

Địa chỉ thường trú: Số 18 Hồ Văn Huê, Phường 09, Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị	Chức danh
1982-1990	Tổng Công ty Cao su Việt Nam.	Quản lý kỹ thuật Công ty Quy hoạch Khảo sát Thiết kế
1992-1998	Công ty TNHH XD-TM Mekong Việt Nam	Giám đốc
1998- tháng 06/2021	Công ty CP Tôn Đông Á	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Từ tháng 06/2021 đến nay	Công ty CP Tôn Đông Á	Chủ tịch HĐQT

Chức vụ hiện nay: Chủ tịch HĐQT

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có.

Số cổ phần bản thân đang nắm giữ 37.392.640 cổ phần, chiếm tỷ lệ 36,5%

Trong đó:

- Cổ phần sở hữu cá nhân: 37.392.640 cổ phần, chiếm tỷ lệ 36,5%

- Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%

Số cổ phần của những người có liên quan: 7.078.538 phần, chiếm tỷ lệ 6,92%

Thông tin về người có liên quan đồng thời là cổ đông của Công ty:

STT	Họ và tên	Mối quan hệ	CMND/CCCD/DKKD	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Vợ	021723384	5.414.256	5,29%
2	Nguyễn Thanh Vĩnh Nhật	Con	079088011543	1.289.961	1,26%
3	Nguyễn Thanh Quỳnh An	Con	024893075	154.321	0,15%
4	Nguyễn Thị Thanh Nhạn	Chị	023324950	220.000	0,22%

Lợi ích liên quan:

- Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã được ký kết và chưa thực hiện:

Stt	Đối tượng	Mối quan hệ	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch	Điều khoản quan trọng	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
1	Nguyễn Thanh Trung	Chủ tịch HĐQT	Hợp đồng thuê văn phòng	750 triệu/tháng	Từ 01/01/2021 đến 31/12/2021	HĐQT thông qua
2	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên HĐQT	Hợp đồng cho vay	12 tỷ	Từ 02/2021 đến 02/2023	HĐQT thông qua
3	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên HĐQT	Hợp đồng cho vay	2,5 tỷ	Từ 06/2021 đến T06/2022	HĐQT thông qua

Stt	Đối tượng	Mối quan hệ	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch	Điều khoản quan trọng	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
4	Nguyễn Thanh Vĩnh Nhật (*)	GĐ khối KDXK	Hợp đồng vay	323 tỷ	Từ 06/2021 đến 12/2021	HDQT thông qua
5	Nguyễn Thanh Trung	Chủ tịch HDQT	Hợp đồng cổ vấn	250 triệu/tháng	Từ 07/2021 đến 07/2026	Ban Tổng giám đốc

(*): Đối với quy định về giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này theo quy định tại Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán áp dụng đối với công ty đại chúng, Công ty cổ phần Tôn Đông Á cam kết sẽ không để phát sinh các giao dịch đối với các đối tượng này theo quy định, đồng thời cam kết các giao dịch đã phát sinh trước thời điểm đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng sẽ được hoàn tất đến hết ngày 31/12/2021.

- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác:

Năm	Thù lao (triệu đồng)	Tiền lương (triệu đồng)	Tiền thưởng (triệu đồng)	Cổ phiếu ESOP		Khác
				Số lượng (cổ phiếu)	Giá (đồng/cổ phiếu)	
2019	240	2.208	333	-	-	-
2020	240	2.713	634	-	-	-
9T/2021	180	2.901	-	1.978.876	10.000	-

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

❖ Bà Lê Thị Phương Loan –Thành viên HDQT

Họ tên: Lê Thị Phương Loan

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 01/01/1951

Số CMND: 020549206

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Thừa Thiên Huế

Địa chỉ thường trú: 577 Điện Biên Phủ, Phường 1, Quận 3, TpHCM

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính ngân hàng.

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị	Chức danh
1998- 2008	Công ty TNHH Tôn Đông Á	Chủ tịch HĐQT
2008 – 2011	Công ty CP Tôn Đông Á	Phó Chủ tịch HĐQT
2011 đến nay	Công ty CP Tôn Đông Á	Thành viên HĐQT

Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có.

Số cổ phần bản thân đang nắm giữ 12.303.790 cổ phần, chiếm tỷ lệ 12,02%

Trong đó:

- Cổ phần sở hữu cá nhân: 12.303.790 cổ phần, chiếm tỷ lệ 12,02%
- Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%

Số cổ phần của những người có liên quan: 2.473.326 cổ phần, chiếm tỷ lệ 2,42 %

Thông tin về người có liên quan đồng thời là cổ đông của Công ty:

STT	Họ và tên	Mối quan hệ	CMND/CCCD/DKKD	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1	Vũ Minh Tân	Chồng	VNM N1679795	2.473.326	2,42%

Lợi ích liên quan đối với Công ty:

- Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã được ký kết và chưa thực hiện:

Stt	Đối tượng	Mối quan hệ	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch	Điều khoản quan trọng	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
1	Lê Thị Phương Loan	Thành viên HĐQT	Hợp đồng cho vay	4,5 tỷ 7,6 tỷ	Từ 02/2021 -> 02/2023 Từ 05/2021 -> T05/2023	HĐQT thông qua

11,5 tỷ Từ 06/2021
- >
T06/2023

- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác:

Năm	Thù lao (triệu đồng)	Tiền lương (triệu đồng)	Tiền thưởng (triệu đồng)	Cổ phiếu ESOP		Khác
				Số lượng (cổ phiếu)	Giá (đồng/cổ phiếu)	
2019	12	-	-	-	-	-
2020	12	-	-	-	-	-
9T/2021	9	-	-	367.114	10.000	-

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

❖ Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh –Thành viên HĐQT

Họ tên: Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 15/10/1965

Số CMND: 021723384

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Thừa Thiên Huế

Địa chỉ thường trú: 18 Hồ Văn Huê, Quận Phú Nhuận, TpHCM

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cao đẳng Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị	Chức danh
1998 - 2008	Công ty TNHH Tôn Đông Á	Thành viên HĐQT
2008 đến nay	Công ty CP Tôn Đông Á	Thành viên HĐQT

Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có.

Số cổ phần bản thân đang nắm giữ 5.414.256 cổ phần, chiếm tỷ lệ 5,29%

Trong đó:

- Cổ phần sở hữu cá nhân: 5.414.256 cổ phần, chiếm tỷ lệ 5,29%
- Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%

Số cổ phần của những người có liên quan: 39.038.818 cổ phần, chiếm tỷ lệ 38,2%

Thông tin về người có liên quan đồng thời là cổ đông của Công ty:

STT	Họ và tên	Mối quan hệ	CMND/CCCD/DKKD	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1	Nguyễn Thanh Trung	Chồng	020137619	37.392.640	36,54%
2	Nguyễn Thanh Vĩnh Nhật	Con	079088011543	1.289.961	1,26%
3	Nguyễn Thanh Quỳnh An	Con	024893075	154.321	0,15%
4	Trần Thị Minh Diệu	Chị	046154000009	201.896	0,2%

Lợi ích liên quan đối với Công ty:

- Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã được ký kết và chưa thực hiện:

Stt	Đối tượng	Mối quan hệ	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch	Điều khoản quan trọng	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
1	Nguyễn Thanh Trung	Chủ tịch HĐQT	Hợp đồng thuê văn phòng	750 triệu/tháng	Từ 01/01/2021 đến 31/12/2021	HĐQT thông qua
2	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên HĐQT	Hợp đồng cho vay	12 tỷ	Từ 02/2021 đến 02/2023	HĐQT thông qua
3	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên HĐQT	Hợp đồng cho vay	2,5 tỷ	Từ 06/2021 đến T06/2022	HĐQT thông qua

Stt	Đối tượng	Mối quan hệ	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch	Điều khoản quan trọng	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
4	Nguyễn Thanh Vĩnh Nhật	GD khối KDXK	Hợp đồng vay	323 tỷ	Từ 06/2021 đến 12/2021	HĐQT thông qua
5	Nguyễn Thanh Trung	Chủ tịch HĐQT	Hợp đồng cổ vấn	250 triệu/tháng	Từ 07/2021 đến 07/2026	Ban Tổng giám đốc

- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác:

Năm	Thù lao (triệu đồng)	Tiền lương (triệu đồng)	Tiền thưởng (triệu đồng)	Cổ phiếu ESOP		Khác
				Số lượng (cổ phiếu)	Giá (đồng/cổ phiếu)	
2019	23	-	-	-	-	-
2020	23	-	-	-	-	-
9T/2021	17	-	-	333.478	10.000	-

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

❖ Ông Hồ Song Ngọc – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám Đốc

Họ tên: Hồ Song Ngọc

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 19/05/1961

Số CMND: 025903495

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: An Giang

Địa chỉ thường trú: Lô 5-12A.02 Vinhomes Central Park, 720 Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, TP. HCM

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị	Chức danh
1979 – 1983	Tiểu đoàn 22, Sư đoàn 98, Quân khu 9	Thượng sỹ kế toán tài vụ
1983 – 1988	Công ty Du lịch An Giang tại Vũng Tàu	Trưởng Chi nhánh
1988 – 1991	Công ty du lịch An Giang	Phó Giám đốc Trung tâm dịch vụ du lịch kiêm Trưởng Văn phòng đại diện tại TP.HCM
1991 – 2006	Công ty TNHH Nước Giải khát Hoàn Cầu An Giang	Giám đốc
2006 – 2010	Công ty TNHH Minh Nguyên	Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc
2010 – T6/2021	Công ty Cổ phần Tôn Đông Á	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc điều hành
Từ T6/2021 – nay	Công ty Cổ phần Tôn Đông Á	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám Đốc

Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Số cổ phần bản thân đang nắm giữ: 3.087.957 cổ phần, chiếm tỷ lệ 3,02%

Trong đó:

- Cổ phần sở hữu cá nhân: 3.087.957 cổ phần, chiếm tỷ lệ 3,02%
- Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%

Số cổ phần của những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%

Lợi ích liên quan đối với Công ty:

- Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã được ký kết và chưa thực hiện: Không có
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác:

Năm	Thù lao (triệu đồng)	Tiền lương (triệu đồng)	Tiền thưởng (triệu đồng)	Cổ phiếu ESOP		Khác
				Số lượng (cổ phiếu)	Giá (đồng/cổ phiếu)	
2019	36	1.108	167	-	-	-

Năm	Thù lao (triệu đồng)	Tiền lương (triệu đồng)	Tiền thưởng (triệu đồng)	Cổ phiếu ESOP		Khác
				Số lượng (cổ phiếu)	Giá (đồng/cổ phiếu)	
2020	43	1.470	343	-	-	-
9T/2021	36	1.647	-	580.457	10.000	-

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

❖ Ông Đoàn Vĩnh Phước – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc kế hoạch Tài chính

Họ tên: Đoàn Vĩnh Phước

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 01/10/1968

Số CMND: 270711871

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Đồng Nai

Địa chỉ thường trú: 3/2C KP5, P. Hòa Bình, Biên Hòa, Đồng Nai

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế hoạch hóa Kinh tế quốc dân

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị	Chức danh
10/1993 – 1998	Công ty TNHH Mekong	Phòng Kinh doanh Xuất nhập khẩu
1998 – 2007	Công ty Cổ phần Tôn Đông Á	Trưởng VPĐD tại TpHCM
2008 đến nay	Công ty Cổ phần Tôn Đông Á	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc kế hoạch Tài chính

Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc kế hoạch Tài chính

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

Số cổ phần bản thân đang nắm giữ: 1.895.042 cổ phần, chiếm tỷ lệ 1,85%

Trong đó:

- Cổ phần sở hữu cá nhân: 1.895.042 cổ phần, chiếm tỷ lệ 1,85%
- Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%

Số cổ phần của những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%

Lợi ích liên quan đối với Công ty:

- Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã được ký kết và chưa thực hiện: Không có
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác:

Năm	Thù lao (triệu đồng)	Tiền lương (triệu đồng)	Tiền thưởng (triệu đồng)	Cổ phiếu ESOP		Khác
				Số lượng (cổ phiếu)	Giá (đồng/cổ phiếu)	
2019	36	1.105	167	-	-	-
2020	43	1.482	345	-	-	-
9T/2021	36	1.546	-	707.920	10.000	-

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

❖ Ông Phạm Quốc Thắng – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc sản xuất

Họ tên: Phạm Quốc Thắng

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 11/10/1967

Số CMND: 046067000310

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Thừa Thiên Huế

Địa chỉ thường trú: 433/38/6, Lê Đức Thọ, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Sư phạm Hóa

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị	Chức danh
1991 – 1992	Nhà máy sản xuất nước ngọt Festi Long Xuyên	Phó Giám Đốc
1992 – 1998	Công ty Thực phẩm MeKong Gò Vấp	Quản đốc sản xuất/ Trưởng phòng kinh doanh
1998 – nay	Công ty Cổ phần Tôn Đông Á	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc sản xuất

Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc sản xuất

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

Số cổ phần bản thân đang nắm giữ: 2.288.955 cổ phần, chiếm tỷ lệ 2,24%

Trong đó:

- Cổ phần sở hữu cá nhân: 2.288.955 cổ phần, chiếm tỷ lệ 2,24%
- Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%

Số cổ phần của những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%

Lợi ích liên quan đối với Công ty:

- Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã được ký kết và chưa thực hiện: Không có.
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác:

Năm	Thù lao (triệu đồng)	Tiền lương (triệu đồng)	Tiền thưởng (triệu đồng)	Cổ phiếu ESOP		Khác
				Số lượng (cổ phiếu)	Giá (đồng/cổ phiếu)	
2019	60	1.109	167	0	0	0
2020	53	1.468	342	0	0	0
9T/2021	36	1.568	-	540.534	10.000	0

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.

❖ Ông Đoàn Danh Tuấn – Thành viên độc lập Hội đồng quản trị

Họ tên: **Đoàn Danh Tuấn**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 02/07/1957

Số CMND: 079057002063

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 8A-10A, Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, TpHCM.

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh Quốc tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị	Chức danh
1988 đến nay	Công ty TNHH TM Thép Toàn Thắng	Tổng Giám đốc
5/2021 – nay	Tôn Đông Á	Thành viên HĐQT

Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Tổng Giám đốc Công ty TNHH TM Thép Toàn Thắng

Số cổ phần bản thân đang nắm giữ: 177.419 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,17%

Trong đó:

- Cổ phần sở hữu cá nhân: 177.419 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,17%
- Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%

Số cổ phần của những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%

Lợi ích liên quan đối với Công ty:

- Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã được ký kết và chưa thực hiện: Không có
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: Thù lao sẽ theo quyết định tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất. Tính đến nay chưa phát sinh, do Ông Đoàn Danh Tuấn được bầu làm Thành viên độc lập Hội đồng quản trị từ ngày 22/05/2021.

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty:

Stt	Đối tượng	Mối quan hệ	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch	Điều khoản quan trọng	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
-----	-----------	-------------	----------------	-------------------	-----------------------	------------------------------

1	Công ty TNHH Thương Mại Thép Toàn Thắng	Thành viên Hội đồng quản trị là Tổng giám đốc	Hợp đồng vay	10 tỷ	Từ 04/03/2021 - >31/12/2021	HĐQT
---	---	---	--------------	-------	-----------------------------	------

- Tên của doanh nghiệp: Công ty TNHH TM Thép Toàn Thắng
- Hoạt động chính của doanh nghiệp:

Doanh nghiệp	Hoạt động chính	Khách hàng mục tiêu	Địa bàn hoạt động	Sản phẩm dịch vụ
Công ty TNHH TM Thép Toàn Thắng	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	Phục vụ cho các ngành xây dựng công nghiệp, xây dựng dân dụng, cơ khí chế tạo, đóng tàu, đóng xà lan,...	Hoạt động trên phạm vi tại tất cả các tỉnh trong nước và các nước lân cận.	+ Thép hình I - V – H + Thép tấm cán nóng, cán nguội, thép U carbon, + Thép gân, thép cuộn, thép thanh, thép vằn, cọc cừ thép,...

- Mối quan hệ của đối tượng này và những người có liên quan của họ với doanh nghiệp:

STT	Họ và tên	Chức vụ tại doanh nghiệp	Phần vốn góp nắm giữ (tỷ đồng)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1.	Đoàn Danh Tuấn	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám	22,5	16,67%

		độc		
2.	Trần Thị Vòng	Không có	-	-
3.	Đoàn Danh Phở	Không có	-	-
4.	Đào Thị Lý	Không có	-	-
5.	Hồ Văn Năm	Không có	-	-
6.	Đào Thị Kiếm	Phó TGD	11,5	8,52%
7.	Đoàn Trí Thức	Phó TGD	5,5	4,07%
8.	Đoàn Thị Thanh Trúc	Không có	-	-
9.	Đoàn Thị Thủy Tiên	Trợ lý TGD	5,5	4,07%
10.	Nguyễn Đức Quỳnh Anh	Không có	-	-
11.	Ngô Đạt Phúc	Không có	-	-
12.	Nguyễn Phúc Anh Duy	Không có	-	-
13.	Đoàn Đình Điệp	Không có	22,5	16,67%
14.	Đoàn Danh Hồng	Không có	22,5	16,67%
15.	Đoàn Thị Minh Tâm	Không có	-	-
16.	Nguyễn Văn Quý	Không có	-	-
17.	Nguyễn Thị Huệ	Không có	17	12,59%
18.	Nguyễn Thị Tuyết	Không có	17	12,59%
19.	Công ty cổ phần Tôn Đông Á	Không có	-	-

- Phương án kiểm soát xung đột lợi ích: Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc các cá nhân khác.

❖ Ông Ngô Văn Sinh – Thành viên độc lập Hội đồng quản trị

Họ tên: **Ngô Văn Sinh**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 15/12/1972

Số CMND: 025299160

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 52A, Ni Sư Huỳnh Liên, Phường 10, Quận Tân Bình, Tp.HCM

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị	Chức danh
2000 – 2003	LS Industrial System	Sale Manager
2004 – 2006	Schneider Electric	Sale Manager
2007 – hiện nay	Công ty Cổ phần kỹ thuật Điện Miền Trung	Giám đốc điều hành
05/2021 – nay	Công ty cổ phần Tôn Đông Á	Thành viên Hội đồng quản trị

Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Giám đốc điều hành Công ty Cổ phần kỹ thuật Điện Miền Trung

Số cổ phần bản thân đang nắm giữ: 110.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,11%

Trong đó:

- Cổ phần sở hữu cá nhân: 110.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,11%
- Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%

Số cổ phần của những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%

Lợi ích liên quan đối với Công ty:

- Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã được ký kết và chưa thực hiện: Không có
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: Thù lao sẽ theo quyết định tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất. Tính đến nay chưa phát sinh, do Ông Ngô Văn Sinh được bầu làm Thành viên độc lập Hội đồng quản trị từ ngày 22/05/2021.

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

3.2. Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức vụ
-----	-----------	---------

1	Ông Hồ Song Ngọc	Tổng Giám Đốc
2	Ông Đoàn Vĩnh Phước	Phó Tổng Giám Đốc
3	Ông Phạm Quốc Thắng	Phó Tổng Giám Đốc
4	Ông Nguyễn Văn Đại	Phó Tổng Giám Đốc
5	Bà Trần Lệ Xuân	Kế toán trưởng

Hiện tại, các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty đã đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và các quy định hiện hành.

3.2.1. Thông tin cá nhân

❖ Ông Hồ Song Ngọc – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám Đốc

Thông tin chi tiết tại Mục VI.3.1 Bản cáo bạch

❖ Ông Đoàn Vĩnh Phước – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc kế hoạch Tài chính

Thông tin chi tiết tại Mục VI.3.1 Bản cáo bạch

❖ Ông Phạm Quốc Thắng – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc sản xuất

Thông tin chi tiết tại Mục VI.3.1 Bản cáo bạch

❖ Ông Nguyễn Văn Đại – Phó Tổng giám đốc

Họ tên: Nguyễn Văn Đại

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 24/04/1972

Số CMND: 049072000486

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Đà Nẵng

Địa chỉ thường trú: 134/4 Đường số 8, phường 16, quận Gò Vấp, Tp.Hồ Chí Minh

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kỹ thuật

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị	Chức danh
9/1995 – 4/1997	Công ty thép Nhà Bè	Kỹ sư phân xưởng cán thép
5/1997 – 5/1999	Công ty Liên doanh Vingal	Kỹ sư Phòng Kỹ thuật
10/1999 – 8/2002	Công ty Nam Hà Việt	Giám đốc sản xuất
9/2002 – 6/2003	Nhà máy thép Phú Mỹ	Ban Quản lý dự án
7/2003 – 4/2004	Công ty Thép miền Nam	Kỹ sư Phòng kỹ thuật
5/2004 – 5/2007	Công ty Thép Nhà Bè	Quản đốc phân xưởng cơ điện
6/2007 – 5/2010	Công ty CP Thép tấm lá Thống Nhất	Phó Tổng Giám Đốc
06/2010 – 12/2018	Công ty CP Thép tấm lá Thống Nhất	Tổng Giám Đốc
1/2019 – 9/2019	Công ty TNHH MTV thép tấm lá Phú Mỹ	Tổng Giám Đốc
12/2019 – nay	Công ty CP Tôn Đông Á	Phó Tổng Giám Đốc

Chức vụ hiện nay: Phó Tổng giám đốc

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

Số cổ phần bản thân đang nắm giữ: 230.702 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,23%

Trong đó:

- Cổ phần sở hữu cá nhân: 230.702 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,23%
- Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%

Số cổ phần của những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%

Lợi ích liên quan đối với Công ty:

- Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã được ký kết và chưa thực hiện: Không có
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác:

Năm	Thù lao (triệu đồng)	Tiền lương (triệu đồng)	Tiền thưởng (triệu đồng)	Cổ phiếu ESOP		Khác
				Số lượng (cổ phiếu)	Giá (đồng/cổ phiếu)	
2019	0	40	0	0	0	0
2020	0	1.468	275	0	0	0
9T/2021	0	1.487	-	120.702	10.000	0

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

❖ **Bà Trần Lệ Xuân – Kế toán trưởng**

Họ tên: Trần Lệ Xuân

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 02/04/1983

Số CMND: 351762571

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: An Giang

Địa chỉ thường trú: A1.08.01 Chung cư Tam Phú, Cây Keo, Tam Phú, Thủ Đức, TP.HCM

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị	Chức danh
2004 – 2006	Công ty TNHH Nước Giải khát Hoàn Cầu An Giang	Kế toán tổng hợp
2006 – 2011	Công ty TNHH Minh Nguyên	Kế toán tổng hợp
2011 – 2014-5	Công ty Cổ phần Tôn Đông Á	Trưởng bộ phận Kế toán
2016 – 2017	Công ty Cổ phần Tôn Đông Á	Phó phòng Kế toán
2018 đến nay	Công ty Cổ phần Tôn Đông Á	Trưởng phòng kế toán/ Kế toán trưởng

Chức vụ hiện nay: Kế toán trưởng

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

Số cổ phần bản thân đang nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%

Trong đó:

- Cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%
- Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%

Số cổ phần của những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%

Lợi ích liên quan đối với Công ty:

- Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã được ký kết và chưa thực hiện: Không có
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác:

Năm	Thù lao (triệu đồng)	Tiền lương (triệu đồng)	Tiền thưởng (triệu đồng)	Cổ phiếu ESOP		Khác
				Số lượng (cổ phiếu)	Giá (đồng/cổ phiếu)	
2019	-	535	87	-	-	-
2020	-	641	157	-	-	-
9T/2021	-	678	-	-	-	-

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.

3.3. Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Bà Lê Thị Khoa Nguyễn	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Ông Nguyễn Năng Tín	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Bà Lâm Duy Thùy Linh	Thành viên Ban Kiểm soát

Hiện tại, Công ty cổ phần Tôn Đông Á đã đáp ứng đầy đủ cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định. Công ty đang trong quá trình hoàn thiện cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát để đáp ứng quy định về tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên theo đúng quy định, đồng thời Công ty cam kết bầu thay thế thành viên Ban kiểm soát để đáp ứng quy định về tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp 2014 và Điều 286 Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán tại kỳ Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

3.3.1. Thông tin cá nhân

❖ Bà Lê Thị Khoa Nguyễn – Trưởng Ban Kiểm soát

Họ tên: Lê Thị Khoa Nguyễn

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 08/02/1959

Số CMND/CCCD: 046159000135

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Thừa Thiên Huế

Địa chỉ thường trú: 57C Tú Xương, Phường 7, quận 3

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị	Chức danh
1985- 2005	Tổ trưởng tổ kế toán	Trường Trung cấp tài chính KT 4 (Bộ Tài chính)
2005 – 2010	Trưởng Khoa Kế toán	Trường Cao Đẳng Tài chính Hải Quan (Bộ Tài chính)
20011 – 2014	Phó Trường Khoa Kế Toán	Trường ĐH MỞ TP HCM
2015- Nay	Nghỉ hưu	Giảng viên thỉnh giảng cho các Trường: Đại Học Kinh tế TPHCM, Trường ĐH Tài chính Marketing, ĐH Griss, Trường DN Pace
05/2021 - nay	Công ty cổ phần Tôn Đông Á	Trưởng Ban Kiểm soát

Chức vụ hiện nay: Trưởng Ban kiểm soát

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Giảng viên thỉnh giảng cho các Trường: Đại Học Kinh tế TPHCM, Trường ĐH Tài chính Marketing, ĐH Griss, Trường DN Pace

Số cổ phần bản thân đang nắm giữ: 192.500 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,19%

Trong đó:

- Cổ phần sở hữu cá nhân: 192.500 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,19%
- Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%

Số cổ phần của những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%

Lợi ích liên quan đối với Công ty:

- Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã được ký kết và chưa thực hiện: Không có
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: Thù lao sẽ theo quyết định tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất. Tính đến nay chưa phát sinh, do Bà Lê Thị Khoa Nguyễn được bầu làm Trưởng Ban Kiểm soát từ ngày 22/05/2021

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

❖ Ông Nguyễn Năng Tín – Thành viên Ban Kiểm soát

Họ tên: Nguyễn Năng Tín

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 17/12/1955

Số CMND: 020137911

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Sài Gòn

Địa chỉ thường trú: 19/7B Thạch Thị Thanh, Phường Tân Định, Quận 1, Tp.HCM

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị	Chức danh
1973-1978	ĐH Kỹ thuật Phú Thọ- ĐH Bách Khoa TpHCM	Sinh viên
1978-1982	ĐH Bách Khoa Tp HCM	Giảng viên
1989-1997	Công Ty Mekong GmbH- CHLB Đức	Phụ trách kỹ thuật- kinh doanh, Trưởng VP Đại diện
1997-2015	Cty TNHH Thương Mại- Xây Dựng Nam Hải	Giám Đốc
05/2021 - nay	Công ty cổ phần Tôn Đông Á	Thành viên Ban kiểm soát

Chức vụ hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

Số cổ phần bản thân đang nắm giữ: 137.500 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,13%

Trong đó:

- Cổ phần sở hữu cá nhân: 137.500 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,13%
- Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%

Số cổ phần của những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%

- Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã được ký kết và chưa thực hiện: Không có
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: Thù lao sẽ theo quyết định tại kỳ họp Đại hội đồng cổ

đồng thường niên gần nhất. Tính đến nay chưa phát sinh, do Ông Nguyễn Năng Tín được bầu làm Thành viên Ban Kiểm soát từ ngày 22/05/2021

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.

❖ **Bà Lâm Duy Thùy Linh – Thành viên Ban Kiểm soát**

Họ tên: **Lâm Duy Thùy Linh**

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 10/10/1965

Số CMND: 021732717

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 01 Nguyễn Huy Tưởng, Phường 6, Quận Bình Thạnh, TpHCM

Trình độ văn hóa: Thạc sĩ

Trình độ chuyên môn: Bác sĩ Chuyên khoa 1 nội tiết

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị	Chức danh
1984 – 1990	Đại học Y dược Tp. HCM	Bác sỹ y khoa
1990 - 2010	Bệnh viện nhân dân Gia Định	Bác sĩ
2010 đến nay	Công ty TNHH Dược phẩm Linh Ân	Giám đốc
05/2021 - nay	Công ty cổ phần Tôn Đông Á	Thành viên Ban kiểm soát

Chức vụ hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

Số cổ phần bản thân đang nắm giữ: 110.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,11%

Trong đó:

- Cổ phần sở hữu cá nhân: 110.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,11%
- Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%

Số cổ phần của những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%

Lợi ích liên quan đối với Công ty:

- Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã được ký kết và chưa thực hiện: Không có
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: Thù lao sẽ theo quyết định tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất. Tính đến nay chưa phát sinh, do Bà Lâm Duy Thùy Linh được bầu

làm Thành viên Ban Kiểm soát từ ngày 22/05/2021.

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

VII. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu

Cổ phần phổ thông

2. Mệnh giá

10.000 đồng/cổ phần

3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán

Tổng số lượng cổ phiếu chào bán dự kiến là 15.350.000 cổ phiếu, tương đương 15% số lượng cổ phiếu đang lưu hành, trong đó bao gồm (i) 12.368.681 cổ phiếu mới phát hành, tương đương 12,09% số lượng cổ phiếu đang lưu hành; và (ii) 2.981.319 cổ phiếu thuộc sở hữu của cổ đông hiện hữu, tương đương 2,91% số lượng cổ phiếu đang lưu hành.

4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá

Dự kiến 153.500.000.000 đồng

5. Giá chào bán dự kiến

Hội đồng quản trị Công ty quyết định giá chào bán, nhưng không được thấp hơn giá trị sổ sách của cổ phần tại báo cáo tài chính quý ở thời điểm gần nhất. Dự kiến không thấp hơn 27.948 đồng/cổ phiếu.

Hội đồng quản trị sẽ xác định giá chào bán chính thức theo ủy quyền của ĐHĐCĐ và sẽ công bố thông tin tại thông báo phát hành sau khi được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng.

6. Phương pháp tính giá

Hội đồng quản trị sử dụng giá sổ sách trên một cổ phần tính tại thời điểm ngày 30/06/2021 theo Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2021 đã soát xét để làm cơ sở cho việc xác định giá chào bán cổ phiếu:

$$\begin{aligned} \text{Giá trị sổ sách trên một cổ phần} &= \frac{\text{Vốn chủ sở hữu} - \text{Lợi ích cổ đông thiểu số}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}} \\ &= 27.948 \text{ đồng/cổ phiếu} \end{aligned}$$

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2021 đã soát xét

Căn cứ vào chiến lược phát triển và nhu cầu vốn của Công ty, Hội đồng quản trị của Công ty đề xuất giá chào bán cho Nhà đầu tư không thấp hơn giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu, và sẽ được xác định cụ thể vào thời điểm chào bán, tùy thuộc vào tình hình thị trường.

7. Phương thức phân phối

Cổ phiếu chào bán cho nhà đầu tư sẽ được phân phối theo phương thức dựng sổ thông qua các đại lý phân phối sau khi nhận được giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu của UBCKNN.

Đại lý phân phối:

- + Công ty cổ phần Chứng Khoán SSI (SSI)
- + Công ty cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC)
- + Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam (Mirae Asset)

Trách nhiệm của đại lý phân phối:

- Cung cấp và tiếp nhận bộ hồ sơ đăng ký mua cổ phiếu của Nhà đầu tư
- Hướng dẫn Nhà đầu tư đăng ký mua cổ phiếu của công ty
- Gửi báo cáo và danh sách nộp tiền mua cổ phần của Nhà đầu tư cho Tổ chức chào bán ngay sau ngày kết thúc đợt chào bán
- Các công việc khác có liên quan để quá trình chào bán diễn ra thành công
- Trong trường hợp số lượng cổ phần đăng ký mua lớn hơn số lượng cổ phần chào bán, cổ phiếu sẽ được phân phối tương ứng với tỉ lệ đăng ký mua của từng cá nhân/tổ chức. Đại lý phân phối sẽ hoàn trả lại tiền cho nhà đầu tư theo quy định tại Hướng dẫn thực hiện đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu Công ty Cổ phần Tôn Đông Á.

Nguyên tắc ưu tiên phân phối cổ phiếu: Ưu tiên bán số cổ phần mới phát hành của Công ty trước khi phân phối số cổ phần thuộc sở hữu của cổ đông hiện hữu.

Trong trường hợp số lượng cổ phần đăng ký mua lớn hơn số lượng cổ phần chào bán, cổ phiếu sẽ được phân phối tương ứng với tỷ lệ đăng ký mua của từng cá nhân/ tổ chức. Công ty sẽ hoàn trả lại tiền cho nhà đầu tư theo quy định tại Hướng dẫn thực hiện đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu Công ty Cổ phần Tôn Đông Á.

8. Đăng ký mua cổ phiếu

Thời hạn đăng ký mua cổ phiếu: trong vòng 90 ngày kể từ ngày Công ty được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng.

Số lượng cổ phiếu đăng ký mua: tối thiểu 1.000 cổ phiếu/một nhà đầu tư.

Phương thức thanh toán: chuyên khoản vào tài khoản phong tỏa của Công ty Cổ Phần Tôn Đông Á

Địa điểm tiếp nhận Hồ sơ đăng ký mua cổ phiếu: Theo thông báo Hướng dẫn thực hiện đăng

ký và nộp tiền mua cổ phiếu Công ty Cổ Phần Tôn Đông Á.

9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

Thời gian phân phối dự kiến: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu CTCP Tôn Đông Á ra công chúng.

Sau khi nhận giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu của UBCKNN, Hội đồng quản trị của CTCP Tôn Đông Á sẽ làm việc với Tổ chức tư vấn để thực hiện việc chào bán. Lịch trình chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng sau khi được chấp thuận bởi UBCKNN dự kiến như sau:

Bước	Công việc	Thời gian thực hiện
1	UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng	T
2	Tôn Đông Á thực hiện công bố thông tin về đợt chào bán	T+1 đến T+3
3	Đăng ký và nộp tiền mua Cổ phiếu	T+4 đến T+24
4	Thông báo kết quả đặt mua cho NĐT	T+25
6	Báo cáo kết quả phát hành cho UBCKNN	T+26 đến T+27
7	Hoàn trả tiền cho NĐT trong trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký mua vượt quá số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán	T+28 đến T+33
8	Thời gian chuyển giao cổ phiếu cho NĐT	T+27 đến T+57

(Trong đó, ngày T là ngày theo lịch, không phải ngày làm việc)

Trên đây là lịch trình phân phối cổ phiếu SSI dự kiến cho nhà đầu tư, tuy nhiên, tùy tình hình thị trường, HĐQT sẽ điều chỉnh lịch trình phân phối sao cho phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty; và đảm bảo việc chào bán được thực hiện một cách hợp pháp và đúng quy định. Thời gian phân phối cụ thể sẽ được nêu chi tiết trên Thông báo chào bán chứng khoán khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

Cổ phiếu chào bán thông qua hình thức chào bán ra công chúng không bị hạn chế chuyển nhượng. Việc hạn chế chuyển nhượng của cổ phiếu không phân phối hết sau khi chào bán ra công chúng sẽ bị hạn chế chuyển nhượng với thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán theo quy định pháp luật.

11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Toàn bộ số tiền thu từ đợt phát hành sẽ được chuyển vào tài khoản phong tỏa do Công ty mở tại

Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình

Số tài khoản: **368.10.00.3386666**

Địa chỉ: 271-273-275 Cộng Hòa, phường 13, Quận Tân Bình, Tp, Hồ Chí Minh

12. Hủy bỏ đợt chào bán

Đợt chào bán bị hủy bỏ trong trường hợp việc phân phối không đáp ứng điều kiện tối thiểu 15% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tổ chức phát hành phải được bán cho ít nhất 100 (một trăm) Nhà đầu tư không phải là cổ đông lớn;

Phương án hoàn trả tiền cho Nhà đầu tư đăng ký mua cổ phiếu trong trường hợp đợt chào bán bị hủy bỏ: Trong trường hợp UBCKNN quyết định hủy bỏ đợt chào bán chứng khoán ra công chúng theo quy định tại Điều 28 Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14, trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày đợt chào bán chứng khoán ra công chúng bị hủy bỏ, Công ty sẽ công bố việc hủy bỏ chào bán chứng khoán ra công chúng trên 01 (một) tờ báo điện tử hoặc báo in trong 03 (ba) số liên tiếp và thu hồi chứng khoán đã phát hành, đồng thời hoàn trả tiền cho Nhà đầu tư trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày đợt chào bán bị hủy bỏ.

13. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty là 50%
- Theo danh sách cổ đông tại ngày 30/06/2021 của Công ty, số lượng cổ phiếu do cổ đông nước ngoài nắm giữ là 24.426.004 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 23,87%. Trong trường hợp chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng thành công với tổng số lượng cổ phiếu phát hành là 15.350.000 cổ phiếu bao gồm 12.368.681 cổ phiếu mới phát hành và 2.981.319 cổ phiếu của cổ đông hiện hữu, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty tối đa sẽ là $(24.426.004 + 15.350.000) / (102.322.829 + 12.368.681) = 34,68\%$.

Vì vậy hiện tại việc Công ty thực hiện chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng với tỷ lệ

phát hành dự kiến là 15% (bao gồm 12,09% cổ phiếu phát hành mới và 2,91% cổ phiếu của cổ đông hiện hữu) trên tổng số lượng cổ phiếu lưu hành vẫn đảm bảo tuân thủ tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tối đa là 50% theo quy định.

Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 21/2021/NQ-HĐQT ngày 17/09/2021, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành chịu trách nhiệm phổ biến, triển khai thực hiện đồng thời kiểm tra giám sát quá trình thực hiện theo tinh thần Nghị quyết này. Theo đó, để đảm bảo cho việc thực hiện đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng đáp ứng giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quy định, Ban Điều hành cam kết sẽ giám sát việc chuyển nhượng cổ phiếu đã phát hành của Công ty nhằm giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài không vượt quá 35% tổng số cổ phần của công ty và tiếp tục thực hiện việc giám sát này đến thời điểm lưu ký chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) đảm bảo tỷ lệ nhà đầu tư nước ngoài sở hữu cổ phần đã phát hành tối đa là 50% tổng số cổ phần của Công ty, tương ứng với số lượng cổ phiếu nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ tối đa là 57.345.755 cổ phiếu hoặc số lượng cổ phiếu thấp hơn tùy thuộc vào tổng số lượng cổ phiếu của Công ty sau khi phát hành

Trong các trường hợp Công ty phải thực hiện thay đổi vốn điều lệ theo quy định pháp luật và/hoặc Điều lệ công ty hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, dẫn đến tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại thời điểm thực hiện chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của Công ty đã vượt quá tỷ lệ quy định mà không phải do chuyển nhượng cổ phiếu từ các cổ đông hiện hữu, Hội đồng quản trị Công ty đảm bảo việc chào bán cổ phiếu này sẽ không làm phát sinh tăng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty cho đến khi cổ phiếu được lưu ký chứng khoán tại VSD. Đồng thời, Công ty cam kết sẽ thực hiện các thủ tục để phong tỏa tỷ lệ sở hữu nước ngoài trong trường hợp cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký chứng khoán và niêm yết/đăng ký giao dịch theo quy định.

14. Các loại thuế có liên quan

14.1. Đối với Công ty

❖ Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008 và Luật số 32/2013/QH13 được Quốc hội ban hành ngày 19/06/2013 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, thì mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty là 20% được áp dụng kể từ ngày 01/01/2016.

❖ **Thuế giá trị gia tăng (VAT)**

- Thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty thực hiện theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Thuế suất thuế giá trị gia tăng mà Công ty phải chịu là 10%.

14.2. Đối với nhà đầu tư

❖ **Đối với nhà đầu tư cá nhân**

Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:

- ✓ Đối với nhà đầu tư trong nước: thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần theo Điều 16 Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15/06/2015.
- ✓ Đối với nhà đầu tư nước ngoài: thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất thuế thu nhập cá nhân 0,1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng.

Thu nhập từ cổ tức:

- ✓ Cũng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC, thu nhập của cá nhân từ cổ tức cũng được xem là thu nhập chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%.
- ✓ Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%. Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thương, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này thì nhà đầu tư mới phải thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất tương tự như trường hợp chuyển nhượng chứng khoán.

❖ **Đối với nhà đầu tư tổ chức**

Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:

- ✓ Tổ chức trong nước: Theo quy định tại Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008 và Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/06/2013 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 thì thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.
- ✓ Riêng đối doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế.

Thu nhập từ cổ tức:

- ✓ Được miễn thuế theo quy định tại Khoản 6 Điều 4 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2008.

15. Thông tin về các cam kết

Công ty cam kết:

- Ông Nguyễn Thành Trung với tư cách là cổ đông lớn, nắm giữ 36,54% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tôn Đông Á, cam kết nắm giữ ít nhất 20% vốn điều lệ của tổ chức phát hành tối thiểu 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.
- Công ty Cổ phần Tôn Đông Á cam kết triển khai thực hiện đăng ký niêm yết toàn bộ số cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp, Công ty không đáp ứng đủ điều kiện về việc niêm yết cổ phiếu, Công ty cam kết sẽ triển khai thực hiện việc đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch Upcom theo quy định pháp luật.
- Về việc xử lý cổ phiếu nhà đầu tư không đăng ký mua, không nộp tiền mua, Công ty cổ phần Tôn Đông Á cam kết tuân thủ theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán áp dụng đối với công ty đại chúng.
- Công ty Cổ phần Tôn Đông Á cam kết đã đáp ứng đầy đủ cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị áp dụng đối với công ty niêm yết. Đồng thời, các Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên độc lập Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc của Công ty đã đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp. Công ty cam kết sẽ bầu thay thế thành viên Ban Kiểm soát đáp ứng điều kiện theo quy định pháp luật tại Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.
- Công ty Cổ phần Tôn Đông Á cam kết sẽ tuân thủ quy định về giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này theo quy định tại Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán áp dụng đối với công ty đại chúng. Theo đó, Công ty cổ phần Tôn Đông Á sẽ không để phát sinh các giao dịch đối với các đối tượng này theo quy định, đồng thời cam kết các giao dịch đã phát sinh trước thời điểm đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng sẽ được hoàn tất đến hết ngày 31/12/2021.

16. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt

Không có.

17. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua cơ cấu tổ chức Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Điều lệ Công ty và các quy chế quản trị công ty, quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát theo quy định áp dụng cho công ty niêm yết sau khi chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng thành công. Đồng thời, Công ty cũng sẽ tiếp tục xây dựng và ban hành các quy chế trong quá trình hoạt động để đảm bảo tuân thủ quản trị công ty đại chúng theo quy định của pháp luật.

Đối với hoạt động công bố thông tin sau khi trở thành công ty đại chúng, Hội đồng quản trị sẽ ban hành Quy trình công bố thông tin nhằm đảm bảo công bố kịp thời các thông tin định kỳ hoặc bất thường theo đúng quy định của pháp luật về chứng khoán.

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. Mục đích chào bán

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được sử dụng để bổ sung vốn chủ sở hữu tham gia đầu tư nhà máy 3 thông qua hình thức góp vốn thành lập công ty và bổ sung vốn lưu động.

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Số tiền mà Công ty dự kiến thu được từ đợt chào bán lần đầu ra công chúng tối thiểu là 345,68 tỷ đồng. Theo đó, việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cho các mục đích được trình bày dưới đây, với nguyên tắc ưu tiên theo thứ tự từ trên xuống dưới. Tuy nhiên, theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị sẽ quyết định và điều chỉnh việc giải ngân tùy thuộc vào cơ hội đầu tư của mục đích nào đến trước.

STT	Mục đích	Kế hoạch sử dụng vốn dự kiến (đồng)	Tiến độ sử dụng vốn dự kiến
1	Đầu tư vốn góp thành lập công ty để thực hiện nhà máy 3	345,68 tỷ đồng	Quý 4/2021 đến Quý 2/2023
2	Bổ sung vốn lưu động (thanh toán chi phí mua nguyên, vật liệu)	Phần còn lại của vốn huy động (nếu có)	Trong năm 2022
	Tổng cộng	Tối thiểu 345,68 tỷ đồng	

Trong trường hợp không thu đủ số tiền dự kiến, Hội đồng quản trị sẽ triển khai các phương án bù đắp phân thiếu hụt vốn như sau:

- Cân nhắc lựa chọn, điều chỉnh phương án đầu tư và sử dụng vốn phù hợp theo tình hình huy động vốn thực tế.
- Tiếp tục chào bán cổ phiếu cho các đối tượng khác theo phương án xử lý trong trường hợp cổ phần không chào bán hết nêu trên.
- Chủ động tìm kiếm các nguồn tài trợ bổ sung khác như nguồn vốn vay ngân hàng, các tổ chức tài chính và/hoặc huy động nguồn vốn nhân rồi từ các đối tác, khách hàng của Công ty.

a. Thông tin về việc góp vốn thành lập Công ty

i. Thông tin về Công ty thành lập:

- + Căn cứ pháp lý của việc góp vốn thành lập Công ty:
 - Biên bản thỏa thuận giữa Công ty cổ phần Tôn Đông Á và Công ty TNHH Posco Việt Nam ngày 09/03/2021.
 - Thỏa thuận 03 bên giữa Công ty cổ phần Tôn Đông Á, Công ty TNHH Posco Việt Nam và Tổng Công ty IDICO-CTCP ngày 09/06/2021.
 - Hợp đồng liên doanh giữa Công ty cổ phần Tôn Đông Á và Công ty TNHH Posco Việt Nam ngày 30/08/2021.
- + Mục đích nhận vốn góp: Thành lập Công ty để xây dựng nhà máy 3
- + Loại hình Công ty: Công ty TNHH hai thành viên trở lên.
- + Vốn điều lệ đồng thời là tổng nguồn vốn góp để thực hiện dự án là 1.533.484.000.000 đồng được chia thành 2 giai đoạn. Trong đó:
 - **Giai đoạn 1:**
 - o Vốn điều lệ ban đầu tại thời điểm đăng ký kinh doanh để thành lập doanh nghiệp là: 938.868.000.000 đồng, bao gồm:

Thành viên góp vốn	Vốn điều lệ (đồng)	Tỷ lệ góp vốn	Phương thức góp vốn
Công ty cổ phần Tôn Đông Á	478.823.000.000	51%	Góp vốn bằng tiền mặt
Công ty TNHH Posco Việt Nam	460.045.000.000	49%	Góp vốn bằng quyền sử dụng đất
Tổng cộng	938.868.000.000	100%	

Đối với phần vốn góp 478,82 tỷ đồng của Tôn Đông Á, Tôn Đông Á sử dụng một phần tiền thu được từ đợt chào bán là 345,68 tỷ đồng, phần còn lại Công ty sẽ sử dụng nguồn vốn tự có của Công ty và/hoặc nguồn khác như vay vốn từ các tổ chức

tín dụng, kêu gọi vốn góp từ các cá nhân hoặc tổ chức có năng lực tài chính khác để đảm bảo kế hoạch đầu tư của Công ty.

- Thời gian thực hiện: Sau khi dự án được cấp Giấy chứng nhận đầu tư và trong vòng 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
- Tiến độ dự kiến triển khai: Công ty cổ phần Tôn Đông Á đang thực hiện hoàn tất hồ sơ pháp lý để thành lập pháp nhân chịu trách nhiệm đầu tư dự án. Dự kiến hoàn tất trong tháng 10 – tháng 11 năm 2021).

Sau khi hoàn tất việc thành lập công ty, Công ty sẽ tiếp tục thực hiện các thủ tục để xin cấp Giấy chứng nhận đầu tư và Giấy phép xây dựng. Dự kiến hoàn tất trong Quý 4/2021.

- Giai đoạn 2:

- Vốn điều lệ tăng thêm: 594.616.000.000 đồng, do Công ty cổ phần Tôn Đông Á góp thêm vốn bằng tiền mặt để nâng tỷ lệ sở hữu lên 70%.
- Vốn điều lệ dự kiến sau khi tăng: 1.533.484.000.000 đồng, bao gồm:

Thành viên góp vốn	Vốn điều lệ (đồng)	Tỷ lệ góp vốn	Phương thức góp vốn
Công ty cổ phần Tôn Đông Á	1.073.440.000.000	70%	Góp vốn bằng tiền mặt
Công ty TNHH Posco Việt Nam	460.045.000.000	30%	Góp vốn bằng quyền sử dụng đất
Tổng cộng	1.533.484.000.000	100%	

- Thời gian thực hiện: Chậm nhất vào ngày 30/09/2023.

ii. Thông tin về nhà máy 3

Sau khi thành lập pháp nhân, Công ty sẽ tiếp tục thực hiện các thủ tục để xin cấp Giấy chứng nhận đầu tư và Giấy phép xây dựng để triển khai việc đầu tư xây dựng nhà máy 3.

Tỷ lệ lợi ích của Tôn Đông Á:	51% (Tại thời điểm thành lập công ty vào giai đoạn 1) 70% (Sau khi hoàn tất việc góp vốn giai đoạn 2)
Cơ sở pháp lý thực hiện:	- Biên bản thỏa thuận giữa Công ty cổ phần Tôn Đông Á và Công ty TNHH Posco Việt Nam - Thỏa thuận 03 bên giữa Công ty cổ phần Tôn Đông Á, Công ty TNHH Posco Việt Nam và Tổng Công ty IDICO-CTCP. - Hợp đồng liên doanh giữa Công ty cổ phần Tôn Đông Á và Công ty TNHH Posco Việt Nam ngày 30/08/2021

Mục tiêu đầu tư:	Thành lập Công ty để xây dựng nhà máy 3
Địa điểm thực hiện:	Khu công nghiệp Phú Mỹ II, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu
Diện tích đất của dự án:	194.193,9 m ² (*)
Tổng mức đầu tư dự án:	6.416 tỷ đồng
Công suất	1.200.000 tấn/năm, chia thành 3 giai đoạn: - Giai đoạn 1: 350.000 tấn/năm - Giai đoạn 2: 600.000 tấn/năm - Giai đoạn 3: 250.000 tấn/năm
Dự kiến thời gian hoàn tất:	Giai đoạn 1: Dự kiến hoàn thành vào Quý 2/2023 Giai đoạn 2: Dự kiến hoàn thành vào Quý 1/2025 Giai đoạn 3: Dự kiến hoàn thành vào Quý 1/2026

(*) Phần diện tích POSVIET hợp tác kinh doanh với Công ty cổ phần Tôn Đông Á để thành lập pháp nhân mới thực hiện nhà máy 3 theo Thỏa thuận ba bên là 195.000 m². Tuy nhiên, khi POSVIET thực hiện các thủ tục tách quyền sử dụng đất, phần diện tích đất của dự án sau khi được đo đạc thực tế là 194.193,9 m² và làm tròn thành 194.194 m² theo bản “Mảnh trích đo chính lý bản đồ địa chính” do Văn phòng Đăng ký đất đai Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ký ngày 12/10/2021.

iii. Chỉ tiêu hiệu quả dự án

STT	Các chỉ tiêu kinh tế	Giá trị
1	Tổng vốn đầu tư	6.416 tỷ đồng
2	Giá trị hiện tại thuần (NPV)	36.155 tỷ đồng
3	Thời gian thu hồi vốn	7 năm
4	Tỷ suất thu hồi vốn nội bộ (IRR)	29,3%

iv. Thông tin dự kiến về phương án đầu tư xây dựng nhà máy 3 nêu trên cụ thể như sau:

STT	Dây chuyền/hạng mục xây dựng	Công suất	Giá trị thanh toán
Giai Đoạn 1 (Dự kiến hoàn thành vào Quý 2/2023)			
1	Dây chuyền mạ lạnh	350.000 tấn/năm	787 tỷ đồng
2	Dây chuyền mạ màu	50.000 tấn/năm	43 tỷ đồng
3	Dây chuyền tẩy rỉ	600.000 tấn/năm	191 tỷ đồng
4	Hệ thống tái sinh axit	N/A	100 tỷ đồng

STT	Dây chuyền/hạng mục xây dựng	Công suất	Giá trị thanh toán
5	Máy cán nguội	500.000 tấn/năm	565 tỷ đồng
6	Dây chuyền chia cuộn	N/A	44 tỷ đồng
7	Máy mài trục CNC	N/A	74 tỷ đồng
8	Dây chuyền xả băng	N/A	16 tỷ đồng
9	Xây dựng cơ bản	N/A	454 tỷ đồng
	Tổng cộng	350.000 tấn/năm (dựa trên công suất dây chuyền mạ lạnh)	2.274 tỷ đồng
Giai Đoạn 2 (Dự kiến hoàn thành vào Quý 1/2025)			
1	Dây chuyền mạ kẽm số 1	200.000 tấn/năm	677 tỷ đồng
2	Dây chuyền mạ kẽm số 2	400.000 tấn/năm	833 tỷ đồng
3	Dây chuyền mạ màu số 1	150.000 tấn/năm	512 tỷ đồng
4	Dây chuyền mạ màu số 2	150.000 tấn/năm	467 tỷ đồng
5	Xây dựng cơ bản	N/A	68 tỷ đồng
	Tổng cộng	600.000 tấn/năm (dựa trên công suất 02 dây chuyền mạ kẽm)	2.557 tỷ đồng
Giai Đoạn 3 (Dự kiến hoàn thành vào Quý 1/2026)			
1	Dây chuyền mạ lạnh	250.000 tấn/năm	701 tỷ đồng
2	Nâng cấp dây chuyền tẩy rỉ ở giai đoạn 1	Nâng cấp lên 1.000.000 tấn/năm	66 tỷ đồng
3	Máy cán nguội	500.000 tấn/năm	565 tỷ đồng
4	Dây chuyền chia cuộn	N/A	44 tỷ đồng
5	Máy mài trục CNC	N/A	74 tỷ đồng
	Tổng cộng	250.000 tấn/năm (dựa trên công suất dây chuyền mạ lạnh)	1.450 tỷ đồng

X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC CHÀO BÁN

1. Đơn vị tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

Trụ sở chính: 72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (028) 3824 2897

2. Đơn vị kiểm toán

CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Trụ sở chính: Lầu 20, Tòa Nhà Bitexco, Số 2 Hải Triều, Q. 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3824 5252

3. Đại lý phân phối

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI (SSI)

Trụ sở chính: 72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (028) 3824 2897

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (HSC)

Trụ sở chính: Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB, 76 Lê Lai, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 38 293 826

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN MIRAE ASSET VIỆT NAM (MIRAE ASSET)

Trụ sở chính: Tòa nhà Le Meridien, Tầng 7, 3C Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3910 2222

XI. PHỤ LỤC

Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

Phụ lục II: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số thông qua Phương án phát hành, Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu;

Phụ lục III: Nghị quyết của Hội đồng quản trị thông qua triển khai phương án chào bán và niêm yết cổ phiếu; hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu;

Phụ lục IV: Nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua việc điều chỉnh phương án phát hành và phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán

Phụ lục V: Nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua việc điều chỉnh bộ hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng

Phụ lục VI: Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty;

Phụ lục VII: Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã kiểm toán năm 2019 và năm 2020; Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất quý III năm 2021;

Phụ lục VIII: Tài liệu liên quan đến mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán:

- + Biên bản thỏa thuận giữa Công ty cổ phần Tôn Đông Á và Công ty TNHH Posco Việt Nam;
- + Thỏa thuận 03 bên giữa Công ty cổ phần Tôn Đông Á, Công ty TNHH Posco Việt Nam và Tổng Công ty IDICO-CTCP.
- + Trích yếu Hợp đồng liên doanh giữa Công ty cổ phần Tôn Đông Á và Công ty TNHH Posco Việt Nam ngày 30/08/2021.

Ngày 24... tháng 12.. năm 2021
TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGUYỄN THANH TRUNG

TỔNG GIÁM ĐỐC


HỒ SONG NGỌC

KÊ TOÁN TRƯỞNG


TRẦN LỆ XUÂN



TON DONG A

BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN
CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN DÔNG Á



Ngày 24.. tháng 12.. năm 2021

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI
GIÁM ĐỐC KHỐI DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ



NGUYỄN NGỌC ANH

